

CÁC BẬC THẦY VÀ VỊ THẦY

Richard Lawrence Josephson

CÁC BẠC THẦY VÀ VỊ THẦY

Nguyễn Thanh Huy dịch

**Lưu hành nội bộ
2026**

Các Bậc Thầy và Vị Thầy

Ấn bản lần thứ hai

Bản quyền: Richard Lawrence Josephson, 2023

Email: samudra@msn.com

Mọi quyền được bảo lưu. Không một phần nào của cuốn sách này được phép sao chép, tái bản hay sử dụng dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử hay cơ học, bao gồm photocopy, ghi âm, hoặc bất kỳ hệ thống lưu trữ và truy xuất thông tin nào, nếu không có sự cho phép bằng văn bản của nhà xuất bản.

Ấn bản lần thứ nhất: Tháng 3 năm 2023

ISBN: 9798390305829

Biên tập - Mudra Love

Mọi quyền được bảo lưu.

佛曆三〇〇四年十月吉旦於美
國加州地利城



脩道者內無身心外無世界
既不求名利更不著財色
視金錢如土見美艷如華
不為境界所迷不被幻
緣所轉不動如山鬱難知
超陰陽作疾風中勁燭烈
火內精金只知人而忘己
決不施思而期款真中更
實上加實超人思鬼神莫測
行所無事離相絕言讚
無可讚毀無可毀故能如
白不動了了常明光曜後
永垂不朽其誌之哉即說
頌曰
譬如大海納百川
萬緣放下何年
寂言朕兆離思言
誰知本性遍三千
宣化上人書示

To the practitioner Kung (Emptiness,)

When you practice the Path, inside there is no body and mind and outside there is no world. That being the case, one does not seek for fame or personal benefit; even more one does not become attached to wealth, form, or sexual gratification.

One regards money like dirt. One regards beautiful objects as flowers in the sky (empty adornments). Don't become confused by external states; don't be effected by illusory conditions. Be unmoving like a mountain.

It is difficult to transcend yin and yang. When there is a powerful wind, you want to be an unmoving flame. Inside you should have a fierce fire to refine your gold. Only consider helping others and forget yourself. Definitely do not bestow kindness because you want something in return. Within what is true, be even more true. Within what is real, become even more real.

Transcend the thinking of ordinary people, they are unable to fathom you. Don't pay attention to gods, ghosts, and spirits. In your practice there should be no events going on. Be apart from appearances, and don't talk and praise that which cannot be praised. Don't do

away with that which can't be done away with, because you can't praise that which cannot be praised or do away with that which cannot be done away with. Then you will be thus, thus unmoving, eternally bright and understanding. Then your light can illuminate the generations to come, and your enlightened understanding will continue without disruption.

Now I repeat these instructions in verse.

In raising your head and moving your feet, accord with heaven and earth.

Just as the ocean includes the waters of a hundred rivers, when you are without any attachments at all, that is true happiness.

If you let go of the myriad conditions, you don't need to worry what year it is.

When you have the ease that comes from mastering yourself and quietly contemplate, then you transcend the world of opposites.

There is no way to express this incredibly good fortune because it is an indescribable state. Don't seek externally because everything is false. Who knows the original nature is the universe of a billion worlds?

THESE INSTRUCTIONS OF THE VENERABLE MASTER HSUAN HUA, RESPECTFULLY WRITTEN DOWN BY ONG SONG AN, IN THE YEAR 3004 OF THE BUDDHIST CALENDAR, TENTH MONTH (1977,) ON AN AUSPICIOUS DAY, IN DALY CITY, CALIFORNIA. TO THE PRACTITIONER KUNG (EMPTINESS,)

Tạm dịch từ bản tiếng Anh:

Gửi người hành giả Kung (Không),

Khi con thực hành đạo, trong không còn thân tâm, ngoài chẳng có thể giới. Đã như vậy rồi, thì không tìm cầu danh tiếng hay lợi ích cá nhân; Lại càng không chấp trước vào tiền tài, sắc tướng, hay dục lạc.

Hãy xem tiền bạc như đất bụi. Hãy xem những vật đẹp đẽ như hoa đóm giữa hư không (những trang sức rỗng không). Đừng để các cảnh bên ngoài làm mê loạn; đừng để những duyên huyễn hóa chi phối. Hãy bất động như núi.

Âm và dương rất khó vượt qua. Khi có cơn gió mạnh thổi đến, con phải là ngọn lửa không lay động. Bên trong phải có ngọn lửa mãnh liệt để luyện vàng chân thật của mình. Chỉ nghĩ đến việc giúp người và quên chính mình. Tuyệt đối không ban ân huệ vì mong

cầu điều gì đáp lại. Trong chân, hãy càng thêm chân. Trong thực, hãy càng thêm thực.

Hãy vượt khỏi tư duy của phạm phu - họ không thể dò lường được con. Đừng để tâm đến thân, quỷ hay linh. Trong sự thực hành của con, không nên có bất kỳ sự kiện nào diễn ra. Hãy lìa khỏi các tướng, và đừng nói hay khen ngợi điều không thể khen ngợi. Đừng đoạn trừ điều không thể đoạn trừ, bởi vì cái không thể khen thì không thể khen, và cái không thể đoạn thì không thể đoạn. Khi ấy con sẽ như như bất động, thường chiếu, thường minh. Khi đó ánh sáng của con có thể soi chiếu các thế hệ mai sau, và trí tuệ giác ngộ của con sẽ tiếp nối không gián đoạn.

Nay ta lặp lại những lời chỉ dạy này bằng kệ.

Ngẩng đầu và nhắc bước, hòa hợp với trời đất.

Như đại dương dung chứa nước của trăm sông,

Khi không còn bất kỳ sự chấp trước nào, đó chính là hạnh phúc chân thật.

Nếu con buông được hết thảy nhân duyên, đâu cần bận tâm nay là năm nào.

Khi con có sự an nhiên đến từ việc tự mình làm chủ và lặng lẽ quán chiếu, thì con sẽ vượt khỏi thế giới đối đãi.

Phước lành thù thắng này không thể diễn tả, vì đó là cảnh giới không thể nói thành lời. Đừng tìm cầu bên ngoài, bởi vì tất cả đều là giả.

Ai biết được rằng tự tánh vốn là vũ trụ của muôn ức thế giới?

NHỮNG LỜI CHỈ DẠY NÀY CỦA HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA, ĐƯỢC ONG SONG AN KÍNH CẦN GHI CHÉP LẠI, VÀO NĂM PHẬT LỊCH 3004, THÁNG MƯỜI (1977), NHĂM NGÀY LÀNH, TẠI DALY CITY, CALIFORNIA, GỬI ĐẾN NGƯỜI HÀNH GIẢ KUNG (KHÔNG).

LỜI TỰA

Độc giả của cuốn sách chân thành này sẽ tìm thấy nhiều điều củng cố và khích lệ sự hiểu biết của mình về việc học Phật và tu tập. Được viết với sự hài hước và khiêm tốn, Richard Josephson kể lại câu chuyện về quá trình học tập và rèn luyện của mình dưới sự hướng dẫn của Hòa thượng Tuyên Hóa, vị thầy Phật giáo thuộc truyền thống Thiền Trung Hoa. Trong sách, chúng ta được làm quen với vị thầy của tác giả qua những lời dạy chính thức và đời thường được kể lại một cách gần gũi.

Những độc giả phương Tây quan tâm đến Pháp (Dharma) sẽ tìm thấy câu chuyện cá nhân về hành trình tu tập của một đệ tử, đan xen với những giai thoại sống động về vị thầy của mình, còn được gọi là "Sur phụ". Trong thời đại ngày nay, thật đáng quý khi tìm thấy một câu chuyện chân thực về cả đời học Phật và tu tập, rõ ràng và âm áp, mà không sa vào cảm tính. Cuốn sách

sẽ giúp độc giả suy ngẫm về con đường tâm linh của chính mình.

Những nghi ngờ, nỗi sợ và sai lầm phổ biến của phần lớn Phật tử phương Tây đều được đề cập một cách giản dị và cởi mở. Dù sách không dày, nhưng sắc bén trong nỗ lực ghi chép lại trải nghiệm và sự thấu hiểu của tác giả. Lòng biết ơn của ông dành cho Sư phụ có thể được cảm nhận trên từng trang sách. Ai mà không biết ơn một vị thầy, với tình thương và lòng kiên nhẫn, đã giúp mình buông bỏ những gánh nặng cả đời?

Tác giả chia sẻ: "Một nguyên tắc duy nhất mà Sư phụ luôn kiên định là "tất cả những gì còn cần là một trái tim chân thành."" Tôi hy vọng rằng bất cứ ai đọc cuốn sách nhỏ này đều tìm thấy sự khích lệ và rõ ràng trong nỗ lực tu tập, phát triển một tâm hồn thiện lành đích thực qua học Phật chân chính.

Sogan Rinpoche Ngày 31 tháng 3 năm 2023,

Thành phố Carson, Nevada, Hoa kỳ.

LỜI NÓI ĐẦU

Ý định của tôi khi viết cuốn sách này là để chia sẻ những “bài học rút ra” cho những ai, giống như tôi, có quan tâm đến việc hành trì theo Phật pháp. Cuốn sách này nói về mối quan hệ giữa tôi và Hòa thượng Tuyên Hóa. Đây là một nỗ lực nhằm bày tỏ cảm xúc của tôi đối với Ngài - vị Đạo sư căn bản (root guru¹) của tôi - những cảm xúc vẫn không thay đổi trong suốt mười năm tôi theo Ngài, trong đó có bảy năm rưỡi là một vị Tỳ-kheo thọ giới đầy đủ, sau đó là một cư sĩ tại gia, và một lần nữa là một người tìm đạo độc hành.

Cuốn sách này không nói về bản thân tôi, vì vậy tôi đã lược bỏ nhiều câu chuyện có thể kể. Tôi để dành

¹ Đạo sư (Guru) là một thuật ngữ bắt nguồn từ tiếng Phạn, có nghĩa là "người thầy." Tuy nhiên, trong lĩnh vực tâm linh, nó vượt lên ý nghĩa thông thường để chỉ một "Bậc Thầy đã giác ngộ"—người dẫn dắt những ai đang trên con đường thức tỉnh.

những câu chuyện đó cho tập hai. Tuy nhiên, tôi có minh họa một số bài học mà tôi đã học được trên con đường tu tập - nhiều bài học trong số đó được ẩn giấu một cách kín đáo, và chỉ hiện rõ dần như cây cối chậm rãi lớn lên.

Hòa thượng Tuyên Hóa chưa từng truyền pháp quán đảnh trong suốt cuộc đời mình, vì Ngài không có hứng thú làm vừa lòng những đệ tử mang ý tưởng “ngộ ngay lập tức” mà không cần nỗ lực, thậm chí còn mong đạt được điều đó một cách dễ dàng. Đối với đệ tử, Ngài là một bậc thầy dành cho những người “bền chí đến cùng” - những người sẵn sàng “hy sinh ở chiến hào cuối cùng”.

Tôi chưa từng thấy điều gì phi thường từ Sư phụ. Điều mà tôi cảm thấy là phi thường, đó là niềm tin kiên định không lay chuyển mà tôi có với Ngài ngay từ lần đầu gặp gỡ. Trước đây tôi chưa từng có cảm giác như vậy với ai, nhưng đây lại là người mà tôi sẵn sàng hy sinh vì Ngài. Tôi đã gặp đủ loại thầy, cả nam lẫn nữ - có người trước khi tôi gặp Sư phụ, có người sau đó - nhưng nếu “nhân duyên” chưa hội đủ, thì bài học cũng chưa thể xuất hiện. Tìm được vị thầy giống như nhìn vào gương và biết chắc đó chính là khuôn mặt của mình.

Cuốn sách này nhằm khích lệ những hành giả đồng hành trên con đường Đạo phát khởi một sự hiểu biết chân thực về ý nghĩa của việc tu hành — và cách tu

sao cho đúng. Không điều gì được nói trong cuốn sách này sẽ chỉ cho bạn một hướng đi gọi là "đúng", mà đúng hơn, là giúp bạn tự khám phá con đường của chính mình. Việc lắng nghe người khác đã được chuyển hóa như thế nào có thể mang lại sự chuyển hóa cho chính ta, và trong những trang này, tôi mong được làm sáng tỏ những "phương pháp" mà Sư phụ đã dùng để giúp các đệ tử của Ngài nhận ra Chân Lý vốn luôn hiện hữu bên trong, bằng cách chỉ bày con đường loại bỏ những thứ che khuất nó.

“Chánh kiến” là một thuật ngữ trong Phật giáo, chỉ thái độ bao dung rộng mở - tức Đại Thủ Ấn (Mahamudra)² - trong đó chúng ta nhận ra "cái tôi cá nhân" chỉ là ảo tưởng, và từ đó buông xả để thấy rõ sự thật không thể tránh khỏi về tính tương liên giữa ta và tất cả chúng sinh. Khi buông bỏ ảo tưởng về cái tôi biệt lập, tâm ta trở nên rộng mở thật sự. Qua cái thấy về sự phù phiếm của việc cố "trở thành ai đó", ta chợt nhận ra "không ai" là hoàn hảo cả.

Nếu muốn tháo gỡ một nút thắt, ta phải có một sợi dây; và nếu muốn hóa giải những khái niệm sai lầm do ngôn ngữ tạo ra, ta phải gỡ bỏ những gì đã được kiến tạo qua sự lạm dụng của ngôn từ. Do đó, sự lý giải đúng đắn là nền tảng căn bản cho hành trì pháp, quan

² Đại Thủ Ấn (Mahamudra) là tên gọi của pháp thiền chủ yếu trong truyền thống Kagyupa của Phật giáo Tây Tạng.

trọng hơn cả thần chú, quán tưởng và các phương pháp phổ biến khác mà người mới thường ưa thích vì sự dễ dàng của chúng. Dầu vậy, thiền quán (analytical meditation) cuối cùng cũng phải được thực hành dù điều đó có khó khăn. Đây là yếu tố thiết yếu hàng đầu dẫn đến “chánh kiến” quan trọng bậc nhất, nếu thiếu thì tất cả thiền định đều sẽ thất bại.

Trước khi có “chánh kiến,” chúng ta thường bị chi phối bởi tâm mong cầu kết quả, nhưng khi chánh kiến dần khai mở, ta không còn chạy theo thành tựu mà dần lấy con Đường tu tập làm lẽ sống. Sự dẫn dắt của một vị Thầy sẽ trở nên cần thiết vào một lúc nào đó, và ta phải tạo điều kiện cho điều ấy xảy ra bằng cách chuẩn bị tâm thức chín muồi và mở lòng một cách chân thành. Qua việc học hỏi, quán chiếu và thiền định, ta phải nuôi dưỡng một khát khao chân thật trước khi vị Thầy xuất hiện để đáp ứng nó. Có câu ngạn ngữ xưa rằng: “Khi người học trò đã sẵn sàng, vị Thầy sẽ xuất hiện.”

Sau cùng, cuốn sách này chỉ là quan điểm cá nhân của tôi. Hiển nhiên đây không phải kinh điển. Tôi không cho rằng mọi người quanh Sư phụ đều cảm nhận như tôi, hay bất kỳ ai đã từng, mà chỉ đơn thuần là những gì tôi cảm nghiệm. Bạn có thể thấy mình trong những trang sách này, hoặc không, nhưng nếu không đồng tình, hãy phân biệt rõ lý do, bởi điều đó dẫn đến sự sáng tỏ không kém gì sự đồng thuận, thậm chí có thể hơn.

ĐẾN NÚI VÀNG

Kim Sơn Tự ở San Francisco là một tòa nhà gạch ba tầng lạnh lẽo nằm giữa khu "các dự án" - một trong những khu phố khó sống nhất thành phố. Nơi ấy không có nước nóng, không hệ thống sưởi, và cũng chẳng có tấm thảm chào đón nào. Nhưng với tôi, như thế cũng tạm ổn, ít ra còn khá hơn chút so với hang động ở Nam Ấn Độ nơi tôi từng sống. Tôi đến đó nhờ một chuỗi tình cờ bắt đầu từ bốn năm trước, khi thăm vài người phụ nữ quen biết sống ở Bờ Bắc đảo Oahu. Trong căn chòi bãi biển đơn sơ của họ có một bàn thờ với hai bức ảnh thu hút ánh mắt của tôi - những bức ảnh sau này sẽ làm thay đổi cuộc đời tôi. Khi hỏi ra mới biết đó là chân dung Thiền sư Hư Vân và vị thánh Hồi giáo Shirdi Sai Baba, cả hai đều là những cái tên xa lạ với tôi khi ấy, và tiếc thay, chủ nhà cũng chẳng biết thêm gì để giải thích.

Tôi rời đi chỉ sau vài phút. Có lẽ tôi ghé qua chỉ để uống ngụm nước, bởi lúc đó tôi đang sống lang bạt trên các bãi biển Hawaii, ăn bất cứ thứ gì kiếm được từ thiên nhiên ban tặng hay lượm nhặt từ thùng rác. Cứ thế trôi qua hai năm, phần lớn thời gian tôi ngồi thiền trong rừng rậm hoặc trên những bãi biển hoang sơ. Thịnh thoảng, tôi ở lại các trại cá và giúp ngư dân vá lưới để đổi lấy rau quả họ mua được từ số tiền bán hải sản trong ngày. Sau vài năm sống không tiền bạc, không mái nhà, cũng chẳng có Đạo sư hướng dẫn, tôi quyết định mình nên tìm cho được vị Đạo sư, thế là tôi nhận việc tại khách sạn đầu tiên được xây dựng trên Đảo Lớn Hawaii.

Tôi làm việc suốt sáu tháng trời, sống trên mảnh đất của bạn bè cho mượn, trong một căn chòi cột gỗ giữa rẫy cà phê rộng hàng mẫu. Tôi mua một chiếc xe máy để đi làm, và sau sáu tháng thì nghỉ việc, dành dụm được hai ngàn đô - số tiền mà tôi tính toán kỹ lưỡng đủ để sống ở phương Đông trong hai năm. Hai tuần sau, tôi đáp xuống sân bay Calcutta vào lúc nửa đêm tháng Bảy năm 1969. Chẳng một bóng người trong nhà ga, cũng không có ai trên lối đi dài dẫn ra ngoài. Chỉ có vô số con gián chạy tán loạn khắp nơi, nhắc tôi nhớ rằng có những thứ không hề khác biệt dù ở bên kia địa cầu.

Tôi tìm được một chiếc xe xích lô chở vào trung tâm Calcutta, chừng một tiếng sau thì đến nơi. Người

phu xích lô thả tôi xuống phố Park. Một mình lang thang tìm chỗ ngủ, chẳng mấy chốc tôi nhầm tưởng một dinh thự nguy nga là nhà thờ, liền trèo qua hàng rào và nằm vật xuống lối đi để ngủ. Chẳng bao lâu sau, một thanh niên Bengal tên Clifford đánh thức tôi dậy, giải thích rằng đây là nhà riêng của gia đình anh chứ không phải nhà thờ, và tôi phải đi ngay.

Tôi rời đi, để lại đằng sau lưng tòa dinh thự đồ sộ ấy, nghĩ rằng lần sau sẽ chọn nơi khiêm tốn hơn để trú chân. Nhưng chưa đi được bao xa, tôi đã nghe tiếng người đuổi theo phía sau. Hóa ra là Clifford - chàng trai vừa đuổi tôi đi vài phút trước - giờ đây giải thích rằng chúng tôi đã đánh thức mẹ anh, bà Hassan, và bà nhất quyết mời tôi uống trà trước khi lên đường. Đúng là lòng hiếu khách đặc trưng của người Bengal!

Chúng tôi - ba người - ngồi uống trà ăn bánh quy suốt một lúc lâu. Khi bình minh gần tới, bà Hassan đề nghị mọi người nên đi ngủ, và cho phép tôi nghỉ lại ở phòng khách. Sáng hôm sau, bà hỏi chồng là Sydney xem tôi có thể ở thêm không, và ông đồng ý. Thế là tôi trở thành vị khách của họ suốt sáu tháng, có khi ở có khi đi, trong khoảng thời gian hai năm tôi sống ở Ấn Độ và Nepal.

Biết rõ sở thích của tôi, Clifford gợi ý tôi nên đến dãy Himalaya ở Nepal, và để giúp tôi thực hiện điều đó, cậu giới thiệu tôi với một nhóm thanh niên. Họ kể cho

tôi nghe về một nơi gần Trại Căn cứ Everest có tên là Tengboche. Chỉ sau vài tuần ở cùng gia đình Hassan, tôi đã quyết định lên đường đến đó.

Tôi ở lại Kathmandu đủ lâu để bị ốm nặng đến mức không thể tự chữa khỏi. Phổi bị nhiễm trùng và tôi bị tiêu chảy. Thuốc men và chăm sóc bệnh viện đều không có tác dụng. Vì vậy, tôi quyết định lên núi sớm hơn thay vì chờ đợi thêm, bắt chuyến xe buýt cả ngày ra khỏi Thung lũng đến Lamasangu - nơi khởi đầu chuyến đi bộ kéo dài một tháng tới Trại Căn cứ Everest. Tôi đi rất chậm và sau khoảng hai tuần thì tình cờ gặp tu viện Seti Gompa. Tôi hỏi người bạn đồng hành (vừa quen khoảng một tiếng trước) xem anh có thể giúp phiên dịch ý định của tôi với vị trụ trì không. Anh đồng ý và nói anh cũng sẽ ở lại nếu vị trụ trì chấp thuận.

Vị Lạt ma Zambhala - trụ trì tu viện - đã đồng ý và dành cho chúng tôi một khoảng trống trên sàn điện thờ. Khi đang chuẩn bị chỗ ngủ, người bạn đồng hành bất ngờ hỏi tôi đoán xem ai đã tặng anh chiếc quần leo núi. Một câu hỏi kỳ lạ! Tôi liền bó tay chịu thua. Thì ra, chính Quốc vương Bhutan đã tặng anh món quà đó. Người bạn đường của tôi không ai khác chính là Tenzin Norbu lừng danh - người đầu tiên cùng Sir Edmund Hillary chinh phục đỉnh Everest.

Tenzin rời đi sáng sớm hôm sau, nhưng trước khi đi, tôi nhờ anh giải thích với vị trụ trì rằng tôi quá yếu

không thể tiếp tục hành trình và xin phép được ở lại đến khi khỏe hơn. Vị trụ trì đồng ý, và thế là tôi ở lại cả tháng trời, ăn một loại súp được nấu trong chiếc nồi lớn luôn sôi trên bếp lửa. Từ từ tôi khỏe lại nhờ thành phần "thần kỳ" của món súp - shoshoom, một loại mồi cừ lên men cực kỳ, được xem như "đặc sản". Loại mồi cừ đó thực sự đã phân hủy, không phải kiểu lên men khoa học như phô mai Blue Cheese, Roquefort hay Limburger của phương Tây. Nó thối rữa tím ngắt xuyên suốt và bốc mùi kinh khủng. Shoshoom mạnh đến nỗi chỉ một thìa đã đủ làm đậm đà cả nồi súp mười gallon (gần 38 lít) nấu liên tục ngày đêm. Món súp còn có củ cải, ngô, khoai tây và các loại thảo mộc. Kỳ diệu thay, món súp đã làm được điều mà bệnh viện và y học phương Tây bó tay - chỉ sau một tháng, tôi đã hoàn toàn bình phục.

Tôi ngồi thiền và giúp vợ vị trụ trì nhặt củi suốt tháng trời, cảm thấy mình như con trai họ bởi sự âm áp và hào phóng họ dành cho tôi. Sau đó, tôi lên đường tới Tengboche - hành trình đi bộ khoảng hai tuần, nhưng với người Sherpa thì chỉ cần một tuần.

Chiều hôm sau khi rời Seti Gompa, tôi tình cờ gặp một tu viện khác trong Thung lũng Junebesi, tại một nơi gọi là Serlo. Tôi xin phép vị trụ trì - Lạt ma Sangye Tenzin - cho tôi nghỉ lại qua đêm, mà không ngờ rằng mình sẽ ở lại cả năm trời, và chẳng bao giờ đi xa hơn nữa.

Tôi được cho ở trong một túp lều đá - nơi mẹ của vị trụ trì đã qua đời. Sáng hôm sau, khi thức dậy đánh răng, mây mù ngày hôm trước đã tan biến, để lộ ra một ngọn núi băng khổng lồ cao hơn 7.600 mét đột ngột hiện ra trước mặt. Tôi choáng ngợp trước vách núi dựng đứng này (chưa từng được chinh phục) và chợt nhận ra mình chẳng cần phải đến Tengboche làm gì nữa. Tôi liền xin phép vị trụ trì cho ở lại thêm, và ngài đồng ý.

Suốt ngày tôi ngồi thiền, chỉ trừ lúc đi nhặt củi cùng mẹ của Tobkey - một đệ tử của vị trụ trì. Buổi tối, tôi ngồi cùng ngài bàn luận triết lý và ăn những củ khoai tây tròn nhỏ chấm muối ớt đỏ. Ngôn ngữ duy nhất giữa chúng tôi là những nét vẽ nguệch ngoạc và cử chỉ, thế mà chúng tôi vẫn có thể khiến nhau cười suốt buổi trong những nỗ lực diễn đạt ý tưởng.

Tôi và vị trụ trì nhanh chóng trở thành bạn thân - một tình bạn kéo dài nhiều thập kỷ cho đến khi ngài viên tịch. Ngài là một học giả xuất chúng và thiền giả tài năng, nhưng không phải vị đạo sư tôi tìm kiếm. Một ngày nọ, ngài bảo tôi mang lễ vật đến cúng dường Đức Trulshik Rinpoche - vị Lạt ma đáng kính đang trụ trì tại tu viện Thupten Choling, cách đó khoảng sáu giờ đi bộ. Sangye Tenzin chuẩn bị cho tôi bơ, lúa mạch rang để cúng dường, cùng một chiếc khăn lụa *khata* để dâng lên vị Thầy sau khi đánh lễ. Đó là năm 1969, và đây là vị Thầy

đầu tiên tôi đánh lễ. Ngài đã trở thành bậc đạo sư quan trọng trong đời tôi cho đến khi viên tịch năm 2011.¹

Tôi vẫn chưa tìm được vị thầy mình mong đợi, nên sau một năm ở vùng núi, tôi quyết định xuống Kathmandu, rồi bắt xe buýt sang Ấn Độ. Trên đường xuống Kathmandu, có kẻ đã lấy sạch đồ đạc của tôi. Hẳn phải là tay trộm điêu luyện, bởi lúc đó tôi đang dùng đồ đạc làm gối, ngủ chung với vài người khác trên hiên nhà trọ. Tôi tỉnh dậy không một xu dính túi, mà vẫn còn những mười ngày nữa mới đến chuyến xe buýt đi Kathmandu.

May mắn thay, chủ nhà trọ đề nghị cho tôi vay một khoản tiền với điều kiện phải hoàn lại cho em trai ông khi đến Kathmandu. Số tiền ông đưa vừa đủ để tôi vật lộn xuống núi, nhưng không đủ mua vé xe buýt đến Kathmandu. Thế là tôi phải bán chiếc ô của mình để có tiền mua vé.

Tôi ở lại Kathmandu một hoặc hai tuần, tìm được em trai của ân nhân và trả nợ trước khi lên đường trở lại nhà Hassan ở Calcutta. Nhưng một trở ngại nữa lại chờ tôi trước khi vào Ấn Độ. Tôi đã không có visa Nepal trong gần một năm, và nghĩ rằng khả năng rời Kathmandu mà không bị phạt hoặc thậm chí ngồi tù là

¹Mãi gần hai thập kỷ sau, tôi mới biết được địa vị tôn quý của Trulshik Rinpoche - ngài chính là vị lãnh đạo một trong bốn tông phái chính của Phật giáo Tây Tạng.

rất thấp, nên tôi quyết định đến trạm kiểm soát biên giới có lẽ an toàn hơn. Tôi bắt xe buýt, mười tám tiếng sau thì trình diện tại cửa khẩu. Vừa nhìn thấy hộ chiếu, họ liền bảo tôi quay về làm thủ tục ở Kathmandu. Tôi rời trạm kiểm soát và đang tìm xe buýt về Kathmandu thì một người đàn ông Punjab đi ngang qua hỏi tại sao tôi trông buồn thế. Tôi kể lại câu chuyện, anh ta bảo "không thành vấn đề", rồi vẫy một chiếc xe tải chở hàng dừng lại, mở cửa, nhét tôi vào giữa đống hàng và đẩy tôi nằm xuống. Mười phút sau, tôi đã ở Ấn Độ. Người bạn đồng hành dẫn tôi đến ga xe lửa rồi đòi tiền. Tôi đưa ví cho anh ta, và dù là kẻ trộm nhưng cũng có lòng tốt, anh ta trả lại tôi một nửa khi nghe tôi giải thích rằng nếu lấy hết, tôi sẽ không còn tiền mua vé tàu.

Tôi ở lại vài tuần với "gia đình" mình, ban ngày lang thang khắp các con phố Calcutta, luôn được kẹp giữa những bữa sáng và tối ngon lành cùng bà Hassan. Chồng bà, Sydney, phụ trách phân phối than cho cả Calcutta và bận rộn nhận hối lộ nên hiếm khi cùng ăn với chúng tôi. Những đứa trẻ - Babs, Clifford và Ian, đều ở tuổi thiếu niên - ít khi có thời gian cho bữa ăn đáng hoàng, nhưng thường xẹt qua đứng nhón vài miếng rồi biến mất.

Trong những ngày lang thang phố phường Calcutta, tôi bắt gặp chính tấm ảnh đã thấy trên bàn thờ của mấy cô gái ở Hawaii - một tấm poster Shirdi Sai

Baba. Tôi bước vào cửa hàng bán poster đó và hỏi chủ quán làm sao tìm được vị thánh nhân trong ảnh. Ông ta bảo ngài đã mất, nhưng hóa thân của ngài đang giảng dạy ở Nam Ấn - vị avatar Satya Sai Baba. Sau chuyến tàu kéo dài cả tuần, tôi đã đến nơi.

Tôi biết mình đã tới đúng chỗ ngay lập tức. Có khoảng một nghìn tín đồ cùng những chiếc lều lớn như trong rạp xiếc dựng quanh ashram, miễn phí cho tất cả mọi người. Sự hiện diện của Sai Baba thật đặc biệt. Dáng người nhỏ nhắn, mái tóc xoăn bồng bênh như Hendrix, nhưng sự hiện diện của ngài làm lu mờ mọi thứ xung quanh. Ngài di chuyển không mang vẻ uy nghiêm nặng nề thường thấy ở các bậc minh sư, mà gần như phiêu bồng, như thể được làn gió đưa đi.² Chúng kiến sự hiện diện phi thường của ngài - khác biệt hoàn toàn so với các vị thánh khác - tôi chợt hiểu vì sao ngài có thể tuyên bố mình là "Thượng Đế" mà không gặp phải sự phản đối. Từ đó đến nay, tôi chưa từng gặp vị đạo sư nào mang vẻ siêu phàm đến thế.

Thức ăn ngon lành ở ashram được phục vụ với giá rẻ. Món ăn được nấu hàng ngày theo đúng chỉ dẫn của Baba. Bất cứ ai cũng có thể ngủ trong những chiếc lều - lựa chọn thông thường và hoàn toàn miễn phí.

² Tôi đã phỏng vấn một số bạn học của ngài, tất cả đều khẳng định từng nhiều lần chứng kiến ngài bay lượn - một hiện tượng thường xảy ra sau giờ tan trường. Khi được phỏng vấn, họ đều đã là những người trưởng thành, và những lời kể của họ rất nhất quán, đáng tin.

Một số người nước ngoài thấy tôi thiền định nhiều giờ liền khuyên tôi nên tìm một hang động trong sa mạc. Thế là tôi hỏi ý kiến ông Kustori, thị giả của Sai Baba. Ông Kustori chỉ tôi đến một yogi đã sống trong hang động phía trên ashram hơn mười lăm năm - Sai Das - và bảo tôi nên xin lời khuyên của ông ấy.

Tôi làm theo và ngạc nhiên khi vị yogi này nói tiếng Anh lưu loát. Tôi hỏi về xuất thân của ông, và ông giải thích rằng mình từng là bậc thầy y học Ayurveda nhưng đã từ bỏ để noi gương cha, trở thành một yogi.

Cha ông, để dâng lễ vật cho thần lửa *Agni*, mỗi năm một lần ngồi thiền giữa một đồng củi cao đến mức phải mất cả ngày mới cháy hết. Khi chỉ còn lại tro tàn, cha ông vẫn ngồi kiết già bất động, hoàn toàn vô sự. Sai Das nhận xét rằng đức tin được truyền cảm hứng từ tấm gương của cha khiến ông không thể không noi theo.

Thật khó tin, Sai Das nói tôi có thể nhận lấy hang động của ông! Các đệ tử đang xây một ashram cho ông, và ông sẽ chuyển đến đó trong vài ngày tới. Chính tại hang động đó, tôi đã sống suốt sáu tháng tiếp theo.

Hàng ngày, tôi đều được diện kiến Sai Baba trong một điện bhajan³ nhỏ - nơi Ngài cùng vài chục tín đồ ca hát những bài thánh ca. Mỗi ngày tôi dành một hai tiếng ở ashram, nhưng phần lớn thời gian ngồi thiền

³ Thánh ca

trong hang và đi bộ hàng giờ trên sa mạc sa thạch cằn cỗi. Đêm nào tôi cũng thành tâm cầu nguyện Baba chỉ dạy cho tôi tìm được bậc minh sư, và có nhiều giấc mơ báo hiệu điều ấy sắp thành hiện thực.

Một ngày nọ, khi đang đứng trông từ hang động xuống ashram phía dưới và suy tính đường xuống núi, tôi chợt nghĩ đến một lối đi mới sẽ ngang qua đồn cảnh sát kề bên ashram. Bên trong, tâm trí tôi đang phản đối dữ dội, nhưng tôi vẫn đi con đường ấy bất chấp những cảnh báo nội tâm. Chẳng mấy chốc tôi sẽ nhận ra mình đáng lẽ nên lắng nghe những mách bảo từ bên trong nhiều hơn.

Vừa đi ngang trước đồn cảnh sát, tôi liền bị gọi vào bên trong. Cảnh sát yêu cầu xem hộ chiếu của tôi. Tôi quay về hang, lấy hộ chiếu mang đến trình diện. Khi thấy tôi không có visa Nepal quá một năm, không có visa nhập cảnh Ấn Độ hay xuất cảnh Nepal, họ tuyên bố tôi phải đến Cục Quản lý Xuất nhập cảnh ở New Delhi để giải quyết, và nói thêm rằng chỉ vì tôi là tín đồ của Baba mà họ miễn cho tôi án tù.

Khi tới New Delhi bằng tàu hỏa, tôi đi bộ hàng giờ để tới "Cục Quản lý Xuất nhập cảnh". Không biết sẽ đối mặt với điều gì, tôi thấy nhẹ nhõm vô cùng khi bước vào văn phòng của Trưởng cục. Trên tường phía sau bàn làm việc của ông treo một bức tranh lớn Satya Sai Baba. Thay vì phạt tiền hay bỏ tù, ông cử hai nhân viên đưa tôi ra sân bay và đặt tôi lên chuyến bay về Mỹ.

Lúc đó tôi chỉ mang dép tông, áo phông và một tấm vải quấn quanh hông - một chiếc dhoti. Hãng hàng không yêu cầu tôi mặc quần dài, nhưng vì tôi không có, trong khi cảnh sát nhất quyết bắt tôi phải bay, họ đành phải cho tôi lên máy bay (chính phủ sở hữu hãng hàng không nên tiếp viên không thể không tuân lệnh cảnh sát).

Cha và chị tôi đón tôi ở sân bay LAX, mua quần áo mới cho tôi trên đường về nhà. Một tuần sau, cha tặng tôi chiếc VW van để tôi có thể lên đường. Tôi lên phía Bắc tới San Francisco tìm đạo sư. Tôi ở một tuần tại Trung tâm Thiền San Francisco và rất thích nơi này, nhưng đã quen với những khóa thiền dài ngày hơn nhiều so với hai tiếng sáng tối ở đây. Một ngày nọ, tôi vào văn phòng chính nói chuyện với quản lý về các tự viện khác có thể ở. Bà nói: "À, có Kim Sơn, nhưng nơi đó nghiêm khắc tới mức chẳng ai ở nổi". Một tiếng sau, tôi đã đứng trước cửa Kim Sơn.

Pháp sư Hằng Cự (Heng Ju) là người đầu tiên tiếp tôi và cho biết vị trụ trì - Hòa thượng Tuyên Hóa - đang ở Nam Mỹ và sẽ không trở về trong sáu tháng. Tôi hỏi: "Tôi có thể tham quan một chút không?". Hằng Cự liền dẫn tôi vào Chánh Điện. Điều đầu tiên tôi thấy là tấm ảnh Hòa thượng Hư Vân trên tường - chính là tấm ảnh tôi đã thấy nhiều năm trước trong căn lều của mấy cô gái ở Hawaii. Tôi hỏi liệu đó có phải là ảnh vị trụ trì không, thì được biết không phải, nhưng vị trụ trì hiện

tại - Hòa thượng Tuyên Hóa - là người thừa kế pháp mạch từ Hòa thượng Hư Vân. Tôi xin phép ở lại để chờ ngài, các sư đồng ý. Tôi bán xe hơi và bỏ toàn bộ số tiền vào hộp công đức khi mọi người đã ngủ say.

Tháng ngày trôi qua nhanh chóng. Thành phố San Francisco tuyên bố Kim Sơn Tự nguy hiểm nếu xảy ra động đất và yêu cầu chúng tôi gia cố bằng hệ thống cáp thép giữa các bức tường, đồng thời phủ toàn bộ trần nhà bằng ván ép dày 3/4 inch. Ngoài ra, các phòng mới cũng đang được xây dựng ở không gian trống trên tầng hai và ba. Tôi bận rộn làm việc và rèn luyện sức khỏe khi đứng trên giàn giáo, sử dụng súng bắn đinh để đóng những chiếc đinh dài 3 inch vào lớp ván ép trần nhà mà chúng tôi đang làm để gia cố cho trần cũ. Khi công việc kết thúc, tôi lại ngồi thiền.

SƯ PHỤ XUẤT HIỆN

Một buổi chiều, Sư phụ về sớm và ngồi trên chiếc trường kỷ ở cuối Chánh Điện. Trước mặt ngài là chõng tám thạch cao cao khoảng 1,2m cần được chuyển lên tầng. Mọi người quây quần quanh Sư phụ, quỳ gối hỏi thăm về chuyến đi. Tôi cảm thấy chưa phải lúc gặp Sư phụ nên không tham gia. Thay vào đó, tôi âm thầm chuyển từng tám thạch cao lên ba tầng lầu cho đến khi hết sạch - công việc mất khoảng một tiếng. Sư phụ không nói với tôi lời nào; cuộc gặp gỡ ấy sẽ đến vài ngày sau.

Tôi không cảm thấy cần nói chuyện với Sư phụ, bởi từ trước khi ngài về, tôi đã biết ngài chính là Thầy mình. Không một chút nghi ngờ. Bề ngoài ngài có vẻ bình thường với tôi - không hào quang uy nghiêm, không đáng vẻ phi thường hay điều gì đặc biệt - nhưng tôi biết chúng tôi đã có nhân duyên qua nhiều kiếp

trước. Đối với tôi, Ngài chính là Thầy - có lẽ không phải vị Đạo sư vĩ đại nhất tôi từng gặp cho đến thời điểm đó, hay sẽ gặp sau khi rời đi mười năm sau, cũng như mẹ tôi không phải người phụ nữ vĩ đại nhất tôi từng biết. Nhưng với tôi, chưa từng có người phụ nữ nào yêu thương tôi như mẹ, hay chăm sóc tôi như mẹ, và tôi cũng chưa từng yêu ai như yêu mẹ mình. Mỗi liên hệ giữa tôi và mẹ không liên quan đến sự vĩ đại của bà so với người khác, hay vị trí của bà giữa những người phụ nữ trên thế giới. Cảm nhận của tôi với Sư phụ cũng tương tự như vậy. Ngài là Thầy của riêng tôi - điều ấy đã đủ. Đời tôi có Mẹ, và có Sư phụ.

Tôi kể lại tất cả những điều này bởi nhiều người nghĩ rằng họ phải tìm kiếm một vị Đạo sư xuất chúng, hoặc nếu đã có Đạo Sư thì vị đó phải là bậc tối thượng. Cách nhìn này thật giả tạo, đầy thành kiến, thiên vị, kênh kiêu - và nói thẳng ra là yếu đuối. Điều quan trọng chính là nhân duyên kết nối giữa đệ tử và thầy. Một vị thầy bình thường nhưng có nhân duyên sâu dày còn quý hơn một vị "tối thượng" nhưng thiếu duyên lành.

Tôi may mắn được giao nhiệm vụ mang thức ăn hàng ngày cho Sư phụ, và chính trong lần đầu tiên đó, chúng tôi đã gặp nhau. Sư phụ dùng bữa trên một chiếc bàn lớn ngay trước cửa phòng ở tầng ba. Trước khi mang khay thức ăn lên, tôi đặt một tấm ảnh nhỏ của Satya Sai Baba lên khay. Tôi tự hỏi liệu Sư phụ có để ý

không, và nghĩ rằng đó sẽ là điềm lành nếu Ngài thấy. Khi tôi mang thức ăn đến, Ngài đã ngồi sẵn đó. Tôi bày thức ăn ra trong khi Ngài im lặng. Khi quay lại định đi, tôi mới bước được một hai bước thì Sư phụ gọi lại, nhặt tấm ảnh lên. Sư phụ đưa tấm ảnh sát mắt, xem xét kỹ lưỡng một lúc lâu. Khi đặt ảnh xuống, Ngài nói: "Người này tốt, mời ông ấy đến đây." Tôi liền thưa: "Bach Sư phụ, con chính là từ nơi đó đến." Đó là cuộc đối thoại đầu tiên của chúng tôi.¹

Kim Sơn Tự không chỉ đòi hỏi khắc nghiệt về thể chất, mà còn thử thách cả tâm lý. Nơi ấy giống như một bể cá có con mắt toàn tri dõi theo từng suy nghĩ và hành động của chúng tôi. Tựa như tồn tại hai bản ngã song song - ý thức bình thường của bản thân và ý thức của Sư phụ luôn hiện diện bên cạnh, điều này có thể là tốt hoặc xấu tùy thuộc vào những gì ta đang dung chứa trong tâm.

Chúng tôi học được rằng Chân lý về Khổ đế (Dukkha) đã ăn sâu vào tâm thức phàm phu. Ngay cả khi mọi việc suôn sẻ, chúng tôi vẫn hoài nghi liệu nhận định của mình có đúng không. Nhiều phẩm chất mà trước đây chúng tôi từng cho là tốt và hài lòng dưới góc

¹ Tôi viết thư mời Satya Sai Baba - chỉ phí dài thọt toàn bộ đến tu viện chúng tôi như Sư phụ dạy. Ngài đáp lời qua thị giả ông Kustori: "Nước Mỹ chưa sẵn sàng đón nhận tôi" - một câu trả lời đầy khó hiểu! Tuy nhiên, Ngài chúc phúc cho hoạt động Phật sự của chúng tôi và gửi lời cảm tạ chân thành đến Sư phụ.

nhìn thế tục, giờ đây bị phơi bày là sai lầm khi chúng tôi có được thước đo chuẩn mực hơn để tự đánh giá. Tôi chưa từng gặp ai tại Kim Sơn hoàn toàn thoát khỏi vọng tưởng. Tất cả chúng tôi đều là những hành giả sơ cơ trẻ tuổi, non nớt và còn ngập tràn bản ngã.

Trước khi Sư phụ trở về, những cuộc trò chuyện bình thường ở văn phòng trước là chuyện thường tình. Nhưng mọi thứ thay đổi sau khi Ngài quay lại. Những cuộc tán gẫu vô bổ trong văn phòng lập tức đón nhận cơn thịnh nộ của Ngài - mỗi lần Sư phụ bất ngờ xuống cầu thang từ phòng riêng đều khiến mọi người bất ngờ. Chẳng mấy chốc, một tấm biển được treo lên: "Văn phòng này đang bị nghe lén", và tất cả im bật. Nhưng im lặng thôi chưa đủ. Nếu bạn làm việc tự viện một cách thiếu chánh niệm hay cầu thả, Sư phụ đều nhận ra ngay. Tôi để ý thấy trước khi Sư phụ từ Brazil trở về, văn phòng là nơi tụ tập của các sư, còn tôi thì một mình trong Chánh Điện. Nhưng sau khi Ngài về, Chánh Điện của tôi bỗng trở nên đông đúc.

Với những đệ tử chân thành và sẵn lòng thay đổi, Sư phụ thường uyển chuyển giúp họ khắc phục điểm yếu thay vì áp đặt giới luật cứng nhắc - điều có thể khiến họ rời xa đạo tràng. Một trường hợp điển hình là một thiếu nữ tóc vàng cao ráo, xinh đẹp thường xuyên tham dự các buổi giảng tối và phụng sự Sư phụ bằng cách dọn dẹp phòng Ngài cùng chạy việc vặt. Cô tỏ lộ

với Sư phụ rằng muốn thọ năm giới nhưng xin được bỏ qua giới không tà dâm vì cảm thấy chưa thể giữ được. Sư phụ đồng ý để cô chính thức chỉ thọ bốn giới. Cô tiếp tục phụng sự Ngài nhiều năm trước khi chính thức thọ giới cấm tà dâm.

Về sau, cô ấy từ bỏ lối sống buông thả, kết hôn và có con. Nhưng trước đó, Sư phụ thường cố ý cử những đệ tử có tâm dâm dục đi cùng cô làm việc vặt để thử thách đạo tâm của họ. Tôi cũng từng một lần được cử đi như vậy. Lần đó cô ấy chuyển nhà và cần người giúp dọn đến căn hộ mới. Chẳng mấy chốc tôi nhận ra cô ấy không chỉ đơn thuần muốn nhờ vả chuyển đồ. Vì bản thân không khởi tâm dâm dục, tôi tự hỏi tại sao Sư phụ lại cử mình đi. Mãi sau này tôi mới biết, nhiều đệ tử khác mà Sư phụ cử đi cùng cô đã trượt bài kiểm tra này!

Sống dưới "chiếc kính hiển vi" tại "Tủ Đông" quả thực đầy thách thức. Cái lạnh không hề dịu bớt suốt mùa đông, và theo truyền thống khổ hạnh của nhiều thiền viện, chúng tôi chỉ ăn mỗi ngày một bữa và ngủ trong tư thế tọa thiền. Chính Sư phụ cũng thực hành như vậy để khích lệ chúng tôi. Khoảng ba ngày sau khi đến, vào một buổi tối, tôi quyết định ngồi thiền suốt đêm trong Chánh Điện thay vì nằm ngủ - và giữ trọn lời nguyện ấy.²

²Tôi yêu thích pháp tu này đến mức chỉ dừng lại khi kết hôn - khoảng ba năm sau khi rời bỏ đời sống xuất gia.

Dù vô số quy tắc, thời khóa nghiêm khắc và yêu cầu khắt khe, chúng tôi chẳng bao giờ cảm thấy mình bị đặt dưới ách cai trị độc đoán. Chúng tôi tự nguyện quy phục Sư phụ để trở thành phiên bản tốt hơn của chính mình - một quá trình gian khổ dành cho những kẻ đáng thương. Trong khi tất cả say ngủ, Sư phụ nhào nặn những khối đất sét lạnh thành tượng Phật - những pho tượng định mệnh sẽ tô điểm cho "Chánh Điện".

Tuy nhiên, trung tâm của "Điện" lại là tượng "Quán Thế Âm Bồ Tát" nghìn tay - một kiệt tác vô song. Tôi nói "vô song" có lý do: pho tượng cao 5,5m này được tạc từ một khối gỗ nguyên khối bởi bậc thầy điêu khắc Vương Thái Sinh, sau đó được thếp vàng 24k và sơn mài bằng kỹ thuật gia truyền. Lễ khai quang được cử hành tại Vạn Phật Thánh Thành, dù trước đó từng tôn nghiêm trong Chánh Điện Kim Sơn một thời gian ngắn trước khi được chuyển đi mạ vàng và an vị.

Dù thời khóa tu tập và hạnh khổ của Sư phụ vượt xa tất cả chúng tôi, Ngài chưa bao giờ tự đặt mình cao hơn bất kỳ ai. Sư phụ dọn dẹp những hỗn loạn trong tâm trí chúng tôi như một cỗ máy ủi, mở đường cho chúng tôi tập trung vào thực hành.

Mỗi ngày, chuông báo thức reo lúc 3:40 sáng, và tất cả phải có mặt trong Chánh Điện trước 4 giờ để tụng kinh sáng.³ Một ngày lễ nghi và thiền định thật khó

³ Suốt thời gian xuất gia, tôi đảm nhiệm vị trí đánh bảng báo sáng và đi kinh hành trong hành lang.

khăn, khiến những tiêu cực trong ta trôi lên bề mặt, nhờ vậy Sư Phụ có thể giúp chúng tôi vượt qua những chướng ngại thông thường—điều kiện tiên quyết để giải quyết vấn đề lớn hơn: chấm dứt sinh tử. Chúng tôi chẳng thiếu gì chướng duyên. Kiên nhẫn là điều chúng tôi phải học, vì sự trưởng thành trải dài qua nhiều tháng năm.

Chẳng lạ gì khi nhiều người đến Kim Sơn như bị gió thổi tới, ở lại vài ngày, rồi lại bị cuốn đi, chẳng bao giờ trở lại. Sư Phụ có cách dạy nghiêm khắc đầy yêu thương: hoặc khiến ta tỉnh ngộ, hoặc buộc ta phải ra đi. Ở những tự viện khác, giữ gìn thân-khẩu-ý nghiệp được dạy như lý thuyết, cố gắng hết sức, nếu thất bại cũng không sao, cứ tiếp tục cố gắng. Nhưng ở Kim Sơn, việc giữ gìn ba nghiệp không phải lý thuyết suông, mà là điều kiện duy nhất để được ở lại.

Cách "quảng cáo" của chúng tôi đã định sẽ thất bại, dù chúng tôi có phân phát áp phích và tờ rơi đi nữa. Ai lại hứng thú với "cơ hội" tham gia khóa thiền sáu tuần trong "Tủ Đông", đối diện với bức tường từ 3 giờ sáng đến nửa đêm? Hay nghe giảng kinh song ngữ theo lối truyền thống, không hoa mỹ, ít tương tác? Hoặc gia nhập nhóm khổ tu sống trên Kim Sơn? Món chúng tôi dâng tặng là thuốc đắng, trong khi các vị thầy khác lại cho kẹo ngọt. Thế nhưng, có lẽ để chứng minh một điều gì đó, vẫn có những người chấp nhận thử thách - đủ để lấp đầy gần hết hai dãy băng ghế

thiền trong Chánh Điện. Đáng ngạc nhiên là nhiều người trong số họ đã kiên trì trọn vẹn sáu tuần khóa thiền mùa đông, và dĩ nhiên, cả những khóa tu một tuần định kỳ của chúng tôi.

Nhiều người bị Kim Sơn làm cho e ngại chắc hẳn đã không xét đến sức mạnh mà một vị bậc minh sư truyền trao. Đó thực sự là điều đáng tiếc, bởi nếu không phải vậy thì chắc chắn nhiều người đã gia nhập cùng chúng tôi ở Kim Sơn thay vì mãi chỉ là những "bông hoa nơi bức tường pháp" (dharma wall flowers). Những người nhút nhát trước mối quan hệ đầu đời có thể thu mình trong nhiều năm ngay cả khi đã trưởng thành. Nhưng sau khi họ bước vào hôn nhân, hay một mối quan hệ, trải nghiệm chắc chắn sẽ dạy họ biết họ đã lo lắng không cần thiết thế nào, khi họ nhận ra mình đã khổ sở chỉ vì không xét đến vai trò của người bạn đời.

Ai nấy đều cố gắng làm mọi việc thật hoàn hảo để làm hài lòng Sư phụ, nhưng điều đó gần như bất khả thi vì không phải là điều Ngài mong muốn. Ngài muốn đệ tử phải sống thật với chính mình, cởi mở và không gượng ép. Đối với các đệ tử phương Tây, sự cởi mở này dễ dàng hơn nhiều so với đệ tử người Hoa. Mỗi bên đều có ưu điểm và khuyết điểm riêng. Nói chung, điểm mạnh của người Hoa là đức tin kiên cố, sự tận tụy và lòng hào phóng phi thường. Điểm yếu của họ là tính nhút nhát, khiến họ khó vượt qua những giới hạn giả

tạo của lối tu tập gò bó để dừng cảm khám phá những chân trời mới. Một Phật tử người Hoa ngày nay khó lòng dám thực hiện cuộc hành hương như Hằng Cự hay Hằng Thật (Heng Sure)⁴, hoặc nhanh, nhưng họ sẽ kiên trì tu hành miên mật cả đời và giữ giới luật.

Người Mỹ thường có thái độ "Tôi làm được" không thực sự có lợi cho họ, vì nó cản trở việc tuân theo chỉ dẫn, thậm chí là cả mong muốn học hỏi. Tuy nhiên, sự kiên trì và không sợ hãi, sự sẵn sàng liều lĩnh của họ thường thu hút ân điển của chư Phật và Bồ Tát, bất chấp việc họ thiếu sự khiêm tốn - đức tính rất phổ biến ở người Hoa. Dù vậy, thái độ "Tôi làm được" thường không đủ để nhận được phúc lành mà những người Mỹ "keo kiệt" cần, bởi lẽ quá thường xuyên cái "Tôi làm được" ấy hóa ra lại "không làm được".

Dường như Sư Phụ là bậc thầy trong mọi lĩnh vực và thường chứng minh điều đó. Một lần, khi tôi vừa trát xong bức tường cùng người thợ hồ, Ngài đi ngang qua và nhìn vào xô vữa. Ngài bảo hỗn hợp quá loãng và lớp trát sẽ bong ra. Ngày hôm sau, điều đó đã xảy ra đúng như lời Ngài nói.

⁴ Năm 1973, Sư Hằng Cự và Hằng Do (Heng Do) đã thực hiện cuộc hành hương Tam Bộ Nhất Bái (đi ba bước lạy một lạy) từ San Francisco tới Seattle dài 1.100 dặm trong 10 tháng. Năm 1977, Sư Hằng Thật và Hằng Triều (Heng Chau) tiếp tục với cuộc hành hương từ Kim Luân Tự tới Vạn Phật Thành dài 800 dặm trong hai năm rưỡi."

Một lần khác, tôi đang đứng trong Chánh Điện nói chuyện với Hằng Quán (Heng Kuan) thì Sư Phụ đi ngang qua, dừng lại và nhặt lên một cây đinh cong. Ngài cầm nó trước mặt chúng tôi và hỏi: "Đây là gì?". Hằng Quán và tôi, như hai kẻ ngốc, đồng thanh đáp: "Dạ là cây đinh ạ, Sư Phụ", mà không nhận ra ẩn ý của Ngài là tại sao nó bị bỏ phí ở đó thay vì được uốn thẳng để dùng tiếp. Sư Phụ bỏ đi với vẻ chán nản mà không nói thêm lời nào.

Để khuyến khích khả năng giảng pháp ứng khẩu, Sư Phụ để khoảng năm mươi chiếc thẻ tre nhỏ có ghi tên chúng tôi trong một chiếc ly đặt cạnh pháp tòa của Ngài. Mỗi tối giảng kinh, Ngài sẽ rút ngẫu nhiên một thẻ và yêu cầu người có tên trên đó phát biểu trước đại chúng. Không ai dám động vào những chiếc thẻ đó bao giờ, vì Ngài đã cảnh báo nếu có ai động vào, Ngài sẽ biết là ai.

Sư Phụ đã làm mọi cách để xóa bỏ sự nhút nhát, e ngại và sợ hãi nơi đệ tử. Thông thường, ngay cả những người bạo dạn nhất cũng không thể ứng khẩu mà không do dự. Vì giảng pháp là cách chúng ta lợi lạc chúng sinh, nên Ngài luôn đảm bảo tất cả đều học được cách thoải mái thuyết pháp bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu. Thường khi Ngài rút "thẻ" của ai đó, dường như ký ức của người ấy liền biến mất khi cố gắng thốt ra những lời lẽ vốn có thể đang ở đầu lưỡi. Ai cũng có thể đọc

một bài pháp soạn sẵn, nhưng sự ứng tác xuất phát từ tâm sẽ chạm đến người nghe sâu sắc hơn nhiều so với những ngôn từ trau chuốt. (Bản thân tôi khi giảng pháp không bao giờ dùng giấy ghi chú hay nói những điều đã chuẩn bị trước.)

Cách tiếp cận truyền thống của chúng tôi đối với Pháp đôi khi gây phản ứng từ các vị trụ trì ít chính thống hơn. Một trong số đó là Chogyam Trungpa, trụ trì tu viện "Tail of the Tiger" ở Boulder, Colorado, nơi thậm chí đã hủy đặt mua tạp chí Vajra Bodhi Sea (mà chúng tôi đang cung cấp miễn phí). Dĩ nhiên, Sư Phụ không hề ngưỡng mộ Trungpa, và việc chúng tôi cung cấp VBS chỉ đơn thuần xuất phát từ tấm lòng mong muốn hướng tổ chức này theo một lối mới.

Một lần nọ, một đệ tử của Chogyam Trungpa đến Kim Sơn xin tạm trú. Cô từ Boulder tới trong tình trạng tinh thần suy sụp. Sư Phụ đồng ý cho cô ở lại. Đến tối thứ ba - đêm cuối cùng cô lưu lại - nhân buổi giảng kinh tối như thường lệ, cô đã thực hiện nghi thức: đi nhiều ba vòng quanh Sư Phụ, dâng hương cúng dường, đánh lễ ba lạy, và thành tâm sám hối trước đại chúng.

Cô vô cùng đau khổ khi cố diễn tả mối quan hệ với Chogyam Trungpa, cuối cùng bật khóc rồi lặng thinh. Sau một lúc, khi cô vẫn quỳ khóc trước Sư Phụ và đại chúng, Ngài bắt đầu kể lại sự việc đã xảy ra tối hôm đó ở Boulder.

Sư Phụ kể lại rằng khi cô ngồi trong phòng khách cùng Trungpa và một số đệ tử, lúc cô bắt đầu chỉ trích ông trước mặt mọi người, Trungpa đã nổi trận lôi đình, đánh đập cô rồi ép buộc cô nhập thất trong một am thất tại đó.

Khi nghe Sư Phụ thuật lại tỉ mỉ sự việc xảy ra tối hôm đó, cô gái bỗng ngừng khóc, vừa kinh ngạc vừa nhẹ nhõm. Cô thốt lên: "Sao Ngài biết chuyện đó?" Sư Phụ đáp: "Ta thấy đó." (Tôi có khuyên cô ở lại, nhưng hôm sau cô vẫn ra đi, từ đó về sau chúng tôi không gặp lại cô nữa.)

GIÁC NGỘ LÀ ĐIỀU CÓ THỂ

Dù sách vở có thể nói rằng mọi chúng sinh đều có Phật tánh và giác ngộ là điều có thể, nhưng khát vọng giải thoát của chúng ta đòi hỏi kỷ luật và sự từ bỏ - thứ sách vở không thể truyền cảm hứng. Chính những tấm gương sống mới tạo ra đức tin cần thiết để bước trên đường Đạo, và dù bậc thầy không hiếm, nhưng người tu tập Pháp thường không đủ sâu để tạo đủ nhân duyên gặp được minh sư. Phần lớn là do thiếu nghiên cứu kinh điển - vốn có thể dạy họ cách quán chiếu tâm tánh, những giới luật cần tuân thủ, và cách để cảm ứng được một vị thầy từ bi, kiên nhẫn hướng dẫn họ đi đúng con đường chân chính.

Học dưới một vị minh sư không có nghĩa bạn sẽ đạt được giác ngộ; điều đó chỉ giúp bạn tin rằng mình có thể. Kinh Hoa Nghiêm dạy: "Không ai cứu ta ngoài chính ta, không ai có thể và không ai được phép. Chư

Phật chỉ vạch ra con đường." Sư Phụ xuất hiện như một người dẫn đường, không hơn không kém.

Sư Phụ là người hạnh phúc nhất thế gian, luôn tỉnh giác và sáng suốt. Ngài không bao giờ phải cân nhắc hay suy nghĩ đắn đo. Con đường luôn hiện rõ trước mắt Ngài dù gặp thuận duyên hay chướng ngại. Pháp môn của Sư Phụ không dành cho tất cả, chỉ những ai có thể chịu đựng khó khăn và quan trọng là có duyên với Ngài. Tôi thương xót những người chỉ ở lại vài ngày rồi bỏ đi. Nếu họ cố gắng thêm chút nữa, Sư Phụ hẳn đã đặc biệt chiếu cố, hoặc nếu duyên không đủ, sẽ giới thiệu họ đến một vị thầy khác phù hợp hơn.

Bạn không thể biết nước ngọt nhường nào, sữa nhạt ra sao, hay nước tiểu của chính mình (lấy giữa dòng) là thứ nước súc miệng tốt nhất - nếu chưa tự nếm trải. Bạn cũng không thể hướng đến giác ngộ nếu không tin sâu trong lòng rằng mình có thể đạt được nó, và bạn không thể có niềm tin sâu sắc ấy nếu không được dẫn dắt bởi một vị đã chứng ngộ.

Nhiều người thường yêu cầu tôi kể về những phép lạ xảy ra quanh Sư Phụ. Nhưng với tôi, điều đáng quan tâm không phải phép lạ mà chính con người Ngài. Phép lạ có thể khai sáng tâm trí chúng ta, trong một số trường hợp còn truyền cảm hứng giảm bớt dục vọng và chướng ngại. Trước khi đến Kim Sơn, tôi từng gặp những vị thầy có thể làm những điều khó tin. Ví dụ, tôi gặp một vị có

thể nói bất kỳ ngôn ngữ nào của người đến thăm, và hàng trăm người từ khắp nơi trên thế giới tìm đến mỗi ngày. Đặc biệt hơn, vị ấy còn trẻ và chỉ học đến lớp 6. Tôi cũng gặp ba người có thể sống mà không cần ăn uống trong hơn mười năm, một trong số đó thậm chí không rời khỏi chỗ ngồi suốt mười bảy năm trời.¹ Dù những vị thầy này có hàng chục ngàn đệ tử, vẫn có nhiều bậc thầy khác chọn cách sống rất đời thường. Không cách nào tốt hơn cách nào. Đó chỉ là biểu hiện đa dạng của sự giác ngộ. Điều đặc biệt khi ở bên Sư Phụ là sự tự tin vĩ đại, tâm không sợ hãi và nhiệt huyết tu tập mà Ngài truyền cho tôi và những người khác. Phép lạ có lẽ cũng truyền cảm hứng tương tự như vậy.

Một số vị thầy sử dụng thần thông như "kẹo ngọt" để dẫn dắt người ta đến với chánh pháp, dùng "chiếc kẹo" ấy làm mồi nhử.² Trong khi đó, Sư Phụ hành sự một cách minh bạch trực tiếp - thường chúng tôi không nhận ra những gì đang xảy ra hay cách Ngài đang gieo duyên, cho đến khi những chuyển hóa dần dần xuất hiện trong chính bản thân mình.

¹ Satya Sai Baba, Mata Ji ở Nepal (bà sống trong căn phòng nhỏ 3x3 mét gần 17 năm, không thức ăn hay nước uống trong phòng và dĩ nhiên không cả nhà vệ sinh). Swami Vallaiyanda ở Nam Ấn ngồi yên không rời khỏi ghế suốt 17 năm, không ăn uống gì trong suốt thời gian đó. Vợ và con trai ông lần lượt chăm sóc ông. Người thứ ba là "Cậu bé Phật" Palden Dorje ở Nepal gần đây hơn. Tôi đã gặp cậu khi cậu chưa ăn uống gì suốt bảy tháng, cũng không rời khỏi chỗ ngồi dưới gốc cây trong rừng.

² "Kẹo ngọt" đôi lúc "Mật tông" hiện đang được sử dụng phổ biến ở phương Tây.

Chỉ sau một thời gian ngắn được ở gần Ngài, lòng quyết tâm tu tập của tôi tăng gấp mười. Trước khi gặp Sư Phụ, tôi rất thích thiền nhưng chưa từng tin mình có thể giác ngộ. Thế nhưng chỉ vài tuần bên Ngài, tôi đã quyết tâm đạt được giác ngộ, và cảm nhận rõ hạt giống ấy đang nảy mầm trong tôi. Tôi trở nên không sợ hãi. Không còn nghi ngờ khả năng của mình, cũng chẳng màng đến bất cứ mục tiêu nào thấp hơn giác ngộ. Sư Phụ chính là thiên thần hộ mạng của tôi - nuôi dưỡng tôi bằng những lời dạy quý báu cả nơi đại chúng lẫn lúc riêng tư, luôn che chở mỗi khi tôi vấp ngã. Đến tận hôm nay, niềm tin ấy nơi tôi vẫn nguyên vẹn.

Sư Phụ thể hiện sự giác ngộ chủ yếu qua sự hiện diện của Ngài. Ngay cả khi tôi ngồi yên bên Ngài trong im lặng, không một lời trao đổi, sự hiện diện ấy vẫn khiến lòng tôi tràn ngập một niềm tự tin vững chắc. Một lần trong những ngày đầu làm sa di, tôi được hầu Sư Phụ trong buổi cúng ngộ. Khi nghi thức cúng dường kết thúc, mọi người bước vào trai đường, còn tôi đi theo hầu Sư Phụ đến bàn của Ngài. Nhưng khi tới nơi, bàn của Sư Phụ chẳng có đồ ăn nào.³ Mọi người vội vàng bày thức ăn lên bàn, nhưng Sư Phụ đã rời khỏi trai đường để vào tĩnh tọa trong Chánh Điện. (Đến giờ tôi vẫn ngạc nhiên vì sao không ai làm như tôi - đi theo Sư Phụ ra khỏi trai đường.)

³ Hóa ra, những người phục vụ đã nghĩ Sư Phụ sẽ dùng cơm trong phòng riêng như thói quen của Ngài.

Tôi đi theo Sư Phụ vào Chánh Điện. Ngài an tọa trên tọa cụ chính giữa Điện, còn tôi ngồi cách đó vài bước trên ghế thiền. Sư Phụ an tọa trong tư thế kiết già, tôi cũng làm theo. Ngài quay sang nhìn tôi với ánh mắt chất vấn, như muốn hỏi: "Con không dùng cơm sao?"

Tôi không đứng dậy cho đến khi buổi thọ trai kết thúc và mọi người lần lượt vào làm lễ hồi hướng. Trong khi đại chúng quỳ xung quanh Sư Phụ, tôi vào nhà bếp chuẩn bị một ly nước ép cần tây, củ dền và táo mang đến dâng Ngài. Ngài vừa chạm môi thức uống ấy, đường như tôi vừa dâng lên thứ cam lồ từ cõi trời. Ngài liên tục thốt lên: "Đây là gì thế?" Hôm đó, cả hai chúng tôi đều không dùng bữa.

Thức uống tôi dâng Sư Phụ hôm ấy đã định trước sẽ được dâng lên Ngài sau hàng thập kỷ. Vài ngày trước khi viên tịch, tôi đến thăm Ngài hầu như mỗi ngày. Đã hơn mười năm tôi không gặp Sư Phụ, và trong ngày đầu tiên đến thăm, tôi phân vân không biết nên mang theo gì. Sau nhiều năm xa cách, tiền bạc hay vật chất đều có vẻ không thích hợp. Bỗng tôi nhớ lại thức uống đã dâng Ngài trong ngày cả hai cùng thực hành pháp nhịn ăn, thế là tôi mang theo thứ đó. Tôi đặt ly nước trên bàn trước mặt Ngài rồi cùng gia đình cung kính đánh lễ.

Sư Phụ nhận xét: "Con có một đại gia đình đó." Tôi bèn hào hứng kể cho Ngài nghe tên khoảng mười

lăm vị minh sư giác ngộ mà tôi đã từng gặp - đều như Ngài. Ngài hoan hỷ, bảo tôi viết ra giấy rồi cẩn thận cất tờ giấy ghi danh tính các vị ấy vào trong áo tràng.

Lúc đó, Sư Phụ đang theo một chế độ ăn nghiêm ngặt, nên các thị giả lập tức dọn ly nước đi khiến tôi vô cùng thất vọng. Thế nhưng chỉ vài phút sau, Ngài hỏi họ tại sao lại dọn thức uống tôi mang đến. Họ trả lời rằng Ngài không thể dùng thứ đó. Sư Phụ nhất quyết yêu cầu mang lại và uống hết không chừa một giọt.

Có lẽ chỉ là ảo tưởng của tôi, nhưng kể từ lần cùng Sư Phụ nhịn ăn tọa thiền ở Chánh Điện Kim Sơn, tôi luôn cảm giác Ngài biết rõ mỗi khi tôi phát tâm nhịn ăn bất chợt. Một lần, tôi rời khỏi Như Lai Tự - chốn tăng xá của Vạn Phật Thành lúc bấy giờ - để dùng bữa. Những ngày đầu ở Vạn Phật Thành, chúng tôi chỉ vồn vện ba bốn người, chưa có cả trai đường chính thức. Tôi ngồi dưới gốc cây gần tòa nhà Văn Phòng Hành Chính ngày nay, chợt cảm thấy muốn bỏ bữa (dù mắt cứ dán vào thức ăn). Vừa định mang bát cơm còn nguyên trở về Như Lai Tự thì một vị tăng báo tin Sư Phụ từ Kim Sơn gọi xuống hỏi thăm: "Hắn đã dùng cơm chưa?" Sư Phụ thường nói Ngài sẽ bỏ bữa nếu thấy đệ tử nổi sân. Là người thường hầu cơm Ngài, tôi có thể làm chứng rằng Sư Phụ thường xuyên gửi lại phần ăn của mình. Phải chăng Ngài cũng âm thầm thực hành nhịn ăn với đệ tử?

Tôi kể lại câu chuyện này vì những sự việc tưởng chừng nhỏ nhặt ấy rất thường xảy ra quanh Sư Phụ, và chúng có ý nghĩa với chúng tôi hơn cả việc chứng kiến thần thông của Ngài. Lúc ấy, chúng tôi thật phúc duyên. Trên Kim Sơn chỉ có khoảng bảy vị tăng và bảy vị ni. Chúng tôi có thể tùy ý đàm đạo với Sư Phụ bất cứ lúc nào, Ngài cũng thường quanh quẩn trò chuyện cùng đệ tử. Nhưng chẳng lần nào Sư Phụ thốt lên một lời hay sai bảo việc gì mà không ẩn chứa ý nghĩa thâm sâu để khám phá. Mỗi ngày đều là một cuộc truy tìm châu báu bất tận.

Kim Sơn tựa như một lò luyện giác ngộ, còn Sư Phụ chính là vị thợ rèn tạo nên những vị Phật tương lai. Ở đó, người thì phiên dịch, người dạy ngôn ngữ, kẻ rửa bát, người quét tự viện, kẻ làm mộc, người lo in ấn kinh sách, kẻ phụ trách mời khách tham quan và dự khóa tu - còn như tôi thì quét dọn tự viện, nhà vệ sinh và Thiền đường. Tất cả những việc ấy đều được thực hiện song song với lịch tọa thiền nghiêm khắc và vô số nghi lễ. Nếu ở ngoài đời, những công việc tầm thường ấy hẳn đã nhàm chán vô cùng. Nhưng dưới sự hướng dẫn của Sư Phụ, chúng tôi xem đó là cơ hội để quán chiếu bản tâm. Chúng tôi đang làm Phật sự vậy.

Một vị sư tên Hằng Thủ (Heng Shou, Fred Klarer) - một trong những đệ tử thân cận nhất của Sư Phụ - đã kể với tôi về lần chứng kiến Ngài cắt móng tay. Anh ấy miêu tả việc làm đó hoàn hảo đến nhường nào và bản

thân đã xúc động sâu sắc trước một hành động tưởng chừng rất đỗi bình thường như vậy. Điều này càng đặc biệt hơn khi biết rằng vị sư này mỗi tối đều nhập định trên mái nhà ngay phía trên phòng thiền của Sư Phụ. Sư Phụ thường dẫn anh du hành qua nhiều cõi trời và thiên hà xa xôi. Anh đã nhiều lần kể với tôi về những trải nghiệm này. Thế nhưng, chính những việc bình thường Sư Phụ làm - như cắt móng tay - lại khiến anh kinh ngạc nhất! Tôi đã thực hiện một cuộc phỏng vấn video hai giờ với anh ấy, hiện có trên trang YouTube của tôi.⁴

Những người trước đây chỉ có thể tọa thiền 15-20 phút, sau khi gặp Sư Phụ đã có thể tham gia khóa tu và ngồi thiền hàng giờ không chút khó khăn. Những người trước không thể kiểm soát ăn uống thì đột nhiên có thể thực hành pháp nhịn ăn hoặc chỉ ăn một bữa/ngày trong suốt tháng tu tập. Những người từng thấy việc học là bất khả thi lại có thể dễ dàng nghiên cứu 2-3 giờ liền. Những người từng đắm chìm trong ái dục thì giờ đắm mình vào Pháp.

Bậc thầy có thần thông thì hiếm, nhưng bậc thầy có thể khơi dậy sự chuyển hóa nơi đệ tử còn hiếm hơn nữa. Thần thông biến hóa là thứ người ta thích xem và bàn tán, nhưng ít khi khơi gợi được tinh thần xả ly hy sinh. Giáo pháp thiện xảo mới thực sự khích lệ đệ tử tu tạo công đức, điều phục ăn ngủ và dục vọng. Chỉ bậc

⁴ (93) Long Island Heng Shou (Fred Klarer) - YouTube

thầy chứng đạo, đã thoát khỏi tham ái, mới có thể dẫn dắt người khác làm được như vậy. Còn việc mê đắm khi chứng kiến thần thông - ấy cũng như ngòi đóm tiền của thiên hạ.

Sư Phụ không sở hữu bất cứ thứ gì và cũng không ham muốn điều gì. Ngài sống vô cùng giản dị. Tôi chưa từng thấy Ngài có bất kỳ vật dụng nào ngoài ba y, giày La-hán và chiếc khăn tay. Trong phòng Ngài không có đồ đạc hay tiện nghi, cũng không có bất kỳ hình thức giải trí nào. Hơn nữa, Ngài luôn toàn tâm toàn ý với *mọi việc* mình làm, như thể đang phụng sự chính Đức Phật vậy. Mọi hành động của Ngài đều tự nhiên vô tác ý. Đạo như tuôn chảy qua Ngài, dường như Ngài không hề ý thức về lý do mình nói hay làm những điều ấy.

Một lần, Rajneesh - vị đạo sư Ấn Độ nổi tiếng với sự giàu có và hàng ngàn đệ tử trẻ sống phóng túng - đến Vạn Phật Thành vào một buổi sáng sớm. Lúc ấy, chỉ có một vị sư tên Hằng Công (Heng Gong) đang ở trong tòa nhà Văn Phòng Hành Chính. Khi Sư phụ xuất hiện, Hằng Công thắc mắc không biết vì sao Ngài tới, nhưng không dám hỏi. Bỗng nhiên, Sư phụ bảo Hằng Công đi lấy một xô nước và một cái giẻ lau. Sau khi mang tới, bất chấp sự ngăn cản của Hằng Công, Sư phụ quỳ xuống, chà sàn bằng tay không.

Ngay lúc đó, một chiếc Rolls Royce tiến đến trước tòa nhà Văn Phòng Hành Chính, theo sau là hàng

loạt xe hơi khác. Các đệ tử của Rajneesh trải thảm đỏ từ xe vào tận cửa. Rajneesh bước ra, oai vệ tiến vào tòa nhà Văn Phòng Hành chính, tuyên bố rằng ông ta đến để "diện kiến Đại Lão Hòa Thượng Tuyên Hóa." Hằng Cống liền chỉ tay về phía Sư phụ đang quỳ lau sàn và nói: "Đại Lão Hòa Thượng Tuyên Hóa chính là vị đó." Rất nhiều sự việc tương tự đã xảy ra, trong đó Ngài dùng "đóng vai" như một phương tiện giáo hóa.

Khi chúng tôi sống bên cạnh Sư Phụ tại Kim Sơn, Ngài thường cùng chúng tôi làm việc hoặc tham gia thiền định. Dường như Ngài luôn nhìn xa hơn công việc trước mắt, và tìm thấy niềm vui trong lao động như thể đang an trú trong định lực. Sự hiện diện của Ngài luôn truyền cảm hứng sâu sắc. Chúng tôi thường tự hỏi: "Ngài đang thấy điều gì, và tại sao Ngài lại hạnh phúc đến thế khi làm những việc giản đơn?" Cùng nhìn một thế giới, nhưng cái nhìn của Sư Phụ khác hẳn chúng tôi. Hơn nữa, tâm Ngài không bao giờ dao động. Ngài không khi nào vui buồn thất thường.

Sách vở có thể giúp ích, thiền định cũng vậy, và tất cả chúng ta đều nên tu tập và nghiên cứu Phật pháp. Nhưng đến một lúc nào đó, việc tìm được một vị thầy là điều tất yếu. Có thể phải mất nhiều năm, nhưng nếu bạn tinh tấn tu hành, cuối cùng bạn sẽ cần một vị minh sư. Tin vui là như câu nói: "Khi đệ tử sẵn sàng, vị Thầy sẽ xuất hiện."

Điều cốt yếu cần hiểu là: sự hiện diện của một vị Thầy chân chính có năng lực chuyển hóa phi thường. Sư Phụ chẳng cần làm gì đặc biệt, thế mà chúng tôi luôn cảm thấy một sự thôi thúc mãnh liệt phải hy sinh tất cả để theo lời Ngài. Chỉ cần được thấy Sư Phụ thôi là mọi sự nhút nhát đều tan biến. Ngài khơi dậy lòng tự tin và đức tin nơi chúng tôi - cả đức tin bên ngoài lẫn bên trong. Giống như một đứa trẻ dắt tay anh lớn ra tiệm tạp hóa sẽ tự tin hơn là đi một mình. Ở bên Sư Phụ cũng như thế. Khi một con báo sơn đi qua rừng, nó uốn mình len lỏi qua những cây non, nhưng một con gấu thì cứ cúi đầu đi thẳng, băng qua mọi chướng ngại. Ở Kim Sơn, tất cả chúng tôi đều là những con gấu thẳng tiến tìm mật ngọt.

Khi Sư Phụ giao việc, sự giúp đỡ của Ngài luôn tương ứng với công sức mình bỏ ra. Điều này thường khó thấy, nhưng với tôi thì rất rõ ràng. Tôi luôn cố gắng làm vượt xa yêu cầu, vì biết rằng càng nỗ lực bao nhiêu, càng nhận được sự dìu dắt của Sư Phụ nhiều bấy nhiêu.

Mọi người ở Kim Sơn đều thấy Sư Phụ không biết mệt mỏi hoằng pháp. Như lời Fred Klarer (tức Pháp sư Hằng Thủ trước đây) khi tôi phỏng vấn thầy: "Sống với Sư Phụ giống như lũ trẻ con luôn cố chạy theo cho kịp Ngài". Từ sáng sớm đến 9h30 tối khi kết thúc khóa lễ, Sư Phụ luôn cho chúng tôi việc để làm: học tiếng Hán, học y thuật Trung Hoa, làm mộc, dọn dẹp, phiên dịch,

phân phối kinh sách, và cả... đi tìm nguồn thức ăn cho ngày hôm sau.

Thời Kim Sơn nghèo đến nỗi chúng tôi phải lục thùng rác, hoặc xin đồ thừa từ các nhà hàng thương tình. Một tiệm bánh thường xuyên cho bánh donut cũ, còn thầy Hằng Cụ thì phát hiện thùng rác sau nhà máy kẹo Big Hunk mỗi ngày đều vớt đi những viên kẹo lỗi - thế là thầy "tự nhiên thành" nhà cung cấp đồ ngọt chính thức của chúng tôi (không chơi chữ đâu!).

Có người cúng dường một lò sưởi cực lớn treo trên trần Chánh Điện, nhưng chúng tôi không đủ tiền... để mở nó! Sống trong "Tủ đông" này khiến mọi người trở nên cứng rắn và khỏe mạnh lạ thường. Hiếm khi ai bị ốm. Tôi phát nguyện chỉ mặc y phục tu hành bên ngoài quần áo thường, không áo len, không áo khoác, không y phục độn bông từ sáng đến tối. Tôi giữ nguyện này suốt mười năm, trọn thời gian ở Kim Sơn và Vạn Phật Thành (mùa đông trong tự viện có khi chỉ 1-4°C, phòng tôi không lò sưởi, khu sinh hoạt chung cũng vậy). Không có nước nóng. Thế mà chưa bao giờ tôi bị ốm, dù chỉ là cảm lạnh. Tôi là người đánh thức mọi người lúc 3:40 sáng. Ai không có mặt đúng giờ trong Chánh Điện, tôi sẽ vào tận phòng, nhắc bông cả giường lên cho họ... rơi xuống đất! Trong Thiền đường, tôi dùng hương bán đập vào vai người gây ồn hoặc ngủ gật (trừ thời khắc tọa thiền đầu tiên lúc 5h sáng khi được phép ngủ).

ĐẠP NÁT BẢN NGÃ

Những người từ các tự viện khác đến đây nhanh chóng nhận ra họ chỉ là "lính mới", bất kể họ nghĩ mình tu tập bao lâu. Không phải vì chúng tôi nói hay làm gì, mà vì chính những gì họ tự chứng kiến. Phật pháp họ biết trước giống như đám bóng, còn Kim Sơn chính là bước vào võ đài thực thụ.

Thật kỳ lạ khi những người chúng tôi ở Kim Sơn - đã phân từng dính chặt vào ma túy và tình dục thời trẻ - lại từ bỏ tất cả để đến với "Tủ đông" này. Nhưng điều này chứng tỏ phương pháp của Sư Phụ đã giúp chúng tôi nhận ra sự vô nghĩa trong việc truy cầu khoái lạc và vòng luẩn quẩn không lối thoát của nó. Ngài chân đúng bệnh và giúp chúng tôi buông bỏ dính mắc. "Nếu những thú vui đó thực sự thỏa mãn," Sư Phụ chỉ ra, "tại sao chúng luôn đẩy người ta đi tìm thêm?" Ngài dạy chúng tôi tìm thấy niềm vui không cần nương tựa vào

ngoại cảnh, và chúng tôi tin tưởng thông điệp này vì chính tấm gương của Ngài. Sư Phụ cần những đệ tử nghiêm túc, khao khát giác ngộ và sẵn sàng chấp nhận gian khổ trên con đường tu tập.

Sư Phụ chẳng bao giờ bọc đường những lời dạy như một số vị thầy khác. Ngài nói thẳng không vòng vo - nếu bạn chú tâm và quyết tâm hết sức, Ngài luôn sẵn sàng giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn. Tất cả chúng tôi đều có lúc gục ngã, và Sư Phụ đã dìu dắt chúng tôi qua vô vàn thử thách. Điều then chốt là phải cố gắng hết mình. Nếu chỉ nỗ lực nửa vời rồi lâm vào cảnh khốn, Ngài sẽ mặc kệ. Không có chiếc phao cứu sinh nào cả.

Những "võ sĩ đám bóng" muốn theo kịp kỷ luật Kim Sơn phải nghiêm túc ngay, nếu không sẽ bị "knock-out" thẳng cửa. Ngoại lệ duy nhất là lũ trẻ - luôn có độ năm sáu đứa chạy nhảy khắp nơi. Chúng có thể làm gì cũng được: la hét trong khóa lễ, quấy nhiễu người đang thiền, đùa nghịch vô tư. Bọn nhỏ Kim Sơn cực kỳ quẩn quýt Sư Phụ, lẻo đẻo theo Ngài khắp chỗ, thường được nhận những viên kẹo Ngài luôn giấu trong tay áo "cánh bướm" của mình.

Theo một cách nào đó, có lẽ lũ trẻ hiểu Sư Phụ hơn bất kỳ ai. Mọi người quanh Ngài luôn gồng mình và dè chừng, nhưng bọn trẻ thì hoàn toàn tự nhiên. Sư Phụ thích điều đó, và hẳn Ngài mong người lớn có thể học được sự vô tư ấy.

Trẻ con không sợ mắc lỗi. Cái "tôi" của chúng nhỏ bé như chính thân hình chúng, nhưng khi lớn lên, cái "tôi" ấy cũng phình ra theo. Là người trưởng thành, chúng ta không nên sợ sai lầm - vì nếu không mắc nhiều lỗi, nghĩa là ta chưa thực sự nỗ lực. Nếu không dám liều lĩnh vượt qua những gì được mong đợi, có thể ta sẽ ít sai, nhưng tiến bộ chỉ đến một cách chậm chạp.

CHỌN MỘT VỊ THẦY

Các bậc minh sư biểu hiện giác ngộ của mình muôn hình vạn trạng. Họ cũng có thể dạy nhiều phương pháp khác nhau, hoặc chuyên môn hóa một pháp môn đặc thù mà người khác không theo. Nếu bạn gặp được một vị minh sư, điều đó không có nghĩa cuộc tìm kiếm đã kết thúc, nhưng đó là một khởi đầu tốt.

Như đã đề cập, đôi khi thiền sư sẽ hướng dẫn đệ tử sang học với vị thầy khác nếu thấy người đó phù hợp hơn với nhu cầu của đệ tử. Đôi khi đệ tử tự ý chuyển thầy - điều này không khôn ngoan trừ khi không có cơ hội xin chỉ dạy. Dễ rơi vào vòng xoáy "chạy theo đạo sư" mà bỏ bê tu tập nghiêm túc. Trong trường hợp đó, thà tu một mình còn hơn. Riêng tôi, dù có làm vậy, chỉ là sau hai năm tọa thiền suốt ngày đêm trong cô tịch, tích đủ công đức để phân biệt vàng thật với hàng giả.

Một ví dụ khác về người có cách tiếp cận tương tự là một vị sư người Mỹ, Ngawang Tenzin. Thầy đến trụ viện của chúng tôi để học với Sư Phụ. Thầy mặc y phục Tây Tạng và đã thọ giới theo truyền thống Tây Tạng.¹ Thầy là một hành giả tinh tấn, nhưng chỉ ở lại vài ngày rồi ra đi.

Mười lăm năm sau khi Ngawang Tenzin rời đi, một sự trùng hợp kỳ lạ đã đưa chúng tôi gặp lại nhau lần nữa, lần này tại Nepal. Sau khi rời Như Lai Tự và đến Nepal, vào một đêm khoảng nửa đêm, tôi nhìn ra cửa sổ và thấy một nhà sư đang đi nhiễu quanh bảo tháp Swayambhu, trên con đường nhiễu ngay sát phòng tôi. Không hiểu sao tôi buột miệng hét xuống: "Ông có phải là sư thật hay chỉ đang mặc áo cà sa vậy?" Anh ta liền hét lại y chang câu hỏi đó. Tôi thấy cách trả lời thật thú vị nên mời anh lên uống trà.

Anh ta lên phòng tôi - và hóa ra chính là Ngawang Tenzin, vị sư tôi từng gặp ở Kim Sơn năm xưa. Chúng tôi cùng uống trà, trò chuyện đến sáng, và trở thành bạn thân từ đó.

¹ Tôi không thể không kể lại cách anh ấy trở thành một nhà sư một cách hài hước đến lạ. Khi đang đi dạo ở Nepal, anh nhìn thấy các nghi lễ đang diễn ra trong một ngôi đền và quyết định bước vào. Mỗi đến khi những bộ áo cà sa được phát ra, anh mới nhận ra đó là một buổi lễ thụ giới Tỷ kheo và vô tình họ cũng phát luôn cho anh một bộ. Dù sao đi nữa, anh vẫn giữ bộ áo cà sa đó và từ khoảnh khắc ấy cho đến khi anh qua đời bốn mươi năm sau, anh đã trở thành một vị sư xuất chúng được nhiều vị Thầy kính mến.

Anh ấy kể rằng Hòa thượng Tuyên Hóa không phải là thầy mình, và nhận ra điều này chỉ sau vài ngày ở Kim Sơn. May mắn thay, nhờ căn lành sâu dày, anh trở thành đệ tử của Trulshik Rinpoche - một trong những bậc Đạo sư hàng đầu Tây Tạng, và có phúc duyên được hầu cận Ngài suốt mấy chục năm. Anh cũng từng phụng sự Chatrul Rinpoche, vị Thầy nổi tiếng đã khởi xướng phong trào ăn chay trong cộng đồng Phật giáo Tây Tạng lưu vong, và là người đơn thân độc mã xây dựng nên phong trào ăn chay tại Bồ Đề Đạo Tràng (Bodh Gaya).²

Đáng tiếc thay, Ngawang Tenzin là một ngoại lệ. Hầu hết những người rời Sư Phụ đều quay lại cuộc sống luân hồi, đánh mất cơ hội vàng ngọc khó có lại lần hai. Bài học ở đây là: nếu vào một tu viện mà thấy không phù hợp, đừng quay về với luân hồi, hãy tiếp tục tìm kiếm cho đến khi gặp đúng tu viện và vị thầy chân chính, rồi dừng chân nơi đó.

Ngoài việc tìm hiểu rõ về vị thầy, cũng cần hiểu rõ "tông phái" của vị ấy. Sư Phụ là một thiền sư, nên bạn đến với Ngài để học thiền. Nhưng còn nhiều pháp môn khác, do đó ta cần thu hẹp phạm vi tìm kiếm bằng cách gắn bó với truyền thống phù hợp với căn cơ mình. Một hành giả tu Thiền, chẳng hạn, có lẽ sẽ không hợp với pháp tu của Đức Đạt Lai Lạt Ma - vốn tập trung vào

² Nơi Đức Phật thành đạo.

Trung Quán Cự Duyên (Prasangika Madhyamika), nhấn mạnh thiền quán, biện luận và nghiên cứu.

Các tông phái Phật giáo có nhiều điểm nhấn khác nhau. Dù cùng hướng đến một mục đích, nhưng phương pháp lại đa dạng. Ví như khi leo núi Himalaya: Bạn có thể chọn lối ngắn như nguy hiểm để lên ngôi làng trên cao, hoặc đi dọc sông, hoặc chọn "trung đạo" theo lối mòn của những người chẵn dê. Tùy năng lực và căn cơ mỗi người mà chọn lộ trình phù hợp. Tìm thầy và tông phái cũng vậy - phải thuận theo nhân duyên và khả năng của chính mình.³

Thường thì người mới phát tâm tu tập chưa hiểu rõ khả năng của mình, cũng không nhận biết được "pháp môn" nào phù hợp với nghiệp lực bản thân. Trong trường hợp này, tốt nhất nên tùy duyên tham gia nơi thuận tiện nhất và tinh tấn tu tập tại đó. Nếu không phải là chỗ phù hợp, nhưng nếu một lòng chuyên cần, con đường chân chính rồi sẽ hiện ra. Đó chính là Ân điển và Gia trì của Phật pháp. Còn không làm gì chỉ vì không biết bắt đầu từ đâu - đó không phải là lựa chọn khả thi.

³ Người bạn thân nhất của tôi những năm ở Dharamsala là Engsel - một hành giả Du-già Himalaya chỉ biết tiếng Tây Tạng (thứ tiếng tôi không biết). Hàng tuần, chúng tôi cùng nhau chinh phục những chuyến trekking dài ngày qua núi cao. Mỗi khi tới đoạn đường lên dốc hoặc xuống dốc, anh ấy lại ra hiệu bằng tay: hai tay khép sát nghĩa là "lối ngắn", hai tay dang rộng nghĩa là "lối dài". Ban đầu tôi luôn chọn lối ngắn, nhưng chẳng bao lâu sau đã trở thành tín đồ của lối dài - dù phải mất gấp đôi thời gian.

Dù đã theo học một vị thầy, qua năm tháng bạn có thể muốn bỏ Thiền, hoặc tìm sư phụ khác, hoặc cả hai. Có thể bạn muốn làm bác sĩ, y tá, cống hiến cho đời qua giáo dục hay luật pháp. Cũng có thể đơn giản là... lại đi lướt sóng.⁴Sư cô Hằng Đạo (Heng Tao) đã theo Sư Phụ hơn mười năm, là vị ni trưởng nổi bật trong tăng đoàn và nổi tiếng có thần thông. Thế rồi một ngày, sư cô đột ngột rời đi để theo học một vị đạo sư Ấn giáo. Nhiều người chỉ trích, nhưng khi họ làm vậy, Sư Phụ đã quả trách: "Chúng ta không thể đoán định nghiệp duyên cùng vô số nhân duyên thúc đẩy sư cô, nên dừng ngay việc phán xét."

Theo truyền thống, nếu nghiên cứu lịch sử các thiền sư, ta sẽ thấy tăng nhân hiếm khi ở với một vị thầy quá mười năm trước khi chuyển sang thầy khác. Thường chính vị thầy sẽ là người đưa đệ tử ra đi, khi nhận thấy mình đã truyền thụ hết những gì có thể, và nhân duyên của đệ tử giờ đây thuộc về nơi khác. Mỗi vị thầy đều có những phẩm chất đặc biệt và độc nhất. Khi nhận thấy đệ tử đã tiếp nhận trọn vẹn tinh hoa từ mình, vị thầy sẽ gửi họ đến học những giáo pháp đặc thù của một bậc minh sư khác.

Thú vị là trong truyền thống Tây Tạng, đôi khi đệ

⁴Một vị tỳ-kheo đã xuất gia hai mươi năm bỗng khởi nghiệp lướt sóng vào tuổi xế chiều. Thật ra, tôi biết tới hai trường hợp như vậy. Còn tác giả kiêm dân lướt sóng này... lại chọn đi bộ đường dài.

tử quay lại để dạy chính vị thầy cũ của mình! Ngay cả Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng nhận pháp từ những đệ tử nếu vị đó thông thạo một pháp thiền định hoặc thấu hiểu một bản kinh văn sâu sắc hơn Ngài. Các bậc đạo sư Tây Tạng cũng thường truyền quán đỉnh cho nhau. Đây chính là điểm mạnh quan trọng trong hệ thống của họ.

Sư Phụ có nhiều đệ tử từ truyền thống Nguyên Thủy (Theravada) và các tông phái Phật giáo khác thường đến tham học trong thời gian ngắn. Như ông hút nhụy hoa xong lại bay đi, họ ra về khi cảm thấy đã tiếp nhận đủ những gì cần thiết.

Sư Phụ cũng thỉnh các vị thầy từ truyền thống khác đến giảng dạy. Chẳng hạn, Đức Karmapa đời thứ 16 đã ban Quán Đỉnh Mũ Vương Kim Cương (Black Crown initiation) khi ngài viếng thăm Vạn Phật Thành. Nhiều bậc thượng sư Tây Tạng khác cũng đã đến thăm cả Kim Sơn lẫn Vạn Phật Thành. Trên thực tế, tổ chức của Tharthang Tulku đã giúp chúng tôi trong việc lợp lại mái Kim Sơn Tự, và họ cũng mời Sư Phụ cùng các đệ tử đến thuyết giảng tại tu viện Tây Tạng của họ ở Berkeley (chúng tôi đã đi).

Sư Phụ muốn đệ tử hiểu thấu mọi truyền thống, vì Ngài xem đó là yếu tố sống còn của Phật giáo. Khả năng thông hiểu Phật pháp của chúng ta phụ thuộc vào việc nghiên cứu nhiều tông phái Phật giáo, thậm chí cả Ấn giáo. Sư Phụ là một thiền sư và tất cả chúng tôi đều

chủ yếu tu tập theo Thiền, nhưng vẫn luôn cập nhật mọi nhánh tu tập Phật giáo.

Trên thực tế, một trong những người bạn thân nhất của Sư Phụ là một giám mục Công giáo - Hồng y Yuban. Hai vị thường ngồi trên ghế dài trò chuyện tay trong tay, và có lần phát hiện ra họ cùng xuất thân từ một vùng ở Trung Quốc và đã từng nghe danh nhau từ thuở nhỏ. Sư Phụ là bậc thầy về "Lục Pháp Du-già Naropa" - một hệ thống Mật tông Tây Tạng, và được ban một chiếc mũ Kim Cương thừa (Ngài không bao giờ tiết lộ ai đã ban tặng hay chứng nhận sự tinh thông của Ngài về hệ phái này, chỉ biết sự kiện đó đã xảy ra).

Đạo Phật là những gì bạn hiểu được từ chính sự thực chứng của mình. Trong các tự viện của Đức Đạt Lai Lạt Ma, hàng ngày điều diễn ra các buổi tranh luận - các tăng sĩ chia thành từng cặp để tranh biện về giáo lý. Một người có thể đứng trên lập trường Duy Thức (Cittamatra), trong khi người kia bảo vệ quan điểm của một tông phái cao hơn như Trung Quán Cự Duyên (Prasangika Madhyamika). Thế nhưng, nếu vị tăng hiểu rõ Duy Thức hơn, vẫn có thể chiến thắng trong tranh luận với một vị đại diện cho quan điểm Trung Quán. Một nhà biện luận giỏi thậm chí có thể đứng trên lập trường Ấn giáo và thắng đối thủ Phật giáo. Điều này cho thấy: chúng ta chỉ thật sự là Phật tử trong phạm vi hiểu biết của chính mình.

Không thể nhấn mạnh đủ rằng chỉ hiểu truyền thống của riêng mình là chưa đủ. Các truyền thống phát triển thông qua những cuộc tranh biện giữa các tông phái về "lập trường" và "giáo nghĩa" - vốn thường có sự khác biệt đáng kể giữa các hệ phái. Nếu không có những tranh luận này, Pháp của Ấn giáo và Phật giáo sẽ không bao giờ đạt được sự tinh vi như ngày nay. Chính bằng cách hiểu các lập trường đối lập và lý do tại sao chúng khác biệt, chúng ta mới có thể đánh giá đúng sự tiến hóa của tư tưởng tôn giáo. Nếu không, chỉ biết những gì thầy mình dạy hay sách vở của tông phái mình, sự hiểu biết của chúng ta sẽ thiên lệch và hạn hẹp. Mọi vấn đề đều có hai mặt.

TÓM TẮT CHƯƠNG MỘT

Thật khó tưởng tượng có ai khiến bạn cảm thấy "ngu ngốc" theo cách tích cực, nhưng Sư Phụ làm được điều đó. Ngài có cách vạch ra lỗi lầm mà chính chúng tôi đã ý thức được, nhưng điểm thêm chút trí tuệ giúp chúng tôi thoáng thấy cách vượt qua. Ở bên Ngài đem lại một góc nhìn mới cho cuộc đời chúng tôi và truyền thêm tự tin để đối mặt những chướng ngại vốn có thể ám ảnh ta suốt đời. Giống như lũ người lùn lớn lên dưới bóng một gã khổng lồ!

Người ta thường nói về "giác ngộ tức thì", nhưng khoảnh khắc ấy là thành quả của hàng thập kỷ hay thậm chí nhiều kiếp nỗ lực gian khổ. "Không qua một lần lạnh buốt xương, sao được mai hoa tỏa ngát hương?" Sư Phụ không phải người giữ trẻ. Ngài chỉ muốn những đệ tử có thể kiên trì vượt khổ qua thời gian dài.

Cái lạnh, cơn đói, đau chân và thiếu ngủ chỉ là một phần thỏa thuận, cùng với những trận chiến tâm lý. Sư Phụ đi thẳng vào tâm trí mỗi người, dùng phương tiện thiện xảo để phá bỏ mọi chấp trước vào bản ngã. Không nghi ngờ gì, chiến tranh tâm lý còn khó chịu hơn nhiều so với thử thách thể xác. Sư Phụ nhấn mạnh: "Phải buông bỏ hết tất cả", và nếu bạn cố níu giữ bất cứ thứ gì, bạn phải dùng công gấp bội để điều phục tâm và giảm bớt sự lôi cuốn. Cản trở không có tác dụng.

Dù sở hữu Ngũ Nhân và Lục Thông,¹ nhưng chính sự hiện diện của Sư Phụ mới là điều kỳ vĩ và truyền cảm hứng nhất. Ngài chẳng cần làm gì đặc biệt, chỉ đơn giản nhấp trà hay đi lại giữa chúng tôi. Người xưa nói "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng" - ở bên Sư Phụ chính là như thế. Sự giác ngộ của Ngài tự nói lên tất cả, không cần phải thốt nên lời.

Điều vĩ đại nhất đối với tôi là nhận ra rằng "tôi" có thể đạt được giác ngộ. Trước khi gặp Sư Phụ, tôi từng tiếp xúc nhiều vị thầy vĩ đại không kém, nhưng chưa bao giờ cảm thấy mình có thể giác ngộ. Giác ngộ dường như luôn là điều dành cho người khác. Dưới sự hướng dẫn của Sư Phụ, giác ngộ trở thành điều khả thi - thậm chí là trách nhiệm phải đạt được. Mọi người đều

¹ Ngũ Nhân dần mở ra ở các giai đoạn tu tập ngày càng cao; chúng có sự giao thoa với Ngũ Thông (hoặc Lục Thông) - (Tham khảo: Buswell Jr., Robert E.; Donald S., Jr. Lopez. The Princeton Dictionary of Buddhism. Princeton University Press. Ấn bản Kindle).

cảm nhận như vậy, và đó chính là điều làm nên sự độc đáo của Kim Sơn.

Chúng tôi cũng nhận ra rằng không thể vừa bám víu vào bản ngã cũ, vừa mong tiến bộ trong việc học đạo với Sư Phụ. Chúng tôi phải gột rửa mọi chấp trước, thậm chí phải lần tìm cả những ràng buộc tiềm ẩn để buông bỏ. Ở đây, tất cả đều bình đẳng. Mỗi người đều có phần việc riêng phải hoàn thành, và không ai trong chúng tôi thoát khỏi bánh xe luân hồi. Ngay từ đầu đã cần một sự dấn thân lớn lao để theo Sư Phụ đến cùng, mà nhiều người đã không đủ sức.

Khi tìm thầy học đạo, bạn phải có lòng tin kiên cố rằng ngoài kia có vị thầy dành riêng cho "bạn". Không được mệt mỏi bỏ cuộc sau vài lần thất bại - một sai lầm mà nhiều người mắc phải.

CHƯƠNG HAI: HÀNH TRÌNH DÀI

Thái độ nào là hữu ích nhất cho một Phật tử? Điều gì giúp bạn kiên nhẫn với sự tiến bộ của mình? Điều gì nuôi dưỡng lòng tin kiên định? Điều gì khiến giới luật trở nên dễ dàng?

Một trong những điểm đặc biệt trong cách truyền dạy của Sư Phụ là Ngài luôn nhắc nhở hàng ngày rằng thoát khỏi sinh tử là mục tiêu tối hậu. Ở những tự viện khác tôi từng đến, chấm dứt sinh tử là khái niệm xa vời, không dành cho người mới bắt đầu. Nhưng Sư Phụ dạy chúng tôi sống và suy nghĩ như thể có thể chết trước bữa ăn kế tiếp.

Bằng cách đặt vấn đề sinh tử ngay trước mắt chúng tôi từ đầu, Sư Phụ đã giúp chúng tôi hình thành tầm nhìn dài hạn. Thay vì tìm kiếm kết quả trước mắt, chúng tôi học cách đặt mục tiêu chấm dứt luân hồi. Nếu

trong quá trình đó thỉnh thoảng có trải nghiệm nhập định (samadhi) thì càng tốt, nhưng đó không phải là mục đích. Chúng tôi quên đi những thành công nhất thời - thứ nếu quá chú trọng sẽ cản trở khả năng tập trung vào đại cục.

Nhiều người tôi quen biết có thể nhập sâu vào các trạng thái thiền định, nhưng nếu bạn nói với họ về chuyện chấm dứt sinh tử, họ sẽ nhìn bạn như thể bạn bị điên hay đang nói thứ ngôn ngữ ngoài hành tinh. Những đệ tử của Sư Phụ luôn có một sự chín chắn đặc biệt trong thực hành thiền định - thứ tôi chưa từng thấy ở bất cứ nơi nào khác tại Mỹ, hay trong giới Tây phương ở nước ngoài, với một vài ngoại lệ hiếm hoi.

Ví dụ, tôi sở hữu tên miền buddhadharma.com nhiều năm, rồi một ngày quyết định tìm một vị đạo sư xứng đáng để tặng lại, vì website của tôi có quá nhiều nội dung gia đình. Tôi chuyển sang dùng rjosephson.com và hỏi ý kiến vài bậc thầy hàng đầu thế giới xem họ có muốn nhận buddhadharma.com không. Rất nhanh, các đệ tử của Dzongsar Rinpoche đã liên hệ với tôi.

Tôi gặp đại diện của Rinpoche tại căn hộ ở Kathmandu, cùng hoàn tất các thủ tục kỹ thuật chuyển giao tên miền. Tôi vô cùng ngưỡng mộ Dzongsar Rinpoche - một trong những bậc thầy vĩ đại nhất của phái Nyingma. Nhưng một câu nói của đệ tử ngài khiến tôi càng thấm thía chiều sâu trong phương pháp của Sư Phụ.

Sau khoảng một tiếng đồng hồ làm việc để hoàn tất thủ tục chuyển giao - bao gồm gọi điện về New York và làm việc cùng lúc trên ba máy tính - chúng tôi cuối cùng cũng chuyển thành công tên miền và ngồi xuống uống trà. Khi tôi nhận xét họ thật may mắn được gần gũi một vị đạo sư vĩ đại như thế, một đệ tử đáp: "Ngài (Dzongsar Rinpoche) không chỉ giảng về tánh không, mà còn trực tiếp truyền nó cho bạn." Ngay khi nghe câu này, tôi biết quan kiến và cách tu tập của họ sai lầm. Không vị thầy nào - kể cả Sư Phụ hay ngay cả Đức Phật - có thể "trao truyền" sự chứng ngộ tánh không. Dù thầy có thể chỉ cho bạn cách gỡ bỏ chướng ngại che lấp sự chứng ngộ, chính bạn phải tự tiêu trừ nghiệp chướng ngăn cản nó.

Sư Phụ luôn khuyến khích thái độ tích cực mạnh mẽ trong tu tập và không sợ thất bại. Tất cả chúng tôi đều phạm vô số sai lầm, nhưng luôn tự đứng dậy để tiếp tục cho đến khi thật sự thấu tỏ. Ngay cả Sư Phụ cũng có lúc mắc lỗi, chỉ nhún vai nói: "Ừ, cách đó không hiệu quả, thử cách này xem sao" - như lời Hằng Thủ thuật lại.

KIÊN NHẪN TRÊN ĐƯỜNG ĐẠO

Nguyên nhân lớn nhất khiến người ta mất kiên nhẫn trong tu tập là gì? Tôi sẽ gợi ý: Đây cũng chính là thứ khiến nhiều người bỏ cuộc và không bao giờ thực hành Pháp nữa. Bạn đoán ra chưa? Đó là lòng tham. Tham gì? Tham kết quả.

Sư Phụ dạy chúng tôi cách biến mọi hành động thành tu tập Phật pháp. Dù là nghe giảng kinh Hoa Nghiêm, học tiếng Trung, lạy Phật, sám hối, tọa thiền, lau nhà vệ sinh, rửa bát, dạy thư pháp, Phạn ngữ hay Hán ngữ, làm nông, nghiên cứu thể học, viết lách, nấu ăn - bất cứ hoạt động hữu ích nào không hại người khác, tất cả đều là Thiền, tất cả đều đang nói Pháp. Sư Phụ chỉ ra con đường hòa nhập mọi thứ thành một.

Tất cả chúng tôi ở Kim Sơn đều dần thân một trăm phần trăm. Con đường này thỏa mãn chúng tôi trọn vẹn. Khi sống ở Vạn Phật Thành, tôi chợt nhận ra

mình chẳng biết tổng thống Mỹ đương nhiệm là ai, thậm chí chẳng nhớ nổi thống đốc bang mình - có lần quên luôn cả sinh nhật bản thân. Dù chưa từng phát nguyện giữ im lặng, tôi thường trôi qua cả tuần chẳng thốt nên lời. Như đã đề cập trước đó, chúng tôi như lũ trẻ con cố bắt kịp Sư Phụ - chẳng có thời gian nghĩ đến điều gì khác ngoài việc đuổi theo Ngài, tất nhiên là chẳng bao giờ bắt kịp. Chúng tôi chỉ đơn giản vui vẻ và học được vô số điều trong quá trình cố gắng.

Điểm mấu chốt cần ghi nhớ: Pháp tu sẽ thất bại khi ta lấy kết quả làm mục tiêu. Đó là lý do chúng ta mất kiên nhẫn và bỏ cuộc. Kết quả luôn là chuyện ngày mai, nhưng con đường thì ngay dưới chân hôm nay. Sư Phụ dạy rằng tu tập đúng nghĩa phải "vì Đạo" chứ không phải "đuổi theo kết quả".

Quý vị có biết bí quyết Sư Phụ dùng để giữ chúng tôi luôn "tiến bước trên Đạo" không? Đó là khiến chúng ta luôn bận rộn. Ở Kim Sơn, chúng tôi chẳng có phút giây nào nhàn rỗi. Chúng tôi như bị nhốt trong tủ lạnh với một vị Sư Phụ lúc nào cũng bùng cháy ngày đêm. Đôi khi, Ngài đột ngột xuất hiện trong Thiền đường, hét lớn bảo mọi người dậy giúp Ngài dọn đồ đạc, sắp xếp việc này việc kia, hoặc nghe Ngài giảng về tu hành. Sư Phụ luôn khó lường, không bao giờ cho phép chúng tôi tự mãn dù là trong bất cứ việc gì—ngồi thiền, học tập, dịch kinh, hay bất kỳ hoạt động nào khác. Nếu ai lơ là

hoặc khởi vọng tưởng trong Thiền đường, lập tức bị Ngài ‘để mất tới’ ngay.

Nếu nhập định, bạn có thể hưởng an lạc vài phút, hoặc một giờ. Nhưng nếu thấu hiểu việc tu Đạo, thì từng giây phút trong ngày, tâm bạn luôn an trú trong hỷ lạc. Cảnh giới ấy khó đạt tới, nhưng Sư Phụ đã thúc đẩy tất cả chúng tôi hướng về đó - và một số đã đạt được. Một khi đã nếm trải, mọi nghi ngờ tiêu tan, và bạn không thể quay lại như xưa. Bất cứ việc gì, dù khó khăn, đau đớn hay vất vả đến đâu, chúng tôi đều hăng hái xông vào.

Tôi không biết có bao nhiêu độc giả từng leo núi. Tôi đã sống một năm ở dãy Himalaya, nơi cách trạm căn cứ Everest nửa chặng đường. Tôi đi bộ đường dài rất nhiều. Ở vùng núi tôi sống, một chuyến đi ngắn để lấy đồ tiếp tế cũng có thể mất nửa ngày. Để đến nơi tôi ở, tôi phải đi bộ ba tuần từ điểm xe buýt thả xuống. Khi đi cùng người am hiểu đường đi, leo núi thật thú vị. Nhưng khi một mình, bạn luôn hoài nghi liệu mình đã rẽ đúng ngã ba hay lỡ mất đường hoàn toàn. Chỉ một sai lầm khi chọn lối rẽ cũng có thể khiến bạn mất cả ngày đường để sửa sai.

Tu tập cũng y như thế. Ở Kim Sơn, bất kể chúng tôi làm gì, Sư Phụ luôn đi trước một bước. Có lần Hằng Quán tâm sự với tôi rằng ngay cả chi tiết ngân hàng, Sư Phụ còn hiểu rõ hơn anh ấy - dù Hằng Quán tốt nghiệp

Harvard. Anh kể khi báo cáo việc tự viện với Sư Phụ, Ngài phát hiện mọi sai sót nhỏ như đã đọc kỹ tài liệu, dù thực tế Ngài chưa hề đọc!

Sự hướng dẫn của Sư Phụ đã giữ chúng tôi luôn an trú trên Đạo. Không có Ngài, điều này không thể nào đạt được. Thiếu vắng Sư Phụ, mọi người sẽ chỉ mong cầu kết quả, như đắc định. Nhưng làm sao chúng tôi dám mong định lực khi ngay cả việc rửa bát cũng chưa làm đúng! Mỗi lỗi nhỏ chúng tôi phạm phải, Sư Phụ đều đặt dưới kính lúp. Ngài chẳng nói lời nào, cũng không trách mắng lỗi lầm của chúng tôi. Bằng cách nào đó kỳ lạ, Ngài luôn xuất hiện đúng lúc bạn mắc lỗi - đứng quan sát một lát rồi bỏ đi. Và bạn sẽ đứng đó tự nói với chính mình. Dù có thể bạn đã rửa bát cả trăm lần, nhưng chỉ cần một lần làm rơi chén, Sư Phụ lập tức có mặt.

KHÔNG KỶ VỌNG

Tu hành vốn không thành vấn đề, trừ khi bạn tự biến nó thành vấn đề. Sư Phụ là một bậc giác ngộ, và việc được ở bên Ngài mang tính chuyển hóa sâu sắc, vượt ngoài mọi dự liệu. Những năm đầu trong tự viện, tiến bộ nằm ở việc phát triển "chánh kiến". Nhiều người vào tự viện với động cơ trở thành thiền giả lỗi lạc, đạt ngộ, thoát khỏi thế giới công việc, bạn gái, hay thậm chí một đời sống tội lỗi.¹ Chẳng ai vào tự viện vì cảm thấy mãn nguyện với thế gian. Một số chúng tôi không thuộc về thế giới ngoài kia, nên tìm đến cửa thiền, hy vọng hòa nhập vào đời sống tu tập và vượt qua mọi lý do đã đưa mình

¹ Chuyện thật đó! Tại Kim Sơn Tự, một thành viên băng đảng đang lay trước Sư Phụ thì khẩu súng bất ngờ rơi ra từ ống chân - nơi nó được anh ta cột giấu. Sư Phụ chứng kiến sự việc và đã khai thị cho anh một bài pháp thấu tận tâm can, khiến anh từ bỏ con đường tội ác, trở thành một Phật tử thường xuyên lui tới Kim Sơn Tự và sau đó chuyển hẳn đến tịnh tu tại Vạn Phật Thành.

đến đó. Có người vào tự viện hoặc sống quanh đó như các cặp đôi, tình nguyện viên, và đạt được "chánh kiến" dù là cư sĩ.

Khi mới vào tự viện, hầu hết chúng ta đều nhầm sai mục tiêu. Với tôi, đó là tham vọng trở thành một hành giả Du-già (Yogi) và thiền giả lỗi lạc. Nhưng tôi chưa từng nghĩ rằng mục đích thực sự của tu hành là chấm dứt sinh tử - tôi chỉ đơn thuần muốn trở thành một "hành giả Du-già". Đúng là đặt xe trước ngựa.²

Tất cả chúng ta đều mang trong mình một lý tưởng muốn hoàn thành, dù ở thế gian hay trong tự viện. Chuyển từ ích kỷ sang vị tha là bước nhảy vọt lớn, có thể mất hai ba năm trước khi động cơ tu tập của chúng ta được chính đáng. Dĩ nhiên, Sư Phụ không ngừng dạy rằng phải dứt trừ tính ích kỷ, vì đó là gốc rễ của luân hồi, thứ trói buộc ta đời này sang đời khác. Ngày nào Ngài cũng nhắc điều này trong mỗi thời giảng. Chúng tôi nghe cả triệu lần, nhưng đoàn tàu chở đầy dục vọng và nghiệp lực lao đi theo đà riêng của nó, không dễ gì dừng lại.

² Tôi luôn ghi nhận công ơn của Allan Nicholson - người đầu tiên chỉnh lại bánh lái con thuyền tu tập của tôi. Lần đầu gặp anh, vài ngày sau khi tôi đến, tại xưởng mộc dưới tầng hầm nơi tôi xuống để chà dẹp bát gáo dừa, tôi hỏi: "Anh đến đây để làm gì?". Anh đáp: "Tôi đến đây để chấm dứt sinh tử." Câu trả lời giản dị đó khiến tôi choáng váng, đặt nền tảng cho con đường tu tập của tôi, và giúp tôi thực sự hiểu thế nào là một "hành giả Du-già".

Hầu hết chúng ta hiểu tính ích kỷ qua lăng kính vật chất - tìm kiếm khoái lạc giác quan và của cải. Nhưng còn một thứ vị tha khó đạt hơn nhiều. Thứ ích kỷ thực sự trói buộc con người chính là ích kỷ tâm linh: tham vọng trở thành một hành giả thành tựu Pháp. Bạn không thể tiến bộ cho đến khi chuyển trọng tâm từ kết quả sang an trú nơi quá trình tu tập. Quá trình chuyển từ "chạy theo thành quả" sang "an trú nơi Đạo" có thể là cuộc vật lộn suốt đời của người tu. Đây chính là lý do căn bản tại sao chúng ta phải nương tựa vào một vị Thầy giác ngộ. Nếu không, tham vọng thế gian sẽ dễ dàng nguy trang dưới lớp vỏ công phu.

Chỉ sau thời gian ngắn bên Sư Phụ, không ai trong chúng tôi không biết mục đích của tu Phật là chấm dứt sinh tử. Thế nhưng, hầu như ai tin điều ấy cũng đều mang theo một ước nguyện ngầm - chỉ muốn được hạnh phúc theo nghĩa tầm thường. Mục tiêu của Sư Phụ là gạt bỏ được cái "văn bản phụ" ấy.

Phải kiên trì tu tập nhiều năm không gián đoạn mới có thể phá tan được cái "tâm phụ" ấy và chân thật phát tâm liễu sinh thoát tử. Tôi biết nhiều người tu hành hai ba mươi năm vẫn chưa thể thấu triệt được điều này. Đạt được "chánh kiến" khó là như vậy đấy. Cái "văn bản ngầm" trong họ không bao giờ biến mất, bởi họ sợ phải buông bỏ nó. Họ mãi như vệ tinh quay quanh mục tiêu mà không bao giờ đạt đến.

Phải có đủ phúc duyên từ kiếp trước cùng một vị minh sư, đệ tử mới chân thật phát tâm liễu sinh thoát tử và không còn thỏa mãn với bất cứ thứ gì khác. Cần căn lành vững chắc và chỉ dạy đúng đắn để thoát khỏi quan niệm thế tục, biến việc chấm dứt luân hồi thành động lực tu tập duy nhất. Trước khi đạt đến cảnh giới ấy, chúng ta chỉ mãi xoay quanh.

Bất kỳ kỳ vọng nào khi bước vào tu viện - dù là cư sĩ hay xuất gia - đều cần buông bỏ để chúng ta "dung thứ" cho sự thay đổi xảy ra, thay vì áp đặt nó. Chúng ta phải học cách mở lòng đón nhận. Bằng không, ta vẫn chỉ là con người cũ với lớp vỏ mới. Những thói quen, lỗi lầm và chấp trước cũ vẫn nguyên đó, chỉ biến tướng qua những hình thức mới mà thôi.

Khi bước vào tu viện, ta giống như cục đất sét đã tự nặn thành hình rồi nung chín. Giờ đây, cần trở lại thành khối đất sét nguyên sơ, để Sư Phụ có thể nhào nặn ta thành những hành giả chân chính. Những bản ngã cứng đầu không tự biến mất chỉ vì ta ước ao chúng biến đi. Sư Phụ thường nhắc đi nhắc lại: "Buông xuống hết đi" - câu nói vang lên mỗi ngày để thúc giục chúng tôi từ bỏ mọi thứ cản trở sự chuyển hóa mà chúng tôi khao khát. Đó chính là phương tiện thiện xảo.

BUÔNG XẢ

Gìo hản đã rõ: Giáo pháp cốt lõi của Sư Phụ là BUÔNG XẢ. Nghĩa là phải dứt bỏ mọi chấp trước vật chất - tiền bạc, máy ảnh, máy tính, xe hơi, thuyền bè, đồ công nghệ, hay bất cứ thứ gì dễ khiến tâm ta tán loạn. Nói cách khác: Nếu không phải nhiếp ảnh gia, bạn có cần máy ảnh để nghịch ngợm không? Nếu không phải nhà văn hay họa sĩ, bạn có thật sự cần máy tính không?

Ví như Quả Quý (Gwo Kuei), một trong những cư sĩ đệ tử theo Sư Phụ lâu năm nhất và thân cận nhất, tuy nhiệt tâm tu tập và theo học Ngài, nhưng vẫn đang đóng một chiếc thuyền với kế hoạch vòng quanh thế giới. Anh thường ở tự viện phần lớn thời gian, chỉ dành vài ngày mỗi tuần làm thuyền. Một hôm, Sư Phụ phán: "Nếu con hoàn thành chiếc thuyền này và ra khơi, con sẽ chết ngoài biển."

Quả Quý rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan - anh vừa muốn đi thuyền vòng quanh thế giới, vừa khát khao tu tập dưới sự hướng dẫn của Sư Phụ, và cả hai dự vọng này mãnh liệt ngang nhau. Tình cảnh của anh cũng chẳng khác bao người mới vào tự viện. Ai cũng mang theo những chấp trước mâu thuẫn nhau. Rồi bỏ thế gian để vào tu viện không có nghĩa những ràng buộc ấy sẽ biến mất, ít nhất là cho đến khi công phu chín muồi. Trước khi đạt đến cảnh giới ấy, những dính mắc sẽ khoắc lên mình chiếc áo tu hành.

Trong môi trường tu viện, thường có người bực dọc hoặc thu mình lại vì nhớ làm điều gì đó từng là thói quen, hoặc nhớ món đồ vật chất từng mang lại thỏa mãn. Nhiệm vụ của Sư Phụ là tìm cách chuyển hóa năng lượng ấy vào các Phật sự. Đôi khi người ta may mắn được làm công việc liên quan đến nhiếp ảnh hay máy tính, tận dụng được kỹ năng (và cả sự chấp trước) của mình. Nhưng phần lớn không được vậy; dù cơ hội có tồn tại, Sư Phụ cũng hiếm khi cho đệ tử làm công việc quen thuộc.

Rốt cuộc, chúng ta trưởng thành nhờ những điều không quen thuộc. Như trường hợp Hằng Cụ - vốn đam mê xe máy - khó lòng tìm được công việc nào trong tu viện liên quan đến mô-tô, dù nhiều năm sau đó kỹ năng sửa chữa lại trở nên cần thiết (tiếc là không đúng vào thời của anh). Quả Quý với chiếc thuyền cũng chung số phận.

Rớt cuộc Quả Quý đã từ bỏ ý định đóng thuyền, trở thành một thiền giả thành tựu và phát triển được "chánh kiến". Nhiều người xem anh là một trong những cư sĩ đệ tử tài năng nhất của Sư Phụ - thậm chí cả trong hàng xuất gia lẫn tại gia. Còn Hằng Cự thì hoàn thành cuộc hành hương lạy từ San Francisco tới Marblemount, Washington - 1.100 dặm (hơn nửa triệu lạy) - một kỳ tích khiến ngay cả Ngải Hư Vân cũng phải khâm phục. Nhưng khác với Quả Quý, Hằng Cự rớt cuộc hoàn tục, sống đời phóng khoáng với... xe máy dĩ nhiên rồi. Người bạn đồng hành kiêm hộ pháp của anh cũng hoàn tục, sau trở thành nhân vật lớn trong giới nghệ thuật New York.

Tất cả chúng ta đều có chấp trước vật chất, và cách duy nhất để bớt khổ khi buộc phải từ bỏ chúng chính là tu tập - đặc biệt là thiền quán (analytical meditation). Pháp này giúp tháo gỡ những xiềng xích ham muốn vật chất hiệu quả hơn trì chú, dù khó thực hành hơn nhiều (đó cũng là lý do người ta thường cần nhiều năm thiền "cơ bản" trước khi bắt đầu thiền quán). Phần lớn kinh Thủ Lăng Nghiêm bàn về thiền quán, thế mà đa phần lại chỉ chú trọng vào thần chú. Lý do thì rõ: trì chú dễ hơn nhiều.

Phân tích "cái thấy", "cái nghe", "cái cảm nhận"... vô cùng khó nắm bắt. Giống như câu hỏi kinh điển "Ta là ai?" - chỉ để bắt đầu "cẩn rằng" vào đó đã đòi hỏi sự

linh hoạt tâm thức đáng kể, chứ chưa nói đến chìm sâu đủ để đắc định.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Phật đặt những câu hỏi tưởng chừng đơn giản: "Khi xoa hai bàn tay, nhiệt từ đâu sinh ra?" hay "Khi nhìn không gian trong hộp vuông và nghĩ rằng không gian đó có hình vuông, liệu nó có giữ hình dáng ấy khi đổ vào hộp tròn không?" Những lý luận này thoạt nghe có vẻ tầm thường, nhưng nếu áp dụng thiền quán, bạn sẽ thấy chúng cực kỳ thâm sâu và có thể dẫn đến định lực.

Khi thực hành quán chiếu như trên, ta cảm thấy như kiến bò quanh quả dưa hấu - không thể nếm được vị ngọt bên trong. Nhưng nếu kiên trì, bạn sẽ đạt đến trạng thái "nhập tâm", và đó là điều kỳ diệu. Chỉ cần xem xét những câu hỏi của Đức Phật từ mọi góc độ có thể tưởng tượng, tránh lặp lại những gì đã đọc hay suy nghĩ trước đây, cho đến khi một cái nhìn nguyên sơ xuất hiện. Đó là khởi đầu, và từ đó phân tích sẽ càng lúc càng sâu.

Tôi bắt đầu những quán chiếu này sau hai thập kỷ trì chú Thủ Lăng Nghiêm, và thấy chúng hiệu quả hơn nhiều so với chú. Ước gì tôi đã kết hợp cả hai ngay từ đầu. Pháp tu tốt nhất là pháp tu toàn diện.

Trong mỗi thời giảng, Sư Phụ đều hướng dẫn quy trình quán chiếu. Những ai đủ thông minh sẽ thiền quán

về lời Ngài, lặp đi lặp lại mọi lý luận, dần phát triển tư duy riêng, cho đến khi thấy rõ sự phi lý của chấp trước - và những dính mắc bắt đầu rơi rụng. Điều này không xảy ra chỉ bằng cách vứt bỏ thứ bạn đang chấp vào, vì những ràng buộc dễ dàng khoác lột mới mà bạn không nhận ra. Bạn phải dùng lý trí để tự giải thoát. Đó chính là phương pháp Sư Phụ truyền dạy.

Rất ít người thực hành thiền quán, dù cả lời Sư Phụ lẫn kinh Thủ Lăng Nghiêm đều nhấn mạnh. Nhìn lại, tôi thành thật tiếc nuối vì mình cũng thuộc số đó. Thần chú quá hấp dẫn so với việc suy ngẫm về mấy cái hộp vuông, bản chất của cái thấy, hay danh tướng. Nhưng dù thiền quán có vẻ như "bông hoa tường vi" ít được đề ý, thì giống như loài hoa ấy ngoài đời, khi được trao cơ hội, nó có thể mang đến những bất ngờ thực sự.

Loại chấp trước vi tế nhất - khó đoạn trừ hơn cả dính mắc vật chất - chính là những "vướng mắc tâm lý" (như giới hippie từng gọi). Hơn nữa, nhiều đệ tử đầu tiên của Sư Phụ đến từ đủ mọi tầng lớp, có người từ bỏ sự nghiệp đầy hứa hẹn. Vì thế, ai nấy đều bất an vì những gì đã lìa bỏ. Sư Phụ chuyển hóa nghề nghiệp thế tục thành Phật sự, nhưng ngay cả sự nhẫn nại của Ngài cũng bị thử thách. Sư Phụ thấy cùng một thế giới với chúng tôi nhưng bằng một cách hoàn toàn khác. Khi chúng tôi ngoan cố bám vào "lối tư duy của mình"

trong khi con đường giác ngộ đang hiển hiện trước mặt, Ngài không khởi bậc dọc. Như hai người đứng trước núi mà chỉ một người thấy được nó.

Sự bậc bội của Sư Phụ lộ rõ đến mức chính điều đó lại truyền cảm hứng cho chúng tôi.

CHÌA KHÓA

C háp trước không dễ gì tiêu tan. Thường thì người trong tu viện nhớ làm những việc họ từng làm bên ngoài, rồi bận rộn đủ thứ để quên đi nỗi nhớ ấy. Bạn có thể dành cả đời làm vậy và hoàn toàn mãn nguyện - nhưng đó không phải là sự từ bỏ chân chính. Đó chỉ là trốn chạy khỏi vấn đề thực sự của mình. Điều then chốt là đối mặt trực tiếp với những vấn đề ấy, và Sư Phụ đã giúp những đệ tử xuất sắc nhất làm điều đó. Với những người khác, Ngài để họ tiếp tục bận rộn cho đến khi tự mình giác ngộ. Điều này luôn xảy ra, chỉ có điều với một số người mất nhiều thời gian hơn - giống như có đứa trẻ cần bú sữa mẹ lâu hơn những đứa khác.

Với những ai muốn đối diện thẳng với vấn đề, Sư Phụ đã thiết kế một "lộ trình đối đầu trực diện". Chìa khóa để tồn tại là phải thắt chặt dây an toàn và không cho phép bất kỳ sự xao lãng nào - trong hành động, lời

nói hay sự thoải mái thể chất. Mỗi người đều biết rõ những gì làm mình xao nhãng và những gì cần buông bỏ. Nhưng khi buông bỏ điều gì, bạn phải thay thế bằng pháp tu khổ hạnh, chứ không phải thứ gì dễ chịu với bạn. Đây chính là lúc Sư Phụ thể hiện sự trợ giúp vô giá - vì Ngài biết cách hướng dẫn mỗi đệ tử theo đúng điểm mạnh và yếu tâm lý của họ. Cách này không làm mọi thứ dễ dàng hơn, nhưng giúp chúng tôi tu tập thông minh hơn và trúng đích.

Những ai cố gắng đi trước Sư Phụ một bước, làm nhiều hơn điều được giao, đều được Ngài ghi nhận. Nếu Sư Phụ bảo lau nhà vệ sinh nam, mà bạn không chỉ làm vậy, còn đợi đêm khuya mọi người ngủ say để lau luôn cả nhà vệ sinh nữ (tôi từng lén lên tầng hai lau nhà vệ sinh nữ lúc các nữ đệ tử còn ở Kim Sơn - đáng sợ lắm!), bạn sẽ nhận được cái gật đầu từ Sư Phụ.

Nguyên tắc duy nhất Sư Phụ luôn tuân thủ là: "Tất cả những gì con cần là một trái tim chân thành." Nếu bạn không ngừng thúc đẩy bản thân và không cho phép bất kỳ sự xao nhãng nào, Ngài sẽ để bạn yên. Thật khó để làm được điều đó, nhưng nếu bạn làm được, bạn sẽ luôn cảm nhận được sự bảo hộ của Ngài bao bọc xung quanh. Mỗi khi cảm thấy ân điển đó dần phai nhạt (dù hiếm khi xảy ra), tôi lại lo sợ và nỗ lực nhiều hơn để lấy lại nó.

Mỗi người phải tự quyết định mình muốn trở thành đệ tử như thế nào, muốn và có thể cam kết đến mức độ nào. Sư Phụ sẽ giúp mỗi người đẩy xa giới hạn khả năng của họ, nhưng nếu bạn không tự thúc đẩy chính mình, bạn sẽ chẳng có gì để Ngài trợ lực.

ĐỪNG BAO GIỜ NÓI "KHÔNG"

Một nguyên tắc tốt để tuân theo là làm những gì Sư Phụ yêu cầu; nguyên tắc tốt hơn nữa là có lý do chính đáng để *không* làm điều đó. Sư Phụ đánh giá cao những đệ tử biết tự suy nghĩ. Nếu chọn con đường này, bạn phải suy nghĩ thật thấu đáo. Một điểm khác của tư duy độc lập có thể là tuân lệnh Sư Phụ một cách tuyệt đối và vượt xa hơn trách nhiệm được giao. Logic của chân lý này rõ ràng khi ta nghiên cứu cuộc đời của các bậc thầy đã thành tựu tu tập. Những vị xuất chúng đã thấu hiểu tinh thần cốt lõi của giới luật và thể hiện nó một cách sống động, điều này luôn đòi hỏi sự hy sinh và khổ hạnh lớn lao hơn.

Sư Phụ luôn biến mọi thứ trở nên kịch tính. Ban đầu, những gì Ngài yêu cầu có vẻ khả thi, nhưng khi đi sâu vào chi tiết, bạn sẽ tự hỏi: "Liệu mình có thể vượt qua được không?" Trong thuật ngữ nhà Phật, đây gọi là "sự hệ lụy" - làm một việc sẽ kéo theo những hệ quả

khác. Ví dụ, nếu Sư Phụ bảo bạn lau dọn Chánh Điện, rồi Ngài xuống sau đó và thấy bạn đang nói chuyện với một người bạn trong lúc di chuyển bàn lạy, Ngài có thể không nói gì, nhưng bạn đã trượt bài kiểm tra. Tại sao? Vì Ngài yêu cầu bạn dọn Chánh Điện, chứ không phải yêu cầu bạn trò chuyện.

Hầu như luôn có một ý nghĩa ẩn giấu đằng sau việc Sư Phụ yêu cầu bạn làm điều gì đó, hoặc không làm điều gì đó. Đó chính là "hệ lụy." Việc này không phải lúc nào cũng dễ dàng nhận ra. Nhưng một khi bạn hiểu được, bạn sẽ nhận được lợi ích lớn lao hơn nhiều. Thường thì, một cách đáng ngạc nhiên, hệ lụy có thể là việc *kiểm chế* không làm nhiều hơn những gì được yêu cầu. Ví dụ, nếu nhiệm vụ của bạn là rửa chén (một công việc mất khoảng một giờ), và bạn quyết định cắt thêm rau củ để giúp đầu bếp buổi sáng, nếu Sư Phụ xuất hiện, bạn sẽ nhận được một cái nhíu mày xuyên thấu của Ngài.

Thiền ngữ có câu: "Khi quét, chỉ quét; khi đi, chỉ đi." Trong thiền định, chúng ta nỗ lực đạt nhất tâm; vì vậy, tất nhiên, sẽ rất hữu ích nếu trong các hoạt động hàng ngày, chúng ta chỉ tập trung vào nhiệm vụ trước mắt. Về mặt kỹ thuật, trong ngôn ngữ nhà Thiền, điều này được gọi là "nhất tâm một ý". Hãy biết mình đang làm gì và giữ trong phạm vi đó.

Nếu bạn được giao dọn dẹp khu vực làm việc, hãy dọn dẹp nó. Bạn không cần phải đóng thêm vài tấm ván

khi đang làm việc đó. Nếu hoàn thành sớm, hãy đến Thiền đường hoặc thư viện. Khi nhận thấy mình đang làm điều gì đó chỉ để giết thời gian, ngay cả khi đó là hoạt động hữu ích, chúng ta nên hướng đến Chánh Điện, tập yoga, làm động tác trồng cây chuối, tắm nước lạnh, viết thư cho bà, hoặc thậm chí viết thư cho Sư Phụ, nhưng đừng làm những gì không phải là nhiệm vụ của mình.

Ví dụ, Sư Phụ luôn biết tôi ngưỡng mộ Milarepa, và tôi đã cố hết sức để noi gương ngài. Suốt quãng đời sa-di và tỳ-kheo của mình, tôi đã phát nguyện không bao giờ mặc áo ấm trong những giờ thức tỉnh. Y áo của tôi không có lớp lót, vì vậy điều này có nghĩa là phải chịu đựng những ngày đông dài lạnh giá ở Bắc California.

Milarepa sống ở vùng Himalaya cao ngất của Nepal và Tây Tạng, và chỉ mặc một lớp vải cotton. Ngài biết một pháp môn yoga tên là Lửa Tam Muội (Tumo Fire) có thể làm tan tuyết xung quanh để giữ cho hang động của ngài luôn ấm áp. Sư Phụ cũng biết pháp môn yoga này, vì vậy tôi đã thỉnh cầu Ngài dạy cho tôi. Sư Phụ đã đồng ý, và chúng tôi ấn định một ngày để gặp mặt với sự hỗ trợ phiên dịch của Hằng Cự (Tim Testu).

Chúng tôi đã gặp nhau đúng giờ hẹn, và trong khi Hằng Cự phiên dịch, Sư Phụ đã chỉ dạy cho tôi. Buổi chỉ dạy thật thú vị và khai sáng, Sư Phụ đã trả lời những thắc mắc ít ỏi của tôi và đưa ra một vài cảnh

báo chi tiết về việc cần trọng trong cách thực hành Lửa Tam Muội.¹

Tuy nhiên, vào một lúc, Hằng Cự đã liều lĩnh đặt một câu hỏi riêng của mình. Sư Phụ không trả lời mà thay vào đó trở nên tức giận và bất bình. Lý do thì rõ ràng: khi phiên dịch, chỉ nên phiên dịch. Hằng Cự đang làm khá tốt công việc phiên dịch và đã mất hết công đức khi không kìm lòng được mà đặt câu hỏi riêng. Anh ta đã tự chuốc lấy một trận mắng mỏ nghiêm khắc.

Chuyện kiểu này xảy ra thường xuyên. Một lần, chẳng hạn, một vị khách đang ở trong một căn nhà nhỏ đã sắp xếp một buổi gặp riêng với Sư Phụ ở Giảng Đường Vô Ngôn. Sư Phụ bảo một đệ tử lái xe đưa vị khách về phòng của Sư Phụ, và người đệ tử đã làm như vậy. Nhưng, thay vì ở lại trong xe và chờ đợi, người đệ tử đã không cưỡng lại sự cám dỗ được gặp Sư Phụ và cùng vị khách đi vào. Tất nhiên, Sư Phụ đã cho anh ta biết rằng mình đã phạm một sai lầm.

Một lần, khi Sư Phụ đang ngồi ở cuối Chánh Điện nói chuyện với Pháp sư Hằng Quán, Ngài gọi tôi lại bằng ghé lay mà họ đang ngồi và bảo tôi lấp khoảng

¹ Thú vị thay, khoảng một thập kỷ sau khi Sư Phụ chỉ dạy tôi, tôi cũng đã đưa ra yêu cầu tương tự với một bậc lãnh đạo của trường phái Nyingmapa Tây Tạng, Đức Trulshik Rinpoche. Ngài đã đồng ý và chúng tôi gặp nhau tại tư thất của Ngài phía sau tu viện Tupten Cholling. Những chỉ dạy về mọi chi tiết quan trọng đều giống hệt với chỉ dạy của Sư Phụ.

trống giữa băng ghế đó với những băng ghế ở phía trước điện. Sư Phụ mong đợi tôi sẽ đi lên phía trước điện và di chuyển từng băng ghế một lại gần nhau. Nhưng thay vào đó, tôi dùng đầu gối tỳ vào băng ghế bên cạnh Sư Phụ và Pháp sư Hằng Quán, rồi cùng một lúc đẩy tất cả các băng ghế từ cuối điện dồn lên phía trước. Vẻ mặt kinh ngạc của Sư Phụ đến giờ vẫn khắc sâu trong tâm trí tôi. Tôi luôn có cách làm riêng của mình, và tôi đủ khỏe hoặc đủ khéo để tìm ra cách. Tôi biết điều này đôi khi khiến Sư Phụ bực mình, vì bài học Ngài muốn dạy đã bay vút qua đầu tôi.

Không bao giờ nói "không" không có nghĩa là luôn luôn làm theo những gì Sư Phụ yêu cầu. Mọi người luôn cố gắng làm hài lòng Sư Phụ bằng cách hành xử theo cách họ *nghĩ* Ngài mong đợi. Trong khi điều này đôi khi có thể chấp nhận được, thì thường là không. Những ai hành động chỉ để làm hài lòng Sư Phụ thường đang chấp trước vào các quy tắc và quy định - những điều đúng đắn vào khoảng chín mươi phần trăm thời gian. Đối với Sư Phụ, điều quan trọng hơn việc nhận ra chín mươi phần trăm đó, chính là **nhận ra mười phần trăm** khi các quy tắc không còn áp dụng được nữa.

Ví dụ, có một lần tôi hộ tống Sư Phụ và Pháp sư khách mời là Ngài Tinh Vân tham quan Như Lai Tự. Khi ba chúng tôi bước vào Chánh Điện, hai thầy đưa

giỡn, đẩy nhau xem ai sẽ lạy trước. Tôi đứng lui ra một cách cung kính khi họ bắt đầu lạy. Nhưng rồi tôi chợt suy nghĩ lại, và trước khi họ hoàn thành ba lạy, tôi đã vội tham gia cùng. Sư Phụ đã liếc nhìn tôi một cách quở trách. Đó là một trong những ánh mắt mà Ngài thường dùng, nó xuyên thấu đến mức khiến bạn học được một bài học suốt đời. Rốt cuộc, có những lúc không phải là chỗ của chúng ta để lạy khi vào Chánh Điện, và các quy tắc khác cũng có những thời điểm tương tự khi chúng không thích hợp. Quá thường xuyên, các tỳ-kheo tuân theo các quy tắc một cách không chân thật. Ví dụ, nếu bạn vào Chánh Điện để lau dọn, việc lạy trước là không thích hợp. Hơn nữa, như Tim Testu đã đề cập ở trên, tôi đang làm nhiệm vụ hỗ trợ hai vị thầy, chứ không phải là bạn đồng hành của họ, và vị trí của tôi bị giới hạn trong vai trò của một người hỗ trợ.

Trong trường hợp này, tôi đang làm nhiệm vụ hướng dẫn cho hai thầy khi họ đi tham quan Như Lai Tự. Tôi gần như sống luôn trong Chánh Điện và đã hoàn tất phần lễ bái, đánh lễ của mình trước khi Đại sư Tinh Vân và Sư Phụ đến. Tôi chẳng có lý do gì để lạy thêm nữa. Việc tôi lạy trong hoàn cảnh đó là không đúng chỗ. Ngay cả ngày nay, trong các buổi lễ lớn tại Vạn Phật Thành, tôi vẫn thấy các thiện nguyện viên được phân công quản lý đám đông cố gắng tranh thủ thực hiện phần lạy của riêng họ. Điều này chỉ khiến họ

xao nhãng nhiệm vụ và cho thấy họ chưa thấu hiểu những nguyên tắc cơ bản của Thiền như đã thảo luận ở trên. Ngay cả những người điều phối buổi lễ đôi khi cũng cố gắng tranh thủ lấy vài cái, và hệ quả là họ bỏ micro gây ra khoảng ngừng trong khi đang hướng dẫn tụng niệm. Điều này giống như bỏ thêm đồ ăn không cần thiết vào bát của mình; đó là lòng tham pháp.

Quy tắc chỉ là nguyên tắc hướng dẫn. Chúng ta không phải là người máy. Chúng không phản ánh được bản chất khó lường của thực tại. Ví dụ, những người giàu có thường phát nguyện cúng dường mười phần trăm tài sản của họ cho các tự viện vì đó là một quy tắc. Nhưng đôi khi những người này là những hành giả tốt, và Sư Phụ có thể nhận ra rằng của cải đang là chướng ngại cho họ. Trong trường hợp như vậy, Ngài có thể không nhận sự cúng dường của họ, vì biết rằng họ có thể cho đi nhiều hơn nhưng lại bám víu vào một quy tắc hoặc tập tục để cho đi một tỷ lệ nhất định trong khi giữ lại phần lớn cho bản thân.

Sư Phụ có một thí chủ giàu có, người đã hỗ trợ in ấn rất nhiều kinh sách và giúp đỡ các tự viện bằng vô số cách. Ông ấy cũng là một hành giả tinh tấn và một người thuyết Pháp tài giỏi. Thế nhưng, Sư Phụ đã xé tấm séc một triệu đô la và trả lại cho ông, không nhận sự cúng dường đó. Chỉ có Sư Phụ mới biết rõ lý do Ngài làm vậy, nhưng tôi đoán là vì có quá nhiều sự

chấp ngã trong sự cúng dường đó (Pháp sư Hằng Thủ, Fred Klarer, đã chứng kiến việc này). Từ góc nhìn của chúng tôi, một triệu đô la có vẻ là một số tiền rất lớn, nhưng đối với ông CT Shen - người đang cúng dường - đó có lẽ là rất ít. Điều này quả thực đã được chứng minh, và vài tuần sau, ông Shen đã thực hiện một sự cúng dường lớn lao hơn nhiều khi mua một tòa biệt thự nhìn ra Vịnh San Francisco, nơi sau này trở thành tu viện của ni chúng và viện phiên dịch.

Nhiều người đã nhịn ăn tại Kim Sơn, trong đó có tôi. Khi những đợt nhịn ăn này bắt đầu, mọi người đều nghĩ đó sẽ là những đợt nhịn ăn thông thường: uống bao nhiêu nước tùy thích, ăn thật no trước khi nhịn, và "chén thả ga" sau đó. Nhưng không điều nào trong số này là đúng sự thật.

Sau khi một vài người trong chúng tôi đã bắt đầu nhịn ăn, Sư Phụ mới giải thích qua những "chi tiết nhỏ". Trong Phật giáo có bốn loại nhịn ăn chính, và mỗi loại đều có những quy cách thực hành cụ thể. Các đợt nhịn ăn có thời gian cố định: 18 ngày, 36 ngày, 72 ngày và 108 ngày. Ngoài số ngày, nước uống cũng bị hạn chế, chỉ được 12 ounce (khoảng 355ml) mỗi ngày trong suốt thời gian nhịn. Hơn nữa, bảy ngày đầu tiên hoàn toàn không được uống bất kỳ giọt nước nào.

Ba ngày trước khi bắt đầu nhịn ăn, không được ăn gì ngoài ba viên bột mì cỡ bằng quả bóng golf (để giữ

vi khuẩn sống trong đường ruột trong khi nhịn). Trong suốt thời gian nhịn, không được đi đại tiện (tôi đã trụ được 28 ngày). Sau khi nhịn ăn, ít nhất ba ngày không được dùng thức ăn đặc, và phải dùng "kanji" - một loại súp cháo loãng nấu với một ít rau củ được nấu chín nhừ (Đây là điểm duy nhất tôi thất bại; tôi đã phá vỡ một đợt nhịn ăn của mình bằng cách ăn một hũ bơ đậu phộng lớn).

Những "chi tiết nhỏ" này chỉ được làm rõ sau khi chúng tôi đã cam kết nhịn ăn. Lần đầu tôi trải nghiệm việc này diễn ra như thế này: khi đang tọa thiền trong Chánh Điện, một vị sư đi xuống và hỏi: "Sư Phụ muốn biết huynh có nguyện nhịn ăn hay không?" Tôi đáp: "Vâng, tôi nguyện." Vị ấy bấm báo lại với Sư Phụ rồi trở xuống thông báo: "Mỗi ngày chỉ được dùng mười hai ounce nước." Tôi nói: "Được." Rồi vị ấy lại xuống và nói: "Bảy ngày đầu không được uống nước." Tôi đáp: "Được." Vị ấy đã nhiều lần từ phòng Sư Phụ xuống truyền đạt những "chi tiết" mới cho tôi. Qua đó có thể thấy, với Sư Phụ luôn có những "hệ lụy" (entailments), và chúng có thể rất nghiêm trọng. Phải chăng những điều đó nhằm khơi dậy sự nghi ngờ về năng lực của chúng tôi, hay để thử thách sự dũng mãnh của chúng tôi đối với nhiệm vụ? Có lẽ là vậy."

Hiểu được rằng những chỉ dạy của Sư Phụ thường hàm chứa những sự hy sinh thầm lặng không phải là

điều hiển nhiên với tất cả mọi người. "Không nói dối" thực sự có nghĩa là gì? "Không trộm cắp" thực sự có nghĩa là gì? "Không tà dâm" thực sự có nghĩa là gì? "Không dùng chất say" thực sự có nghĩa là gì? Đức Phật đã ban cho chúng ta các giới luật, nhưng mỗi cá nhân phải tự mình khám phá ý nghĩa thực sự của những giới luật đó đối với chính mình.

Ví dụ, "không nói dối" có nghĩa là phải đứng trước đại chúng và thổ lộ rằng mình đã say mê một vị tỷ-kheo-ni nào đó trong chúng, để tránh sự dối trá thụ động (không nói ra sự thật) hay không? Chính tôi đã chứng kiến một lời sám hối như vậy được nói ra với sự chú tâm tỉ mỉ đến mức cả giảng đường im phăng phắc. "Không trộm cắp" có nghĩa là không được lấy bất cứ thứ gì, ngay cả một cục xà phòng dùng để giặt y phục, từ nơi này sang nơi khác mà không được phép hay không? Việc "không dùng chất say" có bao gồm cả cà phê không? Làm một tỷ-kheo có nghĩa là mặc y và tuân theo giới luật, hay cũng có thể cởi y ra để dọn dẹp một nhà vệ sinh bị bỏ quên hoặc một chồng chén bát dơ? Nước trái cây hoặc sữa giữa các bữa ăn có được phép dùng nếu chỉ ăn mỗi ngày một bữa hay không?

Mọi người bước vào tu viện với cùng những chỉ dẫn giống nhau, nhưng cách họ thực hành những chỉ dẫn đó không bao giờ giống nhau. Những người xuất chúng sử dụng chỉ dẫn như một kim chỉ nam và sáng

tạo với chúng, khám phá ra những cách thức mới mẻ để áp dụng nguyên tắc nền tảng, từ đó mở ra những chân trời mới - điều chắc chắn dẫn đến nhiều khổ hạnh hơn, nhưng cũng mang lại phần thưởng lớn lao hơn nhiều. Những người khác chỉ đơn thuần tuân theo các quy tắc, và đối với họ, những quy tắc ấy trở thành chiếc quan tài của chính mình. Một thái độ vui tươi hay thậm chí bất cần đôi khi có thể tốt cho một đệ tử không ngại đẩy xa các giới hạn, nhưng ngược lại thì không.

Sư Phụ thường rất hay đùa. Một sự việc vui cho thấy tính cách khó lường và tự phát của Sư Phụ đã xảy ra tại Kim Sơn. Một nhóm thí chủ giàu có đến thăm và sau đó, Sư Phụ tiễn họ ra xe. Tôi đi theo để hộ tống Ngài. Khi đoàn xe đã dừng sẵn dưới lều, tất cả khách đều lên xe, nhưng thật bất ngờ, Sư Phụ cũng bước lên một chiếc và ngồi xuống ghế sau, cạnh cửa sổ. Họ phải làm sao đây? Lẽ nào lại bảo Sư Phụ xuống xe? Dĩ nhiên là không thể.

Tất cả các xe đều rời đi, và tôi đứng trên lều đường, không biết nên nghĩ gì về tất cả chuyện vừa xảy ra. Chiếc xe có Sư Phụ ngồi trong đó đã quay trở lại sau vài phút và dừng sát lều. Tôi thấy Sư Phụ ngồi đó, nhìn thẳng phía trước với vẻ mặt không biểu lộ cảm xúc, đôi mắt khép nửa.

Họ mong đợi Sư Phụ sẽ tự mình bước xuống xe, nhưng Ngài không làm thế. Họ lái xe đi rồi lại quay về

nhiều lần, tạo thành một đoàn diễu hành trông thật nực cười, và việc này kéo dài một lúc khá lâu. Cuối cùng, Sư Phụ mới chịu bước xuống. Những người đáng thương kia đã nghĩ gì? Phải chăng cuối cùng họ đã lên tiếng? Mỗi lần họ dừng xe trước lễ, tôi đều thấy Sư Phụ chỉ ngồi im trong xe, nét mặt điềm nhiên vô cùng. Những người tội nghiệp ấy có thể làm gì được chứ?

Giới luật không chỉ để ràng buộc. Nếu chỉ có thế, thì Hòa thượng Hư Vân đã không thể thực hiện cuộc hành hương lễ bái hơn ngàn dặm từ Ngũ Đài Sơn đến Lhasa xuyên qua tuyết Himalaya như Ngài đã làm. Mỗi người, dù là cư sĩ hay xuất gia, đều phải tìm ra con đường của riêng mình trong Đạo. Đức Phật đã chỉ ra con đường giống như một thanh gươm hai lưỡi: nếu bám chấp một cách ngoan cố, nó sẽ trở thành một chiếc áo trói; nhưng nếu được vận dụng một cách sáng suốt, nó lại là phương tiện giải thoát, như đã từng đối với Hòa thượng Hư Vân và nhiều vị tăng khác. Giới luật không có ý nhốt chúng ta bên trong mà là để thách thức chúng ta khám phá vượt ra ngoài chúng. Chúng ta không phải là những chú ngựa con bị nhốt trong rào; chúng ta có thể ở yên trong rào hoặc thỏa sức khám phá những cánh đồng cỏ. Chuồng ngựa sẽ luôn ở đó.

ĐỨC KARMAPA ĐỜI THỨ 16 VIẾNG THĂM

Một minh chứng tuyệt vời cho việc phá vỡ mọi quy tắc đã được chính Sư Phụ thể hiện qua một trong những bài pháp ẩn tàng trong hành vi tự phát của Thiền tông gây chấn động nhất mà tôi từng được chứng kiến trong đời. Dịp đó là chuyến viếng thăm của bậc thầy lỗi lạc nhất Tây Tạng đến Vạn Phật Thánh Thành: Đức Pháp Vương Gyalwa Karmapa đời thứ 16, Rigpe Dorje, người đứng đầu dòng truyền thừa Kagyupa của Phật giáo Tây Tạng.

Trong Phật giáo Tây Tạng có hàng ngàn loại quán đỉnh (lễ điểm đạo) khác nhau, nhiều như số lượng công án trong Thiền Tông. Lễ quán đỉnh thiêng liêng nhất trong truyền thống Kagyupa được gọi là "Lễ Đính Vương Miện Đen" và chỉ riêng Đức Karmapa mới có thể ban truyền. Lễ này hiếm khi

được cử hành, nhưng Đức Karmapa đã ban truyền nó tại Vạn Phật Thành.

Tất cả chúng tôi đều tụ tập trong đại điện để nhận quán đĩnh, bao gồm cả đệ tử của Đức Karmapa lẫn đệ tử của Sư Phụ. Đức Karmapa ngồi trên pháp tòa, với vị Nhiếp Chính Vương Jamgon Kongtrul và thị giả Lama Lodoe bên cạnh, còn Sư Phụ thì đứng sang một bên. Đức Karmapa bắt đầu Lễ Đỉnh Vương Miện Đen và đột nhiên Sư Phụ bắt đầu đi tới đi lui phía trước Ngài, biểu hiện những hành vi kỳ lạ. Sư Phụ nói: "Mỗi cử động của ta đều vì Phật pháp, khi ta giơ tay lên là vì Phật pháp, khi ta bước chân là vì Phật pháp." Rồi Ngài đưa tay lên xuống và đi qua đi lại ngay trước mặt Đức Pháp Vương Karmapa trong khi buổi lễ đang diễn ra, và tuyên bố rằng "ông ta" - tức Sư Phụ - là Phật tử vĩ đại nhất thế giới, vân vân.

Lễ Vương Miện Đen chỉ kéo dài khoảng hai phút và chủ yếu bao gồm việc Đức Pháp Vương Karmapa lấy vương miện ra từ hộp đựng và đặt lên đầu, dùng tay phải giữ chặt (để nó không "bay mất" về cõi trời),¹ trong khi tay trái lần tràng hạt và tụng niệm thần chú.

¹ Một người bạn Nepal giàu có - người từng thỉnh Đức Karmapa về nhà cúng dường - kể với tôi rằng trước khi ban Lễ Vương Miện Đen, Ngài yêu cầu đóng tất cả các cửa sổ. Vài phút sau, ông ấy đã hiểu lý do tại sao. Đức Karmapa đã không giữ tay trên vương miện như thông lệ, mà tháo nó ra. Chiếc vương miện tự bay lên khỏi đầu Ngài và lơ lửng trong phòng một lúc, trước khi trở về vị trí cũ.

Đức Karmapa vẫn hoàn toàn bình thân, nhưng hành vi kỳ lạ của Sư Phụ khiến tất cả đệ tử của Ngài bật cười ồ lên. Đức Karmapa vẫn hoàn tất buổi lễ như không hề có chuyện gì xảy ra. (Tôi đã kể lại sự kiện này với Đức Karmapa hiện tại - Đức Karmapa đời thứ 17, Orgyen Trinley, khi tôi được diện kiến Ngài.)

Sư Phụ đã phá vỡ mọi quy tắc ứng xử và nghi thức trong sách vở, không những không bị khiển trách mà còn nhận được sự ngưỡng mộ từ các đệ tử của Đức Karmapa. Điều kỳ lạ là các đệ tử của Sư Phụ không hiểu được ẩn ý, cũng không cười, trong khi tất cả đệ tử của Đức Karmapa đều hiểu và bật cười. Một trong những điểm mạnh của Phật giáo Tây Tạng là khuynh hướng vui đùa của họ. Họ tu tập cần mẫn chẳng kém người Trung Hoa, nhưng lại phóng khoáng hơn rất nhiều, và rất thích đóng vai trò của những kẻ thích trêu đùa. Thái độ nhẹ nhàng này, không nghi ngờ gì, giúp họ dễ dàng đạt được chánh định, bởi nó mang lại sự giải tỏa cần thiết khỏi sự tu tập nghiêm túc.

Sau khi Đức Karmapa ban quán đĩnh, các đệ tử của Ngài đã hỏi Sư Phụ, nhắc lại câu hỏi kinh điển dành cho Bồ Đề Đạt Ma: "Vì duyên cớ gì mà Đại Sư Tuyên Hóa đến phương Tây?" Sư Phụ đáp: "Đồ ăn trong thùng rác ngon hơn," khiến mọi người lại bật cười ồ lên.

Sau khi tôi rời Vạn Phật Thành và đến Nepal, tôi trở thành bạn thân của vị viện chủ tu viện Kagyupa lớn

nhất ở đó và có giảng dạy tại đây. Vị viện chủ này từng là đệ tử thân cận của Đức Pháp Vương Karmapa. Tôi có hỏi ông ấy liệu Đức Pháp Vương Karmapa có đề cập gì về Sư Phụ không. Ông trả lời rằng mình đã từng hỏi Đức Karmapa sau khi Ngài trở về từ Mỹ rằng liệu Ngài có gặp được vị thầy nào giống như các bậc đạo sư Tây Tạng "của chúng ta" không. Đức Pháp Vương Karmapa chỉ nhắc tên mỗi một mình Sư Phụ.



Bên cạnh đó, tôi chỉ mới biết gần đây từ Pháp sư Hằng Thuận (Heng Shun) người cùng với Pháp sư Hằng Quán lên kế hoạch cho chuyến viếng thăm của Đức Karmapa tới Vạn Phật Thành và giữ liên lạc với Ngài sau đó - rằng Đức Pháp Vương Karmapa đã chỉ

thị cho những người Tây Tạng sống ở Mỹ và đang có ý định xuất gia rằng nên thọ giới tại Vạn Phật Thành, vì đây là nơi tốt nhất ở Mỹ để thọ giới. Điều này thật đáng chú ý, bởi thông thường các đệ tử Kagyupa chỉ thọ giới trong các tự viện thuộc truyền thống Kagyupa.

Y áo của một người xuất gia hoặc là nhà tù, hoặc là cánh cửa dẫn đến giác ngộ. Việc chúng ta mặc y như thế nào không phải để Sư Phụ quyết định, nhưng Ngài đã đưa ra vô số ví dụ cho thấy y áo và giới luật là những chỉ dẫn, và nếu bám chấp vào chúng, chúng ta sẽ tự giam cầm chính mình.

Xét theo một góc độ, dù hành vi của Sư Phụ trước mặt Đức Karmapa có kỳ lạ đến đâu, thì trong đó vẫn chứa đựng rất nhiều chân lý. Mỗi cử động của Sư Phụ đều là vì Phật pháp, mỗi lời Ngài nói đều là vì Phật pháp, mỗi bước chân Ngài đi đều là vì Phật pháp. Nếu bạn sống quanh Sư Phụ, bạn sẽ nhận ra Ngài không có cái "tôi" nào cả, và quả thực mọi điều Ngài làm, mỗi hơi thở Ngài thở đều là vì giáo pháp. Ngài đã sống trọn tinh thần lời Phật dạy, dù không phải lúc nào cũng theo từng câu chữ.

Một ví dụ khác về việc các đệ tử hiểu lầm Sư Phụ đã xảy ra ngay sau đó, khi Đức Pháp Vương Karmapa viên tịch chỉ vài tháng sau chuyến viếng thăm Vạn Phật Thành. Đức Karmapa bị ung thư và qua đời tại một bệnh viện ở Chicago. Trước khi viên tịch, các đệ tử của

Đức Karmapa đã đến Vạn Phật Thành và thỉnh cầu Sư Phụ cầu nguyện cho Ngài. Với phong cách thiền sư điển hình của mình, Sư Phụ đã nói giỡn về sự việc: "A ha, Karmapa mà còn xin ta cầu nguyện cho, thấy không, họ đang nhờ ta cứu ông ấy đấy, ông ấy không thể tự cứu mình nên mới phải cầu xin ta," và cứ thế tiếp tục nói mãi.

Về sau, sự việc này đã được đăng trong một bài viết đáng tiếc nằm trong bộ sách ba tập "Hồi Ký" của chúng tôi. Bài viết đó đã khoác lác rằng ngay cả Đức Karmapa cũng không thể tự cứu mình, mà phải cầu xin Sư Phụ giúp đỡ, hoàn toàn bịa đặt toàn bộ mục đích chuyến viếng thăm của các đệ tử Đức Karmapa trong một nỗ lực nhằm khiến Sư Phụ trông cao quý hơn Đức Pháp Vương Karmapa.

Dĩ nhiên, có một sự khác biệt lớn giữa việc các đệ tử của Đức Karmapa thỉnh cầu (Sư Phụ) cầu nguyện cho Ngài và việc chính Đức Karmapa thỉnh cầu Sư Phụ cầu nguyện cho mình. Điều đầu tiên đã xảy ra, điều thứ hai thì không. Hơn nữa, ngay cả chính các đệ tử của Sư Phụ cũng đã thực hiện các nghi thức cầu nguyện trường thọ cho Ngài nhiều tháng trước khi Sư Phụ viên tịch. Vì thế, nếu lời chỉ trích mà họ ném vào Đức Karmapa là đúng, thì nó cũng sẽ áp dụng tương tự cho Sư Phụ. Nhưng sự thật là, cả Đức Karmapa lẫn Sư Phụ đều không yêu cầu người khác cầu nguyện cho mình.

Cũng nên lưu ý rằng, ngay trước khi viên tịch, Đức Karmapa đã viết ra ngày tái sinh, địa điểm, tên cha mẹ, màu sắc mái nhà và nhiều chi tiết khác của lần tái sinh tiếp theo. Những điều này được đặt trong một hộp nhỏ (bảo vật) và niêm phong với chỉ dẫn không được mở ra trong nhiều năm, và ghi rõ ngày chính xác được mở. Đức Situ Rinpoche, Nhiếp Chính Vương của Đức Karmapa, đã đeo vật bảo bối này cho đến ngày được chỉ định. Ngài đã trình các chỉ dẫn trong hộp lên Đức Đạt Lai Lạt Ma và một nhóm tìm kiếm đã được thành lập, nhờ đó mà tìm thấy Đức Karmapa đời thứ 17 hiện tại. Điều này nghe có giống như một người sẽ đi cầu xin người khác cứu mình không?

Bộ phim " Sư Tử Hống " (The Lion's Roar) là một phim tài liệu dài về cuộc đời của Đức Karmapa đời thứ 16, bao gồm cả giai đoạn Ngài hấp hối vì bệnh ung thư tại một bệnh viện ở Chicago. Những cuộc phỏng vấn với các bác sĩ điều trị cho Ngài đều bày tỏ sự kinh ngạc trước sự vui vẻ luôn hiện diện của Ngài và việc Ngài luôn hỏi thăm về sức khỏe của chính họ. Họ nhớ lại rằng chưa từng có một bệnh nhân ung thư nào trong giai đoạn cuối như vậy lại có thể duy trì một thái độ lạc quan và sự quan tâm chân thành đến thế đối với các y tá và bác sĩ đang chăm sóc mình.

Khuynh hướng lan truyền thông tin sai lệch về các bậc thầy khác trong một số đệ tử của Sư Phụ chỉ phơi

bày chính sự yếu kém và bất an của bản thân họ - một thói quen vẫn tồn tại đến ngày nay và chỉ gây tổn hại cho chính họ. Một lần, khi ở đầu kia địa cầu tại Ladakh, một vị tỳ-kheo hỏi tôi đến từ đâu. Khi tôi nói mình từ Vạn Phật Thành, ông ấy nhận xét: "Ồ, đó là nơi ghét người Tây Tạng."

VẤN ĐỀ DÀNH CHO BẬC THẦY

Là một người xuất gia, tôi không khỏi cảm nhận thế giới của Sư Phụ thật cô đơn. Là một tăng đoàn gồm các tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni, chúng tôi là bạn đồng tu của nhau, và có tình đồng đạo giữa chúng tôi. Chúng tôi chia sẻ nỗi đau và niềm vui của nhau như thể đó là của chính mình, bởi vì theo một nghĩa nào đó, đúng là như vậy. Không ai được hưởng đặc quyền đặc lợi nào, vì chúng tôi học cách "nhẫn những điều người khác không thể nhẫn, và chịu đựng những điều người khác không thể chịu đựng". Tuy nhiên, Sư Phụ không có "bạn đồng đạo" nào ngang hàng. Ngài là một nhà tiên phong trong vùng đất hoang dã của Phật giáo Mỹ, không có lối mòn trước mặt, và không có ai chăm sóc Ngài. Một thời điểm đã đến không lâu sau khi Sư Phụ đến Mỹ, khi các đệ tử tập hợp lại để phục vụ các nhu cầu thực tế của Sư Phụ - nhưng dù những nhu cầu đó là thiết yếu (thức ăn, chỗ ở, tổ chức các buổi giảng pháp và sự kiện),

và dù Sư Phụ thường xuyên được mọi người vây quanh, tôi không khỏi cảm thấy rằng Ngài vẫn rất cần một người bạn đồng hành thực sự, nếu như một người như vậy xuất hiện.

Chứng kiến Sư Phụ kiên nhẫn dìu dắt chúng tôi, trong khi biết rằng Ngài đang nhìn thế giới từ trạng thái giác ngộ - một cảnh giới mà chúng tôi còn cách xa hàng ngàn năm ánh sáng mới có thể thấu hiểu - thường khiến tôi nghĩ về Trung Hoa với những bậc đạo sư, những ngôi già lam cô tịch, và cả những vùng hoang dã tĩnh mịch dành cho các hành giả du-già. Tôi tự hỏi lòng tại sao Sư Phụ lại ở Mỹ, thay vì một vùng đất nơi Phật giáo đã bén rễ sâu, nơi người người khát khao giáo pháp và sẵn lòng đón nhận, và nơi có những bậc đồng đạo cùng chứng ngộ để Ngài có thể giao hòa tâm thức. Mỗi khi những suy nghĩ ấy trỗi dậy, tôi lại nhớ đến hạnh nguyện Bồ-tát, cùng những gian khổ và khó khăn khi dần thân theo đuổi lý tưởng ấy, và từ đó, đức tin cùng sự tôn kính của tôi dành cho Sư Phụ lại càng thêm sâu dày.

Sư Phụ luôn luôn thị hiện để giáo hóa, ngay cả khi Ngài không "giảng dạy" theo cách thông thường. Một ví dụ kinh điển là khi Quốc sư Hàn Quốc, Ngài Cửu Sơn, đến viếng Vạn Phật Thành để thỉnh giáo Sư Phụ. Ngài Cửu Sơn ở lại mười ngày trong một căn phòng gần phòng tôi tại Như Lai Tự, thế nhưng Sư Phụ chưa

từng gặp mặt hoặc trực tiếp chỉ dạy cho ngài. Ngài Cửu Sơn có thuyết giảng vài lần tại Tu Viện, nhưng không bao giờ được thỉnh mời diện kiến Sư Phụ. Người ta chỉ có thể suy đoán lý do, nhưng trong Thiền tông, cách hành xử như vậy không phải là hiếm. Có lẽ Sư Phụ cũng muốn gặp gỡ Ngài Cửu Sơn, nhưng đã gác lại mong muốn cá nhân của mình vì lợi ích của việc giáo hóa Ngài Cửu Sơn ngay tại tâm địa (mind ground).

Rất nhiều vị khác đến viếng thăm Sư Phụ cũng được tiếp đón một cách sơ sài, và tôi thường nghĩ rằng đó là cách Sư Phụ giao tiếp với họ bằng một thái độ vô ngã hơn là hữu ngã để mang lại lợi ích cho họ. Tuy nhiên, tôi không khỏi băn khoăn liệu Sư Phụ có khát khao có được một người bạn đồng hành để chia sẻ tâm tình.

Chỉ có ba dịp tôi được chứng kiến hào quang ưu việt của Sư Phụ hòa quyện với một vị có chứng ngộ ngang hàng, trong sự ngưỡng mộ, tôn trọng và hoan hỷ lẫn nhau. Niềm vui rõ rệt của Sư Phụ khi hiện diện cùng một bậc tương đẳng là điều có thể cảm nhận được, và nó biểu lộ qua cả ngôn ngữ cơ thể của Ngài. Sau buổi gặp mặt kéo dài hai tiếng với Đức Ngài Kalu Rinpoche tại khu phòng khách bên ngoài thư viện ở Kim Sơn, Sư Phụ đã ôm chầm lấy Đức Ngài trong một cái siết chặt tình cảm và nói lặp đi lặp lại: "Tôi sẽ không để Ngài rời đi."

Trong suốt buổi gặp gỡ với Đức Ngài Kalu Rinpoche, Sư Phụ tràn đầy nhiệt huyết, tựa như một tù nhân vừa được phóng thích. Tuy nhiên, phản ứng của Sư Phụ không có gì đáng ngạc nhiên, bởi Đức Ngài Kalu Rinpoche được xem là một Milarepa của thời hiện đại, một hành giả du-già với sự chứng ngộ tương đương. Dù Đức Ngài Kalu Rinpoche đã gần tám mươi tuổi khi gặp Sư Phụ, niềm hoan hỷ tỏa ra từ cả hai vị đạo sư của hai truyền thống Phật giáo rất khác biệt đã cho thấy rõ rằng sự giác ngộ chân thật có thể xóa tan mọi phân biệt như vậy.



Đức Ngài Kalu Rinpoche

Một dịp khác khi Sư Phụ bộc lộ sự nhiệt tình lớn là khi Ngài Tinh Vân từ Đài Loan sang viếng thăm. Cho đến khi viên tịch vào năm 2023, Ngài Tinh Vân là Viện trưởng tổ chức Phật giáo lớn nhất thế giới - Phật Quang Sơn ở Đài Loan, và là lãnh đạo của một mạng lưới toàn cầu các tự viện và tổ chức Phật giáo. Cả hai vị đã gặp nhau tại Vạn Phật Thành vào những năm 1980, khi cả hai tổ chức của các Ngài đều đang trong giai đoạn phát triển nhanh chóng.

Tôi rất vinh dự được hộ tống hai vị đạo sư tham quan khắp khuôn viên. Khi chúng tôi bước vào Chánh Điện tại Như Lai Tự, hai vị đã đùa giỡn, đẩy nhau một cách vui vẻ để xem ai sẽ lạng trước. Trông họ giống như hai đứa trẻ đang chơi đùa. Sau đó, Ngài Tinh Vân đã có một bài thuyết giảng bằng tiếng Hán mà cho đến ngày nay vẫn là bài pháp lôi cuốn nhất tôi từng được nghe. Tôi không nói được tiếng Hán, nhưng đã bị thu hút bởi sức mạnh trong ngôn từ và ngôn ngữ cơ thể của Ngài. Sau đó, Thầy Hằng Quán có hỏi Sư Phụ về bài giảng của Ngài Tinh Vân, và Sư Phụ nói rằng Ngài Tinh Vân có một năng lực đặc biệt (siddhi) hiếm có, gọi là "vô ngại biện tài" - khả năng hùng biện lưu loát, không bị chướng ngại. Người duy nhất tôi từng nghe thuyết giảng với một sức mạnh tương tự là Satya Sai Baba ở New Delhi, Ấn Độ, trước một đám đông hàng ngàn người. Trong suốt một giờ đồng hồ, không một âm thanh nào khác có thể nghe thấy, khi dòng ngôn từ của

Ngài tuôn chảy như một dòng sông ánh sáng. Sau đó, một người lạ ngồi cạnh tôi quay sang và nói: "Anh đã từng chứng kiến điều gì như thế này trước đây chưa?" Ngoài ra, tôi chưa từng nghe bài pháp nào khác có sức thuyết phục mãnh liệt như bài giảng của Ngài Tinh Vân tại Vạn Phật Thành."



Đại sư Tinh Vân và các đệ tử tại Vatican năm 1997

Vị đạo sư thứ ba là Đức Pháp Vương Karmapa, người mà một chương sách đã được dành riêng để nói về Ngài, và không cần phải nói thêm gì nữa - dù vẫn còn rất nhiều điều có thể nói.

Tôi chỉ có thể nói từ kinh nghiệm của bản thân, dù chỉ giới hạn trong mười năm bên cạnh Sư Phụ, nhưng

tôi có thể kể thêm một câu chuyện bên lề thú vị minh họa cho tình thương lớn mà các bậc thầy chúng ngộ dành cho nhau. Dịp đó là ngay trước khi Sư Phụ viên tịch, khi tôi đã không gặp Ngài từ khi rời đời sống tỳ-kheo để xây dựng gia đình tại Nepal. Tôi đã ở Nepal được mười năm và có duyên được gặp gỡ, nhận chỉ dạy và gia trì từ nhiều bậc tôn sư thượng đức, đặc biệt là Đức Ngài Trulshik Rinpoche - vị thầy tôi đã có duyên gặp trước cả khi gặp Sư Phụ.

Ngay sau khi cùng gia đình đánh lễ Sư Phụ, tôi thưa: "Bạch Sư Phụ, trong lúc con đi xa, con đã được gặp nhiều vị Đạo sư giác ngộ, cũng như Sư Phụ vậy." Vừa nghe tôi nói thế, Sư Phụ bỗng rạng rỡ hẳn lên và bảo tôi kể tên các vị đó. Tôi cảm thấy như một đứa trẻ đang kể cho mẹ nghe về những cuộc phiêu lưu của mình. Sư Phụ bảo tôi ghi lại tên của từng vị đạo sư, và tôi đã làm ngay lúc đó, trong khi vẫn quỳ gối. Sau khi nhận lấy danh sách từ tay tôi, Sư Phụ liền cất tờ giấy vào trong tay áo bướm của Ngài và nở một nụ cười rất tươi.

Người ta thường nói "tư tưởng có cánh", và điều đó thực sự đúng đắn. Kinh điển xác nhận rằng tất cả chúng ta đều được kết nối với nhau thông qua ý thức mà chúng ta cùng chia sẻ. Các bậc đạo sư vĩ đại, nhờ tâm thức vĩ tế của mình, nhận biết được lẫn nhau theo một cách mà chúng ta không thể làm được do tâm thức thô thiển của mình. Khi các bậc Thánh gặp gỡ nhau

trong thân thể vật lý, đó chắc chắn là một dịp vui mừng khôn xiết. Tôi chỉ được chứng kiến những biểu hiện của niềm vui này trong ba dịp với Sư Phụ, nhưng đã chứng kiến nhiều lần ở Nepal và Ấn Độ - nơi những bậc chứng ngộ không hiếm hoi và thực sự gặp gỡ chính thức trong những dịp như hội nghị, đôi khi trong những dịp một vị thầy truyền trao giáo pháp trực tiếp cho một vị thầy khác. Đôi khi, các lễ quán đảnh giữa các bậc đạo sư được tổ chức công khai và tôi đã được dự một số buổi như vậy. Niềm vui chia sẻ lúc ấy thật khó mà diễn tả được, bởi không có gì giống như thế. Một người phải tự mình trải nghiệm nó mới có thể thấu hiểu.



Hai bậc Thượng sư tối cao của Phật giáo Tây Tạng
- Đức Dilgo Khyentse (bên phải) và Đức Trulshik

Rinpoche - thường truyền trao giáo pháp cho nhau. Đức Trulshik Rinpoche chính là vị Pháp tử (dharma heir) của Đức Dilgo Khyentse. Cũng chính Đức Trulshik Rinpoche là vị hướng dẫn tâm linh suốt đời mà tôi đã có duyên gặp gỡ trước khi xuất gia với Sư Phụ Tuyên Hóa.

CHÂN LÝ VÀ CHÁNH NIỆM

Có một câu nói: "Sức mạnh của một con ngựa đua không được đo bằng tốc độ nó có thể chạy nhanh đến đâu, mà bằng khoảng cách nó có thể chạy được bao xa." Nhiều vị đạo sư đưa ra những kết quả ngắn hạn vì đó là điều mà các đệ tử phương Tây thiếu kiên nhẫn muốn thấy, nhưng thái độ đó sẽ không bao giờ đưa họ đến được vạch đích.

Sư Phụ có một tầm nhìn dài hạn cho những đệ tử thiếu kiên nhẫn của Ngài, và họ có thể chấp nhận hoặc từ chối. Trải nghiệm thiền định (dhyana samadhi) là thứ chúng ta muốn, việc chấm dứt sinh tử có thể để sau. Mọi người không hiểu rằng, bên ngoài mục đích chấm dứt sinh tử, thiền định cũng chỉ là một trạng thái tâm linh đặc biệt; dù trải nghiệm đó có thể kỳ diệu đến đâu, nó cũng không có nhiều ý nghĩa. Nó không thể tiêu trừ nghiệp chương mà thậm chí còn có thể tạo ra nghiệp xấu (ác nghiệp) do sự chấp trước vào các "trạng thái",

chẳng hạn như định. Toàn bộ một phần ba cuối của Kinh Thủ Lăng Nghiêm cảnh báo chống lại việc để điều này xảy ra. Khi còn là một chàng trai hai mươi hai tuổi ngây thơ, tôi đã khoe với một hành giả rằng người bạn "Billy" của tôi đã ngồi thiền suốt ba ngày ba đêm không đứng dậy và đã trải nghiệm "ánh sáng" của kundalini (luồng hỏa hâu) của anh ấy. Không ấn tượng, vị hành giả đó trả lời một cách dứt khoát và đầy vẻ thiếu kiên nhẫn: "Có rất nhiều loại "Ánh sáng", Rick à," với sự nhấn mạnh nặng nề vào tên tôi. Cách đó đã hiệu quả! Kể từ đó, những "ánh sáng" không còn gây ấn tượng với tôi nữa.

Bạn phải được ở gần một người đã chấm dứt sự xoay chuyển trên bánh xe sinh tử thì mục tiêu (giải thoát) ấy mới có thể trở nên chân thật đối với bạn. Một học giả có thể dạy lý thuyết, nhưng khó có thể khuyến khích đệ tử thực hành sâu sắc hơn chính bản thân họ. Những học giả có đời sống thiền định thâm sâu thì rất hiếm, và những vị đã chứng ngộ thì càng ít hơn nữa. Nếu ta may mắn gặp được một bậc học giả phi thường và đặc pháp, đó là phước duyên lớn và ta nên nắm bắt lấy.

Sự chứng ngộ của Sư Phụ cho phép Ngài thấu suốt những nhân duyên đời trước đã hình thành nên các khuynh hướng nghiệp lực trong hiện tại. Tri kiến này giúp Ngài hướng dẫn việc tạo tác nghiệp mới một cách thiện xảo hơn, từ đó thiết lập lộ trình cho những đời

sau. Pháp của Ngài là một phương pháp toàn diện, không có những thứ khoái lạc tầm thường. Ngài nhấn mạnh vào công phu sơ bộ và duy trì ở trình độ đó cho đến khi phiền não được nhổ tận gốc rễ. Chỉ khi nào ‘cái bình’ đã được thanh tẩy, khi ấy mới rót ‘dòng cam lồ’ của giáo pháp vi diệu vào.

Các giới luật có thể không trực tiếp giúp ta đạt được Thiền định, nhưng chúng sẽ tạo nền tảng để phát triển kỹ năng thiền tập - thứ sẽ tích lũy dần như một quả cầu tuyết, ngày một lớn thêm qua từng ngày, từng tháng, từng năm. Cho đến sau nhiều năm, ta sẽ có một nền tảng thiền định vững chắc và "chánh kiến" để đưa mình tiến bước trong đời này và cả những đời sau.

Sư Phụ đã gieo vào tâm thức các đệ tử một tầm nhìn dài hạn bằng cách nào? Theo bạn, Ngài đã làm điều đó như thế nào? Đó chính là thông qua tấm gương của chính Ngài. Bạn có thể nghĩ đến một vị đạo sư nào khác trên thế giới đã giảng pháp mỗi ngày vào cùng một giờ trong suốt cuộc đời mình không? Đức Phật đã thuyết giảng trong bốn mươi chín năm, ngày nào cũng như ngày nào, đi trên những vùng đồng bằng bụi bặm của Bihar. Ngoài Đức Phật, bạn có thể nghĩ đến một vị thầy nào khác đã làm được điều tương tự? Khi Sư Phụ không giảng dạy, Ngài đắm mình trong thiền định hoặc phụng sự cộng đồng. Sư Phụ có một đà tiến tu vô cùng mạnh mẽ. Nhiều người khi gặp

Ngài đã cảm nhận được sức mạnh từ sự hiện diện của Ngài một cách choáng ngợp đến mức họ phát tâm bước vào Đạo ngay lập tức. Và Ngài làm được điều đó mà không cần phô bày bất kỳ thần thông nào. Kho tàng công đức và đức hạnh của Ngài lớn đến mức ngay cả vẻ ngoài bình thường và cách hành xử giản dị của Ngài cũng không thể che giấu được.

Sư Phụ mặc y vải bông giản dị và đi giày La-hán, không bao giờ dùng đồ mới, luôn giữ một chiếc khăn tay trong tay áo và một chiếc túi vải trên vai. Chỉ đơn giản vậy thôi. Ngài hiếm khi mặc chiếc y nghi lễ đồ 108 mảnh (Đại hội y) - thứ mà nhiều vị trụ trì tầm thường khác thường mặc như những người phụ nữ khoe áo mới. Hơn nữa, không gian sinh hoạt cá nhân của Ngài cũng chẳng hơn gì của các đệ tử. Ngài sống giản dị, không tiện nghi xa xỉ hay trò giải trí nào. Nói ngắn gọn, Sư Phụ là một hành giả khổ hạnh.

Sư Phụ không bao giờ thay đổi cách sống từ tình huống này sang tình huống khác như nhiều vị thầy khác thường làm. Trên pháp tòa, họ trông thật tuyệt vời và nói những lời đầy cảm hứng, nhưng một số người có một cuộc sống hoàn toàn khác khi rời khỏi đó, thậm chí không mặc y. Tuy nhiên, Sư Phụ không bao giờ thay đổi, dù Ngài đang chăm lo Phật sự với một vị sư, đang giảng dạy, hay đang dùng cơm. Sự hiện diện của Ngài không hề thay đổi. Nó luôn khắc khổ và cho bạn cảm

giác về một người đang mang trên vai một gánh nặng lớn. Đối với Sư Phụ, mọi thứ thực sự đều là pháp tu.

Những người đệ tử của Sư Phụ đều thẩm nhuần tâm gương của Ngài. Hầu hết, nếu bạn gặp họ bên ngoài tu viện, đều thấy họ rất đời bình thường. Đạo Phật của họ không bao giờ được tuyên bố ồn ào. Mọi người đều được rèn luyện để tìm thấy sự tu tập trong mọi việc họ làm suốt cả ngày, và tại Kim Sơn, đó có thể là những chuyến đi đến ngân hàng, thăm một nhà xuất bản, phân phát sách, làm việc trên máy tính, công tác dịch thuật, dọn dẹp, thiền định, hoặc tham dự một buổi giảng kinh. Tất cả các hoạt động đều được xem như một phương tiện để thực hiện hoài bão giải thoát.

Nhận ra tiềm năng chuyên hóa của những hoạt động bình thường là điều khó khăn vì chúng ta có những định kiến "tâm linh" đã ăn sâu vào tiềm thức. Thật khó để thấy rằng việc xếp hàng chờ đợi ở ngân hàng không kém phần là một "Phật sự" so với việc niệm Phật trong một thời khóa A Di Đà. Tôi gần như chắc chắn rằng Pháp sư Hằng Quán, người phụ trách các Phật sự, lẽ ra đã có thể đạt được nhiều thành tựu hơn nếu như thầy ấy phụ trách Thiền đường.

Điểm then chốt là nếu không nhận ra Pháp trong những công việc bình thường, thì ta cũng sẽ chẳng bao giờ nhận ra nó khi thực hiện các nghi lễ, thiền định trong Thiền đường, hay viếng thăm thánh địa. Những gì

ta đạt được tùy thuộc vào cách ta thiết lập tâm mình, chứ không phải địa điểm hay những hình thức bên ngoài. Đối với người mới bắt đầu, những khung cảnh "linh thiêng" có thể cung cấp sự hỗ trợ, nhưng chúng dễ dàng trở thành một sự chập chờn, phân chia thời gian trên tọa cụ thiền định với thời gian rời khỏi nó.

Cần phải có một sự chín chắn đáng kể trong việc thực hành Pháp mới có thể thấy vạn vật đều bình đẳng. Sư Phụ đã giúp những ai đến nương theo sự hướng dẫn của Ngài đạt đến trình độ đó. Ngài dạy rằng chánh niệm và nắm giữ nguyên tắc chân thật không chỉ dành cho tọa cụ thiền định mà là cho từng khoảnh khắc trong ngày. Nhiều thiền giả xuất sắc và tài năng nhất của Sư Phụ đã dành rất ít thời gian trong Chánh điện. Bản thân Sư Phụ luôn ở trong định sâu, và những ai theo Ngài nhận thấy rằng hiệu ứng mê hoặc của một Thiền đường, ngôi tự viện, hay thánh địa có thể trở thành một sự xao lãng đối với những người chưa chứng ngộ. Khi nhà hiền triết Ấn Độ Paramahansa Yogananda được hỏi khi nào ông thiền định, ông trả lời: "Khi tôi quá mệt để làm bất cứ điều gì khác." Tự viện và những thứ tương tự có thể khuyến khích những người quá nhút nhát để bắt đầu, nhưng một khi chúng ta đã bước vào Pháp, chúng ta đã hoàn thành mục đích chính của mình.

CÁI BẤY

Sư Phụ giảng dạy từ kinh điển - lời được ghi chép lại của Đức Phật, do Ngài A-nan-đà, bậc đa văn đệ nhất trong hàng đệ tử của Phật, ghi nhớ. Loại giáo pháp này còn được gọi là giáo pháp "chính thống", để phân biệt với những phát triển về sau của Phật giáo.

Bạn đã bao giờ bắt đầu một dự án nhỏ, nhưng cuối cùng nó lại tốn nhiều thời gian hơn dự kiến chưa? Điều này có thể xảy ra khi một nhiệm vụ làm lộ ra một vấn đề bất ngờ. Ví dụ, một người định sửa chữa một bậc thềm hiên bị mục, nhưng khi bắt tay vào làm thì phát hiện ra cả cái hiên cũng đã mục nát và phải thay thế toàn bộ. Tất cả chúng ta đều từng đem xe đi sửa và nhận ra rằng những gì ta tưởng là một việc nhỏ lại hóa ra lớn, và tốn kém nữa. Bạn còn nhớ từ "hệ lụy" đã được đề cập trước đây chứ? Chúng ta đang mô tả "hệ

lụy" ngay bây giờ đây. Chiếc xe và cái hiên đã "hệ lụy" nhiều công sức hơn dự kiến.

Tất cả chúng ta khi bước vào giáo pháp đều sẽ không biết hết những lỗi hỏng "dưới nắp ca-pô" cho đến khi bắt đầu thực hành thiền định và học tập dưới sự hướng dẫn của một vị thầy. Nếu vị Thầy đó đã giác ngộ, như Sư Phụ, thì Ngài sẽ hướng dẫn chúng ta từng bước một chứ không phải tất cả cùng một lúc. Nếu không có sự hướng dẫn của một vị thầy, chúng ta có thể nhầm lẫn việc nhận thức rõ hơn về các lỗi lầm của mình là một dấu hiệu của sự thiếu tiến bộ, trong khi thực tế lại hoàn toàn ngược lại. Thật buồn cười khi những người mới bắt đầu thường mong đợi thấy ánh sáng rực rỡ hay các ảo cảnh khi thiền định, và khi thay vào đó là sự nhận thức ngày càng rõ về các lỗi lầm của bản thân, họ không xem đó là một dấu hiệu của tiến bộ, mà lại nhầm tưởng đó là một thất bại, và kết luận rằng thiền định không phù hợp với mình. Mĩa mai thay, dấu hiệu của sự tiến bộ này lại là nguyên nhân khiến những người muốn hành thiền từ bỏ nhiều hơn bất kỳ lý do nào khác.

Sư Phụ đã làm việc với từng đệ tử của mình phù hợp với nghiệp lực và khả năng của người đó. Nhưng dù ở trình độ nào, nó cũng luôn dẫn đến việc người đệ tử tự mình "mắc kẹt" lại. Cánh cửa thoát ra không còn là một lựa chọn một khi chúng ta bắt đầu thấu hiểu giáo

pháp. Sư Phụ dẫn dắt chúng ta đến điểm mà chúng ta nhận ra mình phải tự chịu trách nhiệm cho chính mình. Nếu chiếc xe của chúng ta có vấn đề, chỉ cần nó còn nằm trong nhà xe, chúng ta có thể phớt lờ nó, nhưng một khi đã đem nó đến thợ máy, chúng ta buộc phải sửa chữa nó cho dù vấn đề là gì đi nữa. Việc chúng ta vào tu viện dưới sự hướng dẫn của một vị thầy cũng tương tự như vậy. Một khi đã học được giáo pháp, chúng ta không thể phớt lờ công việc sửa chữa chính mình. Chúng ta phải có trách nhiệm. Sư Phụ chỉ có thể dạy giáo pháp và chúng ta chỉ có thể lắng nghe, nhưng càng lắng nghe, chúng ta càng nhận ra rằng không có đường quay lại.

Nếu quý vị còn có chút quan tâm đến chính mình, thì ắt hẳn phải tu tập. Một số người thì ngây thơ, về cơ bản là hạnh phúc, và nghĩ rằng mình không có chương ngại nào, nhưng khi họ bước vào tu viện, dưới sự chỉ dạy khéo léo của một vị Thầy, họ nhận ra rằng khổ đau thấm đẫm mọi thứ, ngay cả trong “hạnh phúc”.

Nghi tình ắt sẽ phát khởi trong mỗi hành giả chân chính nghiêm cứu Pháp. Bạn không thể là một hành giả hời hợt khi sống cùng một bậc Thầy đã giác ngộ. Hoặc là bạn nghiêm túc, hoặc là bạn phải ra đi. Nghi tình dẫn lối mọi đệ tử quay vào trong để tra hỏi chính mình là ai, và nó trở thành một cái hố thỏ không lối thoát. Bạn có thể đi sâu hơn, nhưng không thể quay đầu lại. Đó chính

là ý nghĩa của sự tu tập. Nó giống như việc bò bằng bụng như một con rắn trong một không gian chật hẹp, nơi chỉ có thể tiến về phía trước.

Khi ban đầu quán chiếu vào "Cái Ai", ta đặt tâm mình lên đó, và khi nó trôi dạt, ta lại đặt nó trở lại. Đây được gọi là "sự cảnh giác" (vigilance). Nếu bạn có thể bắt lấy tâm trước khi nó trôi dạt, đây được gọi là "chánh niệm" (mindfulness). Khi chúng ta bắt đầu nhìn vào "Cái Ai", trước tiên ta phải đặt tâm mình lên nó, sau đó ta phải cố gắng giữ nó ở đó bằng chánh niệm, và cuối cùng, nếu nó vượt khỏi sự chánh niệm của ta, ta phải móc lấy nó bằng cái móc của chiếc dù cảnh giác, và đưa nó trở lại lần nữa.

Sau khi công phu tu tập đã thuần thục, có lẽ sau vài năm trời thực hành mỗi ngày, chúng ta sẽ không còn phải đặt tâm mình lên "Cái Ai" nữa. Trên thực tế, ta không thể loại bỏ "Cái Ai" đâu có cố gắng. "Cái Ai" khi ấy trở nên như một thói nam châm, lôi kéo ta vào trong nó và không buông tha. Đây chính là ý nghĩa của "cảm giác nghi tình" (the sensation of doubt), một khái niệm vô cùng trọng yếu trong Thiền Tông.

Sư Phụ đã giúp các đệ tử của Người nhận ra cảm giác nghi tình. Sống cùng Sư Phụ giống như có một cái gai nhọn đâm vào người, ngày đêm không lúc nào nguôi. Bởi vì Sư Phụ có thể thấu suốt mọi ý nghĩ của mọi người, Ngài có thể nói ra những điều khiến chúng tôi

mắt thẳng bằng, và Ngài thường làm vậy. Lời nói của Ngài luôn chạm đúng vào một điểm nhạy cảm, một khát vọng thầm kín, một phiền não, nỗi sợ hãi, v.v...Nhưng, không giống như cách tiếp cận của một bác sĩ tâm lý, Sư Phụ sẽ nói: “Cái đang biết cái phiền não hay cảm xúc dao động ấy, chính nó không hề bị dao động. Con chính là cái sự biết ấy. ‘Con là Ai?’” Thay vì đồng hóa mình với căn bệnh, hãy đồng hóa mình với cái đang biết vấn đề. Sư Phụ luôn giữ cho “Cái Ai” trong tâm trí chúng tôi luôn mới mẻ và sống động.

Lý do chúng tôi có thể vượt qua những gian khổ dưới sự dạy dỗ của Sư Phụ chính là nhờ vào sự tấn hóa (progress) của bản thân. Bạn đã từng bị ốm và phải uống những vị thuốc đắng ngắt, khó uống để được khỏe lại chưa? Tất cả chúng ta hẳn đều đã trải qua điều đó, và ắt hẳn không thấy quá khó để hiểu vì sao khuynh hướng thực hành khổ hạnh của Sư Phụ lại có thể được chúng tôi tiếp nhận một cách dễ dàng. Đức tin (Faith) đóng một phần rất lớn trong điều này. Sư Phụ đã truyền cảm hứng cho chúng tôi có được đức tin, và đức tin là một trong những pháp môn (dharma doors) tối thắng nhất của đạo Phật. Đức Phật có rất nhiều đệ tử chỉ có trí tuệ bình thường nhưng đã trở thành những hành giả thành tựu nhờ vào đức tin vững chắc của họ.

Người thông minh khéo léo thường lại gặp vấn đề với đức tin. Họ cố gắng tìm đủ mọi cách để hành cho dễ

hoặc không thực hành chút nào. Nhưng một người với đức tin mạnh mẽ sẽ làm theo lời Sư Phụ dạy và chấp nhận mọi thử thách. Sư Phụ rất dễ dàng đảm đương trách nhiệm cho một đệ tử như thế, nhưng lại rất khó để giúp đỡ người thông minh luôn khéo tìm cách lách luật để tránh né mọi khó khăn. “Sự khôn khéo” thường bị các bậc Thầy nhìn nhận một cách tiêu cực, bởi nó thường chỉ phục vụ cho bản thân và được dùng để trốn tránh sự hy sinh.

Sư Phụ đã giúp chúng tôi điều chỉnh mục tiêu của mình cao hơn, không khác nào Chúa Jesus hướng dẫn Peter đi bắt người thay vì bắt cá, Sư Phụ đã giúp chúng tôi biến một mục tiêu nhỏ bé thành một đại nguyện. Hãy nghĩ về cuộc lễ bái hành hương (bowing pilgrimage) 1,100 dặm của Hằng Cự, vốn ban đầu chỉ để thăm mẹ nhưng đã được chuyển hóa thành một cuộc hành hương cầu nguyện cho hòa bình thế giới.¹ Hoặc hãy nghĩ về Hằng Thủ, người đang nghiên cứu trong thư viện tại Kim Sơn. Sư Phụ đã đến bên anh và nói: “Con muốn trở thành một vị A-la-hán, hay một vị Phật? Nếu con muốn thành A-la-hán, hãy ở lại thư viện. Nếu con muốn thành Phật, hãy ở lại Thiền đường.”

Hằng Thủ từng là một trong những thiền giả tài năng bậc nhất của Sư Phụ. Anh cũng là một học giả

¹ Lần đầu hành Tam Bộ Nhất Bái của Hằng Cự đã thất bại, và anh quay trở lại tự viện chỉ sau một buổi tối và một buổi sáng bái lạy.

xuất sắc (anh đã hoàn tục và tốt nghiệp Trường Luật Harvard). Nhưng anh cũng có cách làm việc riêng của mình và không thể từ bỏ chúng. Rất nhiều đệ tử cũng đều như vậy. Chúng ta không thể phán xét đó là tốt hay xấu, bởi Sư Phụ thường nói rằng mỗi người đều có nhân duyên (causes and conditions) phức tạp. Nhân duyên của họ là như thế, và chúng ta không thể treo một tấm biển cho họ ghi rằng việc rời đi là quyết định đúng hay sai.

Rất nhiều người đã gặp Sư Phụ rồi sau đó rời đi, nhưng họ cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Ngài. Trường hợp của Hằng Thủ, anh rời đi, tốt nghiệp Harvard, kết hôn, và cùng vợ mình - một nhà tâm lý học - phát triển phần mềm để dạy trẻ em cách bảo vệ môi trường (và đã bán lại cho Long Island Power). Về sau, họ thành lập một văn phòng luật để tư vấn cho những người sắp ly hôn cách tôn trọng và đối xử thân thiện với nhau. Anh ấy vẫn là một Phật tử thuần thành trong suốt cuộc đời, và tiếp tục cho đến ngày nay, năm mươi năm sau khi rời xa Sư Phụ.

Nếu Hằng Thủ ở lại với Sư Phụ, tôi gần như chắc chắn rằng anh ấy đã trở thành một trong những vị Tỳ-kheo hàng đầu của nước Mỹ. Anh ấy sở hữu sự kết hợp hiếm có của một học giả xuất chúng và một thiền giả tài ba. Nhưng khi tôi trò chuyện với anh, anh đã nói rõ ràng, xét về công đức, anh cảm thấy mình đã tạo được

không hề ít hơn với tư cách một luật sư so với việc ở lại làm một nhà sư. Có lẽ là vậy, anh đã chọn một con đường đòi hỏi công việc đầy thử thách, và nếu ở lại trong tăng đoàn, biết đâu anh lại trở thành một nhà sư lười biếng. Dù cho có thể anh đã thành công hơn nếu sống đời tu sĩ, chúng ta không thể chắc chắn điều đó.

Rất nhiều người, như Hằng Thủ, đã chọn rời xa Sư Phụ sau một thời gian, có thể từ vài tháng đến vài năm. Nhưng, ngay cả những người đã rời đi cũng sẽ không bao giờ giống như một người phạm tục nữa. Một khi bạn đã từng ở gần một bậc thể hiện tâm giác ngộ, bạn sẽ trân quý bản thân mình hơn và không muốn đánh mất chính mình. Đời sống của một nhà sư có thể không dành cho bạn vào lúc này, nhưng hạt giống đã được gieo trồng, và bạn sẽ không bao giờ cho phép bản thân mình trở lại là một kẻ ích kỷ, chỉ truy cầu khoái lạc, bị những dục lạc của luân hồi mê hoặc nữa.

THAM ÁI VÀ CHẤP TRƯỚC

Sư Phụ đã giảng về sự tu tập theo cách mà hầu hết các Pháp Sư khác e ngại: đó là nhấn mạnh rằng, nơi nào tham ái và chấp trước còn hoạt động, thì sự tu tập sẽ chẳng bám vào đâu được. Nền tảng cốt lõi trong giáo huấn của Sư Phụ chính là việc phá vỡ tham ái và chấp trước. Hầu hết các vị Thầy đều cảm thấy rằng cách tiếp cận này sẽ làm các đệ tử hoảng sợ mà bỏ đi, nên họ tránh không đẩy học trò vào một cuộc đối đầu trực diện với các lỗi lầm, khuyết điểm và phiền não của chính họ - tất cả đều bắt nguồn từ tham ái và chấp trước.

Tôi đã thảo luận về hai cách tiếp cận này với một số bậc Thầy hàng đầu thế giới¹ và tất cả họ đều nói rằng

¹ Một trong những cuộc thảo luận đáng nhớ nhất của tôi là với Trinley Norbu, ngay trong lần đầu chúng tôi gặp mặt tại Nepal. Tôi đến nhà ông ấy và thấy một người mặc áo ba lỗ, quần đùi đang tưới cỏ. Lúc đó tôi vẫn còn là một tỳ kheo, nghĩ rằng đó là người làm vườn nên quyết định

họ sẽ chỉ có rất ít, hoặc thậm chí không có, tín đồ nào nếu họ dạy một con đường nhấn mạnh vào hạnh kiểm, đạo đức, v.v... Thay vào đó, họ thỏa hiệp. Họ trao các quán đảnh (initiations) vào những pháp thiền định khác nhau, liên quan đến quán tưởng, "thần chú bí mật," nghi lễ (thường dưới vỏ bọc củ

a "Mật giáo" ("tantra")) và một khi các đệ tử đã tiến bộ trên mặt trận này và bị mắc câu, họ mới dần giới thiệu các giới luật, v.v... Cách tiếp cận này dường như phát huy hiệu quả tốt với người Mỹ và người Châu Âu, và nhiều người đã bỏ qua các pháp căn bản ban đầu, nhưng sau đó nhận ra sự tất yếu của chúng khi họ tiến bộ hơn (dưới sự hướng dẫn của một vị Thầy thiện xảo).

Sư Phụ không chấp nhận cách tiếp cận này và thay vào đó đã chọn một lối đi chính thống (orthodox), ngay cả khi điều đó khiến Ngài mất đi các đệ tử. Đối với Sư Phụ, việc bạn có thể quán tưởng xuất sắc thế nào, tụng niệm nghi lễ giỏi ra sao, tham gia các pháp thiền định hay thậm chí nhập định cũng chẳng thành vấn đề: nếu những tham ái và chấp trước nền tảng bên

chào hỏi. Hóa ra, chúng tôi đã lao vào một cuộc thảo luận kéo dài cả tiếng đồng hồ, tranh biện về hai phương pháp hành trì Pháp: "Trường phái Kinh điển" và "Mật Pháp". Cuộc tranh luận kết thúc khi tôi, lúc đó đã hơi bức bối, nói: "Chúng ta đã tranh luận đủ rồi, anh có thể cho tôi biết Trinley Norbu ở đâu không?" Thì ra, người đó chính là ông ấy! Sau đó, tôi thường xuyên đến thăm và cùng thiền định với ông ấy tại nhà riêng, cùng với một vài người khác.

trong không bị chế ngự và từ bỏ, thì sẽ không thể nào củng cố vững chắc những thành tựu đó được. Sư Phụ đã chọn cách xây dựng các đệ tử của mình từ nền tảng lên, thay vì để họ trở nên đầu to chân nhỏ mà không có một nền móng vững chắc.

Có nhiều cấp độ của sự không chấp trước và chế ngự ham muốn, cùng với những pháp và phương thức để đạt được điều đó. Một số người nghĩ rằng sống trong tu viện hoặc là những cư sĩ giữ giới là đủ. Nhưng sống theo các quy tắc quản lý hạnh kiểm và hành vi mới chỉ là khởi đầu của sự không chấp trước và không tham muốn. Nói cách khác, sự giản dị, sự thanh khiết, sự từ bỏ, v.v... phải là nhiều hơn một sự phủ nhận đơn thuần. Sư Phụ muốn tất cả đệ tử của mình tìm thấy khía cạnh tích cực của lối sống khổ hạnh (asceticism), sự không chấp trước và không tham muốn; và Ngài đã nỗ lực không ngừng để họ thấy được giới luật như một sản phẩm phụ tự nhiên của sự tu tập, chứ không phải là mục tiêu chính.

Tất cả các tăng chúng và cư sĩ sống trong các tu viện (như Vạn Phật Thành, v.v.) đều thực hành sự không chấp trước và kiềm chế ham muốn rất tốt. Vậy tại sao Sư Phụ vẫn không ngừng nói về giới luật; điều đó chẳng phải là giảng đạo cho những người đã biết đạo hay sao? Không, và đây là lý do. Mỗi đệ tử phải nhận ra rằng giới luật có một khía cạnh thô bên ngoài

và một khía cạnh vi tế bên trong, và sự ứng dụng của chúng là khác nhau. Giới luật bên ngoài là thứ mọi người đều nhìn thấy. Những giới luật vi tế bên trong thì biến đổi rất lớn, được cá nhân hóa và vô hình. Sư Phụ đã dẫn dắt mọi người nhìn thấy bên dưới bề mặt của sự tu tập và khám phá ra những lớp ý nghĩa ngày càng vi tế hơn. Đây chính là mục đích chính của Sư Phụ: đưa giới luật lên một tầng cao mới, vượt ra khỏi hình tướng bề mặt và đi vào tâm địa, nơi chúng ta thực sự làm việc với năng lượng.

Đối với những đệ tử thực sự công phu, giới luật đã trở nên tự nhiên và họ hưởng thụ con đường dài tiến đến sự chứng ngộ. Sư Phụ chưa bao giờ có ý định đề các quy tắc phục vụ cho bất cứ điều gì hơn một nền tảng để khởi đầu. Chúng là những giới luật hữu ích để rèn luyện tâm và thân, khiến cả hai trở nên mạnh mẽ và có khả năng theo đuổi một pháp môn, nhưng không hơn thế nữa. Sư Phụ đã khuyến khích các đệ tử của mình tìm thấy vị trí phù hợp trong Phật Pháp bằng cách phát triển một sự tu tập cá nhân trong đó lấy giới hạnh làm nền tảng hỗ trợ, và không có gì để chấp trước.

Nhiều người dù chưa từng biết đến Phật Pháp vẫn giữ giới và sống một đời sống thanh tịnh; chỉ là họ không nghĩ về điều đó dưới góc độ giáo pháp. Trên thế gian có rất nhiều người tốt, những người sống cuộc sống chân chính bởi vì đó là cách đúng đắn để trở thành

một thành viên có trách nhiệm và được kính trọng trong cộng đồng. Họ không quan tâm đến việc vượt qua khỏi mức độ đó, và nhiều người thậm chí còn không biết rằng một cấp độ như vậy tồn tại, thế nhưng về mặt hành vi chung, họ sống kỷ luật chẳng khác nào các tu sĩ.

Bạn đã bao giờ để ý thấy có người tham dự các pháp hội, nghe giảng kinh và thực hiện nghi lễ một cách hoàn toàn chuyên chú trong từng khoảnh khắc, trong khi những người khác lại chán nản và khó có thể giữ cho mình tỉnh táo? Điều này phản ánh trực tiếp mức độ thấu hiểu của họ về sự tu tập nội tâm. Đối với một người chỉ đơn thuần tuân theo các quy tắc hành xử, mỗi khoảnh khắc của buổi lễ dường như kéo dài vô tận. Họ chỉ nhìn thấy sự việc trên bề mặt bên ngoài. Đầu họ gật gù trong các buổi giảng kinh, hoặc họ ngủ gục. Nhưng đối với một người đang thực sự công phu trên tâm địa, các quy tắc và giới luật tồn tại trong lĩnh vực của tư tưởng, và vi phạm giới luật không chỉ có nghĩa là hành động mà còn là ý nghĩ. Ví dụ, liếc nhìn một người khác giới có thể là dấu hiệu của dục vọng đối với một tu sĩ, trong khi một người khác thậm chí không để ý đến ánh mắt lang thang của mình. Một người có thể nghĩ rằng việc ngắm nghía các cửa hàng trong chợ là hoạt động "bình thường", trong khi đối với người khác, ngay cả khuynh hướng làm điều đó cũng đã là tham lam.

Sư Phụ giảng dạy về giới luật, sự từ bỏ, không chấp trước và buông xả ham muốn chủ yếu là trên tâm địa. Nếu không, việc Ngài không ngừng nói về giới luật với các hàng xuất gia và đệ tử tại gia đã thọ giới sẽ là vô nghĩa. Là những tỳ kheo tu học dưới sự hướng dẫn của Sư Phụ, chúng tôi nhận ra sự từ bỏ nội tâm dễ dàng hơn nhiều, bởi chính Ngài là hiện thân sống động của sự từ bỏ ấy. Tuy nhiên, các hàng xuất gia ngày nay, không có sự hiện diện của Sư Phụ, sẽ gặp khó khăn hơn rất nhiều. Vào thời của Sư Phụ, tất cả tăng chúng đều nhiệt thành thúc đẩy bản thân vượt lên trên hình thức tu tập, nhưng khi không có sự hiện diện của Ngài, nhiều người chỉ bằng lòng với việc giữ gìn các quy tắc bề ngoài. Giờ đây, chúng ta phải tự mình gánh vác trách nhiệm và cần phải cảnh giác tinh tấn hơn bao giờ hết.

Sư Phụ luôn nhấn mạnh việc "gìn giữ giới luật", nhưng "giới luật" không được xem như cứu cánh tự thân, mà là bước khởi đầu. Những ai không muốn tuân theo giới luật thì không thể ở lại. Dưới sự dẫn dắt của Sư Phụ, giới luật là nền tảng để bắt đầu sự tu tập. Việc chỉ đơn thuần tuân theo giới luật chưa bao giờ được xem là cánh cửa dẫn đến giác ngộ, mà là điểm khởi đầu, một nơi để bắt đầu và xây dựng nền tảng cho hành trình tiếp theo của chúng ta. Giới luật giúp định hình sự tu tập và giữ cho tâm vững vàng. Những hành giả có sự tu tập chín muồi thậm chí không còn nhận thấy những giới luật mình đang gìn giữ, vì các quy tắc

hành xử trở thành yếu tố phụ trợ trong một sự tu tập bao quát hơn nhiều.

Việc vượt xa hơn những gì được yêu cầu trong sự tu tập được thấy rõ ở những hành giả như Pháp Sư Hằng Quán, người đã phụng sự Sư Phụ một cách thân cận không ai sánh bằng; hay Pháp Sư Hằng Trường (Heng Chang), người đã chọn Kinh Hoa Nghiêm làm pháp môn của mình và ghi nhớ toàn bộ. Vị Pháp Sư ấy có thể tụng thuộc lòng bộ kinh đồ sộ này cả xuôi lẫn ngược, và thậm chí có thể chỉ ra chữ nằm giữa bất kỳ ba chữ nào mà bạn đưa ra! Xét về độ dài của Kinh văn này, lên tới 1.200 trang trong bản tiếng Anh, đó là một kỳ tích đáng kinh ngạc. Một ví dụ khác về sự tinh tấn vượt bậc chính là Pháp Sư Hằng Cự và Hằng Do, những người đã thực hiện một cuộc hành hương lễ bái dài 1.100 dặm dọc theo đường cao tốc, chỉ có hai vị và một chiếc xe do Pháp Sư Hằng Do kéo theo. Về sau, dĩ nhiên, Pháp Sư Hằng Thật và Hằng Triều cũng đã thực hiện một cuộc hành hương gần như khắc nghiệt không kém. Pháp Sư Hằng Trí (Heng Chi) đã chọn Kinh Thủ Lăng Nghiêm làm pháp môn của mình và ẩn tu trong ba năm để ghi nhớ và thấu suốt ý nghĩa của nó. Pháp sư Hằng Thuận thì chọn Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm làm pháp môn tu tập của mình.

Giữa hàng Tỳ-kheo-ni có nhiều vị đã dành trọn sự tu tập của mình cho công việc phiên dịch. Một vị Tỳ-

kheo-ni, Hằng Đạo, đã chọn việc thuần thực bốn mươi hai thủ nhãn của Bồ Tát Quán Thế Âm; Hằng Hiền vận dụng kiến thức Phạn ngữ của mình để phiên dịch kinh điển và cũng giảng dạy chúng. Hằng ni chúng đã thu hút nhiều người xuất gia hơn hẳn bên nam giới, và đây là minh chứng cho sự tu tập tinh tấn và chiều sâu chứng ngộ của các vị. Hơn ai hết, chính các vị đã gìn giữ không khí tu viện của Vạn Phật Thành.

Việc tu tập không thể thực hiện với thái độ thụ động, chỉ đơn thuần làm theo những gì được bảo. Đó phải là sự theo đuổi chủ động những nguyện vọng cá nhân của chính mình. Sự nhiệt tình kiên định của Sư Phụ đã khuyến khích tất cả mọi người xung quanh Ngài tìm ra phương thức dẫn thân của riêng mình vào giáo pháp, tìm thấy đường hướng phù hợp, chứ không chỉ là những tu sĩ chỉ biết ăn cơm tầm thường. Một khi đã tìm thấy pháp môn của chính mình, giới luật sẽ tuôn chảy một cách tự nhiên, theo một cách không gượng ép và không tự ý thức.

Nhiều người tuân theo giới luật lại sử dụng chúng như những chiếc nạng để tựa vào. Họ có thể có ý niệm muốn thực hiện một cuộc lễ bái hành hương, nhưng giới luật chỉ quy định lạy khi vào Chánh điện. Họ có thể nghĩ đến việc nhịn ăn hai tuần, nhưng giới luật chỉ dạy một bữa một ngày. Bạn phải vượt xa hơn thế thì mới đạt được thành tựu thực sự. Sự tu tập phải không

sợ hãi và dừng mãi, bằng không, tâm nhiệt tình đối với pháp sẽ không bao giờ phát khởi. Nếu bạn không đóng dấu ấn cá nhân lên sự tu tập của mình, thì bạn không thực sự tu hành.

Sẽ đến một lúc trong sự tu tập, cảm giác dần thân trời dậy, và người ta say mê với việc tu tập đến mức không thể tạm dừng dù chỉ một khắc. Người ta không còn phải cố gắng đặt thân và tâm mình vào nhiệm vụ tu tập nữa, mà bị cuốn vào nó một cách tự nhiên. Tôi không nghĩ việc đạt đến mức độ đó trong tu tập là điều có thể đối với hầu hết chúng ta nếu không có sự dẫn dắt của một bậc minh sư. Chúng ta cần một tấm gương sống trước mặt thì mới có thể hội tụ đủ dũng khí và năng lực để đi sâu đến thế. Chúng ta cần phó thác bản thân cho một vị Thầy có năng lực thực sự.

Cần phải hiểu rõ rằng việc dứt bỏ chấp trước không chỉ có nghĩa là từ bỏ ham muốn của cải, những thứ xa xỉ, những dục vọng, tình dục, thức ăn, danh tiếng, v.v. Ngay cả khi những chấp trước này rơi rụng, người ta vẫn có thể phát triển sự dính mắc vào y áo, giới luật, lối sống tu viện, và thậm chí là thiên định. Hàng tại gia có thể trở nên chấp thủ vào danh hiệu "Phật tử" và say mê trong bản sắc Phật giáo của mình, cho đến khi Phật giáo trở thành phương tiện để tách biệt họ với người khác, thay vì gắn kết họ với mọi người.

Đức Phật đã cảnh báo các đệ tử của Ngài về những nguy hiểm của việc chấp trước vào hình tướng của pháp hành, và Sư Phụ cũng làm như vậy.

Sự hướng dẫn của Sư Phụ đã dẫn dắt chúng tôi ra khỏi sự trì trệ bằng phương tiện thiện xảo của Ngài. Không dễ dàng để nhận ra sự nguy hiểm của bản ngã Phật giáo đối với những ai để nó mang lại cho họ cảm giác siêu việt hơn người khác. Chính Sư Phụ không hề có cảm giác siêu việt như vậy. Ngài thường tham gia vào những công việc thường nhật trong tu viện và không bao giờ cho rằng mình ở trên những việc đó. Thế nhưng, ngày nay, nhiều tu sĩ ra lệnh cho sa di hoặc cư sĩ làm những công việc tầm thường như cồng rãnh, cắt rau, v.v., và cho rằng những việc đó thấp kém so với địa vị của họ. Sư Phụ đã vui vẻ tham gia vào tất cả những nhiệm vụ như vậy. Xét cho cùng, đối với một người đã giác ngộ, vạn vật đều đang thuyết pháp, và Sư Phụ không bao giờ thôi lắng nghe. Ngày nay, các tu sĩ mặc y sẽ không cởi nó ra để dọn dẹp một nhà vệ sinh bẩn vì họ không muốn vi phạm giới luật phải luôn đeo y. Đó là minh chứng cho thấy mọi thứ đã trở nên lầm lẫn như thế nào.

Khi y áo - vốn được thiết kế để khuyến khích sự không chấp trước - lại chính trở thành đối tượng của sự chấp trước, thì không thể có tiến bộ nào khả thi. Người

ta sẽ trì trệ. Các bộ kinh thường nhắc nhở nhiều về mối nguy hiểm khi pháp hành trở thành chướng ngại, khi người ta bám chặt vào văn tự của sự tu tập mà đánh mất đi ý nghĩa thực sự. Một tu sĩ không thể tìm thấy thiền định trong khi dọn dẹp nhà vệ sinh, thì chắc chắn cũng sẽ không tìm thấy nó trong Chánh điện.

TRÂN QUÝ CHÍNH MÌNH

Tôi cho rằng tất cả những ai từng học với Sư Phụ đều cảm nhận Ngài dành cho họ một tình cảm đặc biệt. Một số người có lẽ đã nghĩ rằng họ là "đệ tử cưng" hoặc người được sủng ái nhất của Ngài. Thật dễ dàng để cảm thấy mình đặc biệt. Sư Phụ tỏa ra nguồn năng lượng mạnh mẽ đến mức ai ở gần Ngài cũng cảm thấy bản thân được lớn lao hơn. Ngay cả khi nó không trực tiếp hướng về bạn, sự ấm áp từ Ngài vẫn lan tỏa đến tất cả mọi người hiện diện. Dù đó là khía cạnh hòa ái hay uy nghi trong năng lượng của Sư Phụ, tất cả đều xây dựng chúng tôi và khơi dậy khát khao tiến bước mạnh mẽ hơn. Không ai trong chúng tôi trông đợi những lời dạy ngọt ngào và cũng chưa bao giờ nhận được chúng.

Vào một dịp khi buổi giảng kinh diễn ra tại Học viện Dịch thuật Đường Washington, Pháp Sư Hằng Thủ (Fred Klarer) đã nhân cơ hội này để thỉnh pháp theo

cách truyền thống: thấp hương, nhiều ba vòng, lạy, quỳ gối, và thỉnh cầu giáo pháp. Tuy nhiên, khi ấy, sư quen mang theo tọa cụ - một điều tưởng chừng rất nhỏ - nên đã cứ thế lạy mà không có nó. Không ai dường như nghĩ nhiều về sơ suất đó, nhưng khi sư lạy xong (mà không có tọa cụ) và hoàn thành lời thỉnh pháp, mọi người đều nghĩ khác đi.

Sư Phụ nổi trận lôi đình và liên tục quở trách trong mười phút liền. Ngài nhìn thấy nhiều điều trong sơ suất đó hơn là chỉ đơn thuần là sự đãng trí, và dù đó là gì chúng ta cũng chỉ có thể phỏng đoán, nhưng Sư Phụ xem đó là một vấn đề lớn và cơn thịnh nộ khiến mọi người choáng váng. Làm sao một người có thể tự nhiên nhìn ra sơ suất mang theo tọa cụ từ nhiều góc độ đến mức có thể tiếp tục quở trách suốt mười phút mà không lặp lại?

Sư Phụ thường giận dữ chế nhạo các đệ tử vì những chuyện nhỏ nhặt, nhưng trong Trí Tuệ của Ngài, những điều mà chúng ta tưởng là nhỏ nhặt có thể che giấu những vấn đề lớn. Hơn nữa, chúng ta phải ghi nhớ rằng sự đơn giản của đời sống xuất gia không dễ dàng cho những sự việc gây sốc. Ở đó không có vũ khí, châu báu, tiền mặt, vũ nữ, rượu chè, và tất cả những nguồn tiêu cực phổ biến trong thế tục. Nhưng sự vắng mặt của chúng không có nghĩa là tội lỗi không thể biểu hiện dưới lớp áo tu sĩ. Nó vẫn xảy ra. Trong một tu viện,

việc di chuyển một hòn đá từ nơi này sang nơi khác có thể được xem là “trộm cắp”. Ai mà biết được điều gì đang ẩn náu đằng sau sơ suất không mang theo tọa cụ!

Thiền Tông chính là việc sử dụng những hoàn cảnh thế tục làm phương tiện để đánh thức đệ tử. Đây là một trong những lý do khiến cho Thiền Tông, hơn bất kỳ tông phái nào khác, đòi hỏi sự hiện diện của một minh sư. Ở gần Sư Phụ giống như có "hai" tự thức, một là cái "tôi" thông thường, và cái còn lại chính là Sư Phụ.

Trọng tâm của Thiền Tông trong việc xem mọi hoạt động như là pháp hành là một đặc điểm được nhấn mạnh trong Thiền Tông hơn các tông phái khác. Bạn càng thực chứng một cách thân thiết điều đó bao nhiêu, Sư Phụ càng làm việc với bạn gần gũi hơn bấy nhiêu. Chấp trước vào hình tướng của một pháp hành là một khuynh hướng khó phá vỡ, như định kiến cho rằng hoạt động pháp sự chỉ giới hạn trong Thiền đường, v.v. Nhưng những ai phá vỡ được nó và có thể hiến dâng thân, khẩu, ý của mình vào việc ngân hàng, dịch thuật, dọn dẹp, bảo trì tự viện, v.v., sẽ nhận được sự chú ý của Sư Phụ. Sư Phụ khiến tất cả chúng tôi trân quý thời gian và không lãng phí một phút giây nào. Nếu bạn quý trọng chính mình, bạn sẽ trân quý thời gian của mình. Nếu bạn ở đó để chịu đựng những khó khăn của cuộc sống trong tu viện, thì không có lý do gì để không trân trọng bản thân, dù cho nỗ lực của bạn có khiếm tốn đến

đâu hay bạn mắc phải bao nhiêu sai lầm. Nếu bạn đang cố gắng trở thành một người tốt hơn, đó là một nỗ lực cho thấy bạn tôn trọng chính mình, và khi bạn tôn trọng chính mình, Sư Phụ sẽ tôn trọng bạn gấp mười lần.

Sư Phụ không hướng dẫn những người không tự nỗ lực tu tập chính mình. Nếu một người đang nỗ lực tu tập dù chưa thành công, và một người khác không nỗ lực tu tập cũng không thành công, Sư Phụ sẽ giúp người thứ nhất đạt được thành tựu và hoàn toàn không để ý đến người thứ hai. Những ai thấu hiểu điều này đều nhận ra rằng cơ hội tiến bộ tâm linh phụ thuộc vào nỗ lực của chính họ, và nỗ lực ấy có thể nhận được sự thúc đẩy mạnh mẽ từ Sư Phụ. Đó là lý do vì sao sự tu tập của một số đệ tử Sư Phụ có thể sánh ngang với các bậc Thánh xưa.

TỌA THIỀN

Ngoài các thời thiền tại Kim Sơn, còn có hai thời tọa thiền chính thức kéo dài một giờ vào buổi sáng và một thời vào buổi tối. Điều đó cho thấy rằng Thiền không chỉ đơn thuần là ngồi trong thiền định. Với rất ít ngoại lệ, điều duy nhất bạn học được từ "tọa thiền" là: Thiền không phải là thiền tọa, mà cũng chẳng phải không phải là thiền tọa.

Trừ khi bạn có công phu phi thường, bạn không cần một tư thế ngồi gò ép để tu tập Thiền, và đó là lý do tại sao những đệ tử thân cận nhất của Sư Phụ chỉ dành một phần thời gian tương đối nhỏ trong ngày để tọa thiền. Tuy nhiên, rất khó để thoát khỏi quan niệm rằng việc ngồi kiết già trong Chánh điện thì hiệu quả hơn so với làm việc ở nơi khác. Đó là lý do khi đến giờ tọa thiền tại Kim Sơn, mọi người đều hăng hái chạy vào Chánh điện.

Một trong những thông điệp cốt lõi của Sư Phụ là mang nhiệt huyết của Thiền đường vào từng khoảnh khắc trong ngày. Chỉ một người thấy được Thiền trong vạn sự mới có thể giúp đệ tử đạt đến cảnh giới đó. "Bình đẳng hóa vạn pháp" là giáo lý cốt tủy của Thiền, nhưng bạn phải biến nó thành hiện thực. Một minh sư có thể giúp chúng ta xóa nhòa ranh giới giữa thiền định và hoạt động thường nhật, nhưng Ngài không thể giải thoát chúng ta khỏi những hình thức tu tập mà chúng ta chấp trước — dù Ngài có thể, và sẽ, đưa ra vô số gợi ý. Tôi từng là một kẻ kém lắng nghe trong phương diện này.

Một ví dụ thực tế biến lý thuyết thành hiện thực. "Trông thấy mới tin" — đó là lý do tại sao tất cả kinh điển đều nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ thầy-trò. Nếu chúng ta đang leo núi và có một người đứng trên đỉnh núi chỉ dẫn cho hàng trăm người rải rác bên dưới, Ngài có thể bảo mỗi người: "đi lối này" hoặc "đi lối kia" tùy theo nhu cầu cá nhân của họ. Vì chúng ta thấy được Ngài trên đỉnh núi, chúng ta không chần chừ mà tin tưởng theo. Ở bên Sư Phụ cũng giống như vậy.

Dù tất cả mọi người dưới sự hướng dẫn của Sư Phụ đều tu tập "Thiền", nhưng ý nghĩa của "Thiền" đối với mỗi người lại khác nhau. Ví dụ, đối với Pháp Sư Hằng Quán, Thiền là cây xuyên qua các tài liệu và sổ sách kế toán; đối với Hằng Cụ, Thiền là những khó khăn khắc nghiệt trên cuộc hành hương lễ bái; những

người khác thì nhin ăn, giảng dạy, dọn dẹp, làm nông, v.v. Bất cứ điều gì bạn làm đều là Thiền như nhau, bởi vì bạn không thể làm bất cứ điều gì dưới sự hướng dẫn của Sư Phụ mà không phải là Thiền. Nếu bạn thấu hiểu Thiền, bạn có thể tập trung ngay lập tức khi vừa trở về từ một ngày làm việc trong tu viện và bước lên tọa cụ, hoặc thậm chí nhập định; nhưng nếu bạn tách biệt những công việc thường nhật và thiền định, bạn sẽ không thể nhận ra tiềm năng của mình trong cả hai.

Những người bám chặt vào thiền tọa thường hiểu lầm sự tĩnh lặng gương ép là chân thật. Nếu bạn là người như vậy, dấu hiệu là không thể tìm thấy sự tĩnh lặng ở bất cứ đâu. Không có ví dụ nào minh họa cho "tĩnh lặng trong hành động" rõ hơn chính Sư Phụ, Ngài tham gia vào mọi hoạt động của tu viện, nhưng bên trong vẫn bất động như núi. Khi bạn ở gần điều đó, bạn muốn được như thế, và ở một mức độ nào đó, nó ảnh hưởng lan tỏa đến bạn.

Việc tiếp xúc hàng ngày với một minh sư như chúng tôi từng may mắn có được tại Kim Sơn là điều không bắt buộc, nhưng chúng ta phải nhận được sự chỉ dạy và quy y từ một minh sư và định kỳ thăm hỏi Ngài. Nếu có người hỏi bạn: "Thầy của bạn là ai?", bạn phải có thể trả lời rõ ràng: "Thầy của tôi là... [pháp danh/vị Thầy cụ thể]". Nếu bạn không thể trả lời, nghĩa là bạn chưa có một vị Thầy.

Việc học với nhiều vị Thầy trước khi cảm nhận được "sự kết nối" với một vị và nhận ra: "Đúng rồi, đây chính là Thầy của tôi" là chuyện không hiếm. Có thể mất vài năm dò dẫm hết nơi này đến nơi khác, nhưng cuối cùng, sự nhận ra vị Thầy chân chính của đời mình cũng sẽ đến. "Vị Thầy của bạn" không liên quan đến chiều sâu chứng ngộ của Ngài, mà là nhân duyên giữa bạn và vị Thầy ấy. Quả thực, các bậc đại sư thường chờ đợi đệ tử tự mình tìm thấy mình, vì họ đã biết trước nhiều năm rằng người đệ tử ấy đang trên đường đến. Phải cần một sự kiên nhẫn vĩ đại biết bao!

Tất nhiên, bạn sẽ phải thỉnh cầu vị Thầy nhận bạn làm đệ tử. Phần lớn Ngài sẽ chấp nhận, nhưng cũng có thể Ngài sẽ gửi bạn đến một vị Thầy khác, thường kèm theo thư giới thiệu. Dù trong trường hợp nào, cuộc tìm kiếm của bạn đã kết thúc, và sự tu tập chân chính bắt đầu. Dù cho công phu phía trước sẽ khó khăn hơn, nhưng việc biết rằng mình giờ đây là trách nhiệm của một minh sư là một niềm an ủi lớn - dù là một niềm an ủi đi kèm với trách nhiệm nặng nề hơn, bởi giờ đây bạn không chỉ chịu trách nhiệm với chính mình, mà còn với vị Thầy của mình. Ngài sẽ gánh vác gánh nặng từ những thất bại của bạn và được lợi lạc từ sự tiến bộ của bạn. Vì vậy, hãy tiến bước. Bạn phải làm phần việc của mình, tuân theo lời chỉ dạy, và tin tưởng vào vị Thầy.

Thường do hoàn cảnh thực tế, bạn có thể không thể học tập trong cùng một tu viện với vị Thầy của mình, hay thậm chí cùng thành phố, cùng quốc gia. Điều này không hiếm gặp và không phải là chương ngại. Ngay cả khi bạn sống trong cùng một tu viện, bạn cũng hiếm khi thỉnh cầu sự hướng dẫn cá nhân nhiều hơn một hoặc hai lần một năm. Điều quan trọng duy nhất là được ở trong dòng tâm thức của vị Thầy. Nếu được như vậy, bạn sẽ luôn cảm thấy sự hiện diện của Ngài dù bạn ở bất cứ nơi đâu và được dẫn dắt mỗi khi cần thiết.

ĐẠO LÀM ĐỆ TỬ

Những bậc đại đạo sư như Sư Phụ có rất nhiều đệ tử. Làm một người đệ tử là một trách nhiệm, không chỉ với bản thân mình, mà còn với cả Sư Phụ. Một đệ tử chân chính tích lũy công đức cho thầy của mình, trong khi những người khác thì không. Khi thực hành mọi hành động như một sự cúng dường, điều đó nuôi dưỡng trong ta tinh thần trách nhiệm để thể hiện giáo pháp và làm hài lòng vị Thầy của mình.

Tôi từng thưa với một bậc đại sư - người đã hướng dẫn tôi vượt qua một chướng ngại - rằng tôi không chỉ tuân theo lời chỉ dạy của Ngài, mà còn thực hiện nó một cách trang trọng, thực hiện cúng dường trước mỗi thời công phu và hồi hướng công đức sau đó. Vị Thầy đã trả lời: "Khi một đệ tử tuân theo lời chỉ dạy như vậy, không chỉ bản thân người ấy được lợi lạc, mà

ta cũng được lợi lạc.¹

Vị Thầy này không phải là "Bôn Su" của tôi - một vị trí được dành riêng cho vị Thầy truyền giới của tôi, Su Phu - nhưng Ngài là một bậc đạo sư vĩ đại, một yogi nổi tiếng vùng Spiti, Bắc Ấn Độ, Orgyen Dhargye, người đã lợi lạc tôi rất nhiều. Việc là đệ tử của Su Phu như tôi không ngăn cản việc nhận chỉ dạy từ những nơi khác. Các tu sĩ và cư sĩ thường có một vị Bôn Su, nhưng cũng thường nhận chỉ dạy từ nhiều vị Thầy. Mỗi quan hệ thầy trò là nhằm thúc đẩy sự phát triển của người đệ tử, và bất cứ yếu tố nào hỗ trợ cho sự phát triển ấy đều đem lại lợi lạc cho cả thầy lẫn trò. Người nào nghĩ rằng một người chỉ có thể có một vị Thầy, và nếu không thì là bất trung, nên tự hỏi bản thân rằng liệu họ có phải là người đệ tử duy nhất của Su Phu hay không. Nếu một vị Thầy có thể có nhiều đệ tử, thì không có lý do gì một đệ tử không thể có nhiều vị Thầy bên cạnh vị Bôn Su của mình.

Khi chúng ta sống trong một tu viện hoặc gắn bó với một tu viện, chúng ta đều thọ hưởng lợi ích. Liệu chúng ta có đền đáp lại nhiều như những gì chúng ta đã nhận được hay không? Mỗi người phải tự hỏi mình câu

¹ Tôi cũng dâng lên Đức Orgyen Dhargye sổ ghi chép hàng ngày về số thần chú và lễ lạy mà tôi đã thực hiện theo đúng lời chỉ dạy của Ngài. Lời chỉ dạy của Ngài kéo dài mười tám tháng, mỗi ngày một tiếng rưỡi. Chính khi Ngài xem qua cuốn nhật ký đó, Ngài đã đưa ra nhận xét mà tôi đã đề cập ở trên.

hỏi này. Phụng sự một minh sư thì công đức lớn hơn bất kỳ loại phụng sự nào khác, và chỉ bận rộn với việc tu tập của riêng mình là chưa đủ; chúng ta còn phải tận dụng tốt thể mạnh của mình để đền đáp lại vị Thầy và cộng đồng đệ tử của Ngài. Việc phụng sự mang vô số hình thức khác nhau và mỗi đệ tử phải, tùy theo khả năng của mình, tìm ra phương cách để dành một phần thời gian cho sự an lạc và lợi ích của đạo tràng.

Bên cạnh việc phụng sự bên ngoài so với sự tu tập của bản thân, sự tu tập nội tâm của chúng ta còn quan trọng hơn nữa, bởi vì, dĩ nhiên, không gì có thể sánh bằng hoặc mang lại lợi lạc cho Sư Phụ hơn là sự chứng ngộ nội tâm của chính chúng ta. Không gì có thể làm hài lòng Sư Phụ hơn việc nghiên cứu và thiền định của chúng ta đột phá. Phụng sự bên ngoài và phụng sự bên trong liên kết với nhau và hỗ trợ lẫn nhau. Một số đệ tử có thể thấy mình thiên về các sự cúng dường bên ngoài, trong khi những người khác thiên về các sự cúng dường nội tâm, hoặc ngược lại; điều đó không quan trọng miễn là sự cúng dường của chúng ta phản ánh những nỗ lực tốt nhất có thể của mình.

Sư Phụ luôn nói: “Try your best.” Ba từ này tưởng chừng đơn giản, nhưng thật ra ẩn chứa những chỉ dạy vô cùng sâu sắc. Nếu bạn “cố gắng hết mình”, bạn luôn có một lưới an toàn khi thất bại, bởi nếu thất bại, bạn luôn có thể nói với chính mình: “Tôi đã cố hết mình

rồi.” Nhưng bạn sẽ nói gì với chính mình khi bạn không cố gắng hết sức và rồi thất bại? Sư Phụ luôn ở đó để nâng đỡ người đệ tử thất bại khi đã cố gắng hết sức, nhưng sẽ không có bàn tay hỗ trợ nào đưa ra trong trường hợp ngược lại.

Cách duy nhất để kết nối với năng lượng của Sư Phụ là cố hết mình. Đối với những ai làm được điều này, mọi thứ dường như đều có thể thực hiện được. Không chỉ có vậy, mọi thứ còn trở nên thú vị hơn. Ngay cả những công việc tầm thường nhất cũng có thể trở nên "thú vị" một cách khó giải thích. Cứ như thể có điều gì đó đang diễn ra bên dưới bề mặt của mọi việc chúng ta làm, sâu sắc hơn chính bản thân sự việc. Khi điều này xảy ra, bạn biết rằng mình đã kết nối rồi.

"Khôn khéo" không có tác dụng trong đạo Phật. Sư Phụ thường cảnh báo về việc quá khôn khéo. Những người khôn khéo tìm cách lách luật để tránh các vấn đề của họ thay vì đối mặt trực tiếp. Họ cũng tìm kiếm những pháp môn hoặc nhiệm vụ dễ dàng nhất. Một người "chậm hiểu" nhưng chân thành, cứ lầm lũi tiến bước, lại thu hút sự hướng dẫn của Sư Phụ nhiều hơn một người "khôn khéo" luôn tìm đường dễ. Có một câu nói trong nhà Thiền: "Hãy coi chừng quá khôn ngoan." Tôi chưa từng gặp phải vấn đề này. May mắn thay, tôi có một trái tim chân thành.

Những đệ tử mới thường cần một thời gian để hòa nhập vào đời sống tu viện. Mọi thứ dường như không liên quan đến sở thích của họ. Tôi từng biết một nhà làm phim tài năng thắc mắc tại sao mình lại phải dọn chuồng bò thay vì làm phim cho tu viện. Lúc đó, tu viện rất cần một người làm phim, nhưng Amma (vị Thầy của anh), lại đặt đệ tử mới vào nơi bà cho là tốt nhất cho anh. (Mãi mười năm sau, anh mới đảm nhận một vị trí cao trong tu viện, và với tư cách là một vị thầy, chứ không phải một nhà làm phim.)²

Chúng ta có thể được giao những nhiệm vụ dường như không phản ánh khả năng hoặc sở thích của mình. Đệ tử thường nghĩ rằng các nhiệm vụ không phù hợp với khả năng của họ, nhưng chính sự "vụng về" lại có tác dụng trong tu viện. Một người quá tự tin thường hiếm khi làm điều gì tốt nhất cho chính mình, trong khi một người vụng về chắc chắn sẽ khám phá vùng đất mới thay vì đi lại trên lối mòn, và việc dần bước vào vùng đất mới chính là Thiên.

Bất kỳ thế mạnh nào chúng ta có được trong đời đều không bị giới hạn trong lĩnh vực mà chúng ta đã đạt được chúng. Việc chuyển dịch các khả năng của mình sang những lĩnh vực xa lạ sẽ phát triển sự linh hoạt và nhuần nhuyễn của tâm trí - những yếu tố cốt lõi cho

² Vị Thầy đó chính là Amma Amritapuri, vị "thánh nhân của những cái ôm".

thực hành thiền định. Thiền chính là nhìn mọi thứ bằng con mắt mới và không tìm sự an ổn trong những phương cách "đã được thử và chứng minh" cho đến khi chúng trở thành một khuôn mẫu khiến ta mắc kẹt. Thiền là không sợ hãi và dũng mãnh, chứ không phải an nghỉ trong vùng thoải mái. Về bề ngoài, chúng ta có thể là một đầu bếp, một người quét dọn, một dịch giả, một chủ lễ, một trụ trì, v.v. Bất cứ điều gì chúng ta làm cũng có thể trở thành một bản ngã khiến ta mắc kẹt, hoặc một cánh cửa giải thoát. Mọi thứ đều có nhiều tầng ý nghĩa ẩn dưới vẻ ngoài, và chúng ta không nên sợ hãi việc khám phá chúng. Chỉ cần hỏi Hàn Sơn, Thập Đắc, hoặc Lục Tổ Huệ Năng thì sẽ rõ.

ĐỜI SỐNG GIẢN DỊ

Sự khéo léo trong xoay xở là một lời dạy then chốt của Sư Phụ. Tại Kim Sơn, chúng tôi thu thập giấy đánh máy từ các công ty phá sản hoặc các công ty vứt bỏ hàng tồn kho cũ để nhường chỗ cho các mẫu mã mới. Mọi người đều ghi chép và đánh máy trên đủ loại giấy, từ giấy của "Thức ăn cho mèo Tabby", các công ty xây dựng, văn phòng luật sư, v.v. Nếu cần mua bất cứ thứ gì để in sách, Sư Phụ đều bảo mọi người gọi điện khắp cả nước cho các công ty giấy và nhà in để có được giá tốt nhất.

Mọi thứ được mua cho việc xây dựng tại Kim Sơn đều được tìm nguồn cẩn thận và không một xu nào bị lãng phí. Các tu sĩ không bao giờ mặc vải vóc cao cấp và thường vá lại những bộ y áo mà họ có. Hằng Thuận từng kể rằng Sư Phụ dạy ông đừng bao giờ tìm kiếm thứ tốt nhất, mà hãy học cách sử dụng tốt những vật dụng tầm trung. Điều này áp dụng cho mọi thứ: thức

ăn, quần áo, in ấn, xe cộ, và dĩ nhiên, cả những nhu yếu phẩm cá nhân. Tiền bạc được sử dụng thận trọng. Vì đó là cúng dường từ các đệ tử tại gia, nên nó cần được gìn giữ cẩn thận.

Lối sống khắc khổ trong các tự viện của Sư Phụ đòi hỏi sự tận tụy. Đôi khi điều đó không ổn lắm, như khi các đệ tử của Ngài Karmapa đã trả lại chiếc xe cũ kỹ mà chúng tôi cử đi để đón Ngài; (họ tự kiếm được một chiếc xe khác), nhưng đó là cách của Sư Phụ.

Triết lý tối giản, tạo ra ảnh hưởng môi trường nhỏ nhất, là triết lý của Sư Phụ. Nếu có thể tìm thấy gỗ đã qua sử dụng, tại sao không dùng nó để làm băng quỳ lạy? Nếu có thể tìm được tấm vinyl loại hai, tại sao không dùng nó để bọc chúng? Nếu có thể tìm thấy thực phẩm cũ trong ngày ở chợ rau, tại sao phải mua đồ tươi? Tại sao phải mua đinh mới khi có thể nhỏ những cây đinh cũ từ các tấm ván? Công việc dịch thuật là quan trọng, nhưng liệu bạn có cần một máy đánh chữ mới, hay giấy mới?

Việc tránh xa những ham muốn là một yếu tố cốt lõi của Thiên. Những thứ "phải có" đó thường không biểu hiện của sự giản dị - làm sao chúng có thể giản dị được khi các nhà sản xuất nhăm vào điểm yếu của chúng ta về đồ vật, tiện ích, thức ăn, quần áo, đồ điện tử, v.v.? Sư Phụ dạy chúng ta phải biết sử dụng tốt những gì mình đang có.

Đối với các đệ tử chỉ ăn ngày một bữa, ngủ ngời, không có thời gian rảnh rỗi hay của cải, thật dễ dàng nhận ra sự vô lý trong việc khao khát những thứ đắt tiền như xe hơi, chỗ ở, và các vật dụng linh tinh khác. Các tu sĩ và cư sĩ phải phấn đấu cho một lối sống hài hòa với sự giản dị trong mọi vấn đề - một chủ đề xa lạ với văn hóa tu viện phương Tây, nhưng rất quen thuộc trong văn hóa tu viện phương Đông.

Sư Phụ không chỉ nhấn mạnh đến giáo dục tu viện, mà còn cả giáo dục thế tục. Ở đây, chúng ta thấy sự tằn tiện của Sư Phụ được thể hiện qua cách các trường học được thành lập với trọng tâm là chất lượng giáo dục. Những giáo viên có năng lực sẽ không cần những phòng học sang trọng. Sư Phụ cho xây dựng tất cả các trường học từ mẫu giáo đến lớp 12 trong những tòa nhà đã có sẵn trong khuôn viên, không nâng cấp hoặc cải tạo tốn kém. Tuy nhiên, những ngôi trường này vẫn được công nhận đầy đủ và cho đến ngày nay vẫn hoạt động trong các tòa nhà nguyên bản, chưa hề được tu sửa.

Vô Ngôn Đường (Wordless Hall) - nơi ở riêng của Sư Phụ - chưa bao giờ được tu sửa trước khi Ngài chuyên vào. Không nghi ngờ gì, các đệ tử đã muốn làm điều đó và cũng không nghi ngờ gì, Ngài đã cấm điều đó. Điều tương tự cũng xảy ra với văn phòng phía trước, thư viện, trung tâm dưỡng lão, khu vực của ni

chúng và tăng chúng, và ngay cả Chánh điện - nơi vẫn là một sân bóng rổ chứa đầy các tượng Phật, biểu ngữ, đèn, cuốn thư, lư hương, v.v. Xét cho cùng, đạo Phật tự nói lên chính mình và không phụ thuộc vào những điện đường sang trọng. Chính Đức Phật đã giảng dạy trên những cánh đồng bụi bặm của Bihar, vậy tại sao chúng ta lại đòi hỏi những hội trường lộng lẫy? Trong suốt thời gian Sư Phụ còn tại thế, mọi người đều noi gương Ngài, và hầu hết vẫn tiếp tục làm như vậy.

Tính tối giản của Thiền được thể hiện trong nghi lễ và pháp thiền định của nó. Không có các phép quán tưởng phức tạp được sử dụng trong thiền định của Thiền, và nghi lễ của nó chỉ là những sự tán thán, cúng dường và hồi hướng đơn giản. Hình thức thiền định chủ yếu của nó là tự vấn, và các biến thể của nó có thể được tóm gọn trong ba từ: "Ta là ai?" Sự giản dị còn được thể hiện thông qua sự từ bỏ trong ăn uống, nấu nướng, quần áo, nhà ở, ít lời nói, vật sở hữu, làm vườn, oai nghi, thiết kế, tập thể dục, nghi lễ, nghi thức trang trọng, v.v. Nếu vạn pháp đều không, vậy chúng ta còn cần thứ gì mà mình không có? Thiền dạy rằng tâm chúng ta không cần thêm điều gì mới để thiền định, mà chúng ta cần sắp xếp lại những gì đã có sẵn, và những vật chất trong đời sống chỉ cần được sử dụng phù hợp với mục đích của mình. Chúng ta càng ít đưa thêm yếu tố mới vào để đạt được mục tiêu thì càng tốt. Những bài học đang chờ chúng ta tiếp thu sẽ không trở nên dễ

dàng hơn bằng cách đưa thêm những yếu tố mới vào. Nếu bạn dùng một sân bóng rổ để chơi bóng rổ, nó là một sân bóng rổ; nếu bạn dùng nó làm một ngôi tự viện, thì nó chính là một ngôi tự viện.

Dĩ nhiên, nếu bạn đang tự vấn "Ta là ai?", thì càng ít thứ gắn liền với cái "tôi" đó lại càng tốt. Vậy có gì là khi các tu sĩ ăn uống đơn giản, từ bỏ giải trí, ngủ ít, có ít vật sở hữu và tránh xa ham muốn? Cuộc sống của một người càng ít xáo trộn, thì tâm trí càng dễ dàng quay vào trong. Sư Phụ thường nói: "Đời sống của một người nên như thể không có gì xảy ra." Càng ít thứ phải chú ý, thì tâm trí càng dễ tập trung. Thói quen hướng ngoại của tâm thức sẽ dần bị phá vỡ theo thời gian thông qua sự từ bỏ. Đây chính là sự hỗ trợ mạnh mẽ nhất cho thiền định. Điều này cần được quán chiếu sâu sắc để thấy được nhiều biểu hiện của nó và vận dụng chúng.

Trong tất cả các chấp trước, chấp trước vào tà kiến là khó từ bỏ nhất. Đối với một tu sĩ hoặc cư sĩ, người thông qua công phu khổ luyện đã từ bỏ sự chấp trước vào gia đình, giải trí, những thứ xa xỉ, v.v., và đang sống một cuộc đời gương mẫu, thì tà kiến lại vi tế và vẫn còn tồn tại cho đến khi ngay cả sự không chấp trước vào chính sự từ bỏ cũng được hoàn toàn giải tỏa. Những quan điểm này quá dai dẳng và vi tế đến mức không thể tiêu trừ nếu không có sự hướng dẫn của một vị Thầy. Thường thì chúng quá vi tế đến mức chúng ta

thậm chí không biết mình đang có chúng. Sư Phụ đã không ngừng kéo chúng lên bề mặt và giúp các đệ tử của mình vượt qua chúng. Trong tất cả những lý do để học dưới một minh sư, việc nhận ra và vượt qua sự chấp trước vào các pháp sẽ cứu một người khỏi vấp phải hòn đá đặt chân mà nhiều hành giả dày dạn kinh nghiệm đã vấp phải. Trong các tà kiến, tà kiến chính yếu đối với những người mới tu là cho phép bản thân chấp trước vào sự thanh tịnh.

Bên cạnh những tà kiến vừa đề cập, những quan niệm về một bản thể vĩnh hằng bất biến, một đấng sáng tạo, một cá thể thần thánh, hoặc những quan điểm hư vô, duy vật, và các quan niệm phổ biến khác - một số trong đó ngay cả những hành giả thâm niên vẫn có thể mắc phải - không nên bị gạt bỏ chỉ vì di sản "Phật giáo" của chúng ta. Ẩn sâu bên dưới sự hiểu biết bằng trí thức của chúng ta, những quan điểm như vậy vẫn tiềm ẩn và chỉ có thể được nhổ bật gốc rễ thông qua thiền quán và những chỉ dạy xuất sắc. Tà kiến cũng có thể bao gồm những lý do khiến chúng ta bị phiền não theo nghĩa thế tục hơn, chẳng hạn như mặc cảm tự ti, tính nhút nhát, lệt lệt tình dục, sự hận thù, các mặc cảm bất an đa dạng, và vô số phức cảm mà con người có nhưng không biết cách giải quyết. Chúng sẽ tiếp tục tồn tại trừ khi chúng ta nhắm vào chúng và quyết tâm không bao giờ để bị chúng khống chế. Một vị Thầy có khả năng thấu suốt những nguyên nhân tiềm ẩn đằng sau các phiền

não và giúp chúng ta nhìn chúng bằng một cái nhìn giác ngộ hơn, từ đó hóa giải chúng, hoặc chuyển hóa năng lượng của chúng và sử dụng nó để làm nhiên liệu cho thiền định (Mật giáo).

Việc che đậy những tà kiến bằng giải trí, mua sắm đồ mới, thể thao và những thú tiêu khiển khác chỉ mang lại sự giải tỏa tạm thời. Chúng ta không thể lướt kênh mãi mãi. Nếu muốn bắt sóng (với chân lý), chúng ta phải chuyển hướng tâm trí khỏi những chương trình dễ dàng có sẵn ấy và tự hỏi bản thân rằng chúng ta thực sự muốn nhìn thấy chính mình như thế nào.

Khi chúng ta tạo ra một "màn hình trống" của chính mình, con đường (đạo) sẽ hiện ra trên đó. Trở nên dễ tiếp nhận (với chân lý) là kết quả của sự không tạo tác và "để cho" con đường xuất hiện trước mặt chúng ta - một lối đi được các bậc Thánh nhân tán dương. Chúng ta biết điều gì là đúng nhưng lại tự làm quen với những điều sai trái. Đó là một bộ phim dở tệ mà chúng ta không muốn đóng vai chính trong đó.

XÂY DỰNG NỀN TẢNG

Thiền định cần một nền tảng. Nền tảng hiển nhiên nhất chính là những giới luật cơ bản: không nói dối, không sát sinh, không trộm cắp, không sử dụng chất say và không tà dâm. Ngoài ra còn có những giới luật bổ sung dành riêng cho các tu sĩ nam và nữ. Tuy nhiên, kỷ luật đạo đức và luân lý thôi là chưa đủ để phát triển kỹ năng thiền định. Người ta cần sự hiện diện vững chắc của một vị Thầy. Tốt nhất là sự hiện diện thể chất này được thực hiện trong môi trường tu viện, nhưng những lễ quán đảnh từ một vị Thầy có thể giúp việc thực hành thiền định trở nên khả dĩ ở bất cứ nơi đâu.

Sư Phụ tựa như một tảng đá mà ảnh hưởng của Ngài tỏa ra chậm rãi qua nhiều thập kỷ. Người đã kiên định trong một khoảng thời gian dài. Người giống như một nhà hàng tốt với những món ăn đáng tin cậy, nhưng thứ Người phục vụ là thực phẩm cho tâm trí. Sư

Phụ không hề thay đổi khi mọi thứ xung quanh Ngài biến chuyển - từ một nhóm nhỏ chỉ khoảng mười mấy đệ tử trong một tòa nhà gạch tồi tàn ở khu "các dự án" của San Francisco, thành một mạng lưới tự viện toàn cầu với hàng ngàn đệ tử. Sư Phụ có dáng vẻ và hành xử như thể Ngài vừa bước ra từ thời nhà Đường. Điều đó không bao giờ thay đổi trong suốt cuộc đời Ngài.

Sự kiên định và bình đẳng của Sư Phụ là một tấm gương để mọi người soi chiếu. Người không bao giờ bị dẫn dắt bởi cảm xúc, mà luôn đưa ra những lời hướng dẫn nguyên tắc dựa trên trí tuệ và sự thấu suốt của mình. Những lời khuyên ấy luôn trực diện, không màng đến việc người nghe sẽ tiếp nhận chúng thế nào. Nhiều người tìm đến xin lời khuyên của Sư Phụ, nhưng khi đứng trước Ngài, họ lại không thể thốt lên điều đang chất chứa trong lòng. Sự thanh tịnh của Sư Phụ đã tạo ra một sức ảnh hưởng như vậy.

Sư Phụ chưa bao giờ biểu lộ ham muốn về vật chất, hay sự công nhận cho những việc Ngài làm. Ngài luôn an nhiên trong sự ẩn mình. Pháp thân của Ngài chính là những thời khóa hàng ngày: nghi lễ, giảng kinh, thiền định và các bữa ăn - tất cả đều được duy trì đúng giờ, xuyên suốt ngày đêm trong suốt cuộc đời Ngài. Đó là lý do tại sao sự hiện diện của Ngài vẫn được cảm nhận một cách mãnh liệt đến thế. Ngoài sự nghiệp hoằng pháp của Đức Phật, trong thời kỳ mạt

pháp này, còn có ai kiên định duy trì một nỗ lực hoảng dương chánh pháp bền bỉ đến vậy?

Sư Phụ luôn mặc cùng một bộ y phục, chẳng bao giờ có thứ gì "mới", không tìm kiếm bất cứ thứ gì cho riêng mình, kiên định từ chối những vật phẩm cúng dường cho sự tiện nghi của bản thân. Ngài nói năng giản dị, điềm đạm và tự nhiên, đối xử bình đẳng với tất cả mọi người, và dường như hành động một cách viên mãn trong vô ý, cùng cất lời tự nhiên không dụng công, nhưng lại mang đến lợi ích thâm sâu cho những người may mắn được ở bên Ngài. Ngài thường giống như một con rối trong tay Đức Phật, di chuyển khắp nơi và tác động đến các đệ tử của mình theo đúng nhu cầu của họ. Qua nhiều lần tiếp xúc với Sư Phụ, tôi hoàn toàn tin rằng Ngài không hề biết ảnh hưởng sâu sắc mà một lời nói hay cử chỉ của Ngài đã tác động lên tôi, và điều này là phổ biến ở các bậc giác ngộ. Cứ như thể các Ngài là công cụ của "ý thức thuần khiết" - nếu có thể tạm dùng thuật ngữ đó.

Từ một con người dường như bất biến và kiên định ấy, Sư Phụ có thể tạo ra sự hỗn loạn hoàn toàn để hướng dẫn đệ tử và phá vỡ sự tự mãn. Chỉ một bậc minh sư mới có thể gây rối như vậy, lấy sự tĩnh lặng làm nền tảng, và biết cách vận hành nó, hoặc lùi lại để cho nó tự thông qua chính mình.

Đạo tràng là nơi hiếm có, bởi chỉ các bậc minh sư mới có thể thiết lập nên. Một đạo tràng là một môi trường được kiến tạo để chuyển hóa, nơi bề ngoài dường như "chẳng có gì xảy ra". Nhưng ẩn sâu bên dưới, tất cả những ai là một phần của môi trường ấy đều đang trải qua rất nhiều khi mỗi người tự khám phá ra một phương cách để chuyển hóa nghiệp lực của chính mình. Những hành giả thâm niên là những người trưởng kỳ, những người nhận ra rằng sự tiến bộ là dần dần, tựa như sự phát triển của cây cối. Tuy nhiên, luôn có một cường độ mãnh liệt tiềm ẩn, bởi những thay đổi vi tế trong và ngoài có thể khơi mở sự giác ngộ bất cứ lúc nào. Đó là lý do tại sao các tu sĩ luôn trầm tĩnh nhưng đồng thời cũng tỉnh giác trọn vẹn trong từng khoảnh khắc. Việc đánh mất một cơ hội giác ngộ vì bạn không sẵn sàng - về thể chất, cảm xúc hay tinh thần - là điều có thể xảy ra và không hề dễ chịu. Ngay cả đối với những hành giả điều luyện, việc duy trì chánh niệm trong từng khoảnh khắc cũng vô cùng khó khăn. Vì thế, không hiếm khi một cử chỉ hay lời nói từ Sư Phụ không thể khơi dậy sự nhận thức mà Ngài mong muốn.

Có rất nhiều tự viện nhưng lại rất ít bậc minh sư. Thật may mắn cho những ai đã mang theo ân điển, tri thức và trí tuệ của Sư Phụ trở về tự viện của mình để truyền bá những lời dạy, phương pháp, thời khóa tu, v.v. Những kẻ quá kiêu ngạo để làm điều đó không chỉ làm hại chính mình, mà còn làm hại tất cả những người

đi theo họ. Những cư sĩ nỗ lực sống theo những lý tưởng mà Sư Phụ truyền trao đã đón nhận lợi lạc lớn lao. Có nhiều tấm gương cư sĩ sánh ngang hoặc vượt trội các tu sĩ trong sự chứng ngộ. Sự thanh tịnh trong việc tu tập của họ đảm bảo rằng môi trường gia đình thế tục không phải là một chướng ngại. Giác ngộ là một cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người, không phân biệt xuất gia hay tại gia.

Dù trong môi trường tại gia hay môi trường xuất gia, sự ổn định là nền tảng cần thiết để sự hỗn loạn phát huy tác dụng. Hiển nhiên, việc tạo ra hỗn loạn trong hỗn loạn không thể thành công trên thế gian này. Chúng ta cần một nền tảng, và nền tảng ấy phải bất động như núi. Con thuyền của chúng ta cần được liên tục lay động để giữ cho chúng ta luôn tỉnh thức. Nhưng nếu biển động mạnh, điều đó chẳng có ích lợi gì. Một sự tĩnh lặng bề ngoài không phải là nơi an nghỉ. Nó giống như ngồi trên một chiếc thuyền nhỏ giữa biển lặng, trong khi bên dưới có những con cá mập khổng lồ đang bơi lội. Sự tĩnh lặng ấy là dối gạt. Bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra. Bạn không bao giờ có thể cảm thấy thoải mái. Đây chính là Đạo của một Đạo tràng.

Hầu hết mọi người tìm cách tạo ra cho mình một môi trường thoải mái và có thể dự đoán, nhưng Sư Phụ lại tạo ra một môi trường thoải mái nhưng không thể dự đoán. Chỉ một người đã chứng ngộ mới có thể tạo

ra một môi trường như vậy, bởi nó đòi hỏi một sự ứng hiện tự nhiên nằm ngoài tầm với của tất cả trừ một số ít người.

Sư Phụ không hề ác ý với bất kỳ ai, nhưng Ngài tàn nhẫn với những chấp trước mà họ ôm giữ. Dù những chấp trước ấy là vật chất, tinh thần, hay cảm xúc, chúng đều bị phơi bày và đặt thành nghi vấn. Môi trường Đạo tràng do Sư Phụ tạo dựng đã uốn nắn các điều kiện để phơi bày những "vấn đề" tiềm ẩn của con người, trong khi Sư Phụ để cho môi trường tự làm công việc của nó.

Một vùng biển có thể lặng sóng hoặc dữ dội, và một người bơi lội giỏi ngoài đại dương có thể bơi tốt như nhau trong cả hai điều kiện, trong khi những người chỉ quen với bể bơi chỉ biết đến vùng nước tĩnh lặng. Các đệ tử của Sư Phụ học cách trở thành những người bơi đại dương giỏi, linh hoạt và có khả năng thích ứng với vô số điều kiện có thể phát sinh. Những cơn bão ập đến bất ngờ, và bạn hoặc là chìm xuống, hoặc là bơi tiếp.

Sư Phụ không muốn bất kỳ ai phải trung thành với Ngài, dù nhiều người nghĩ rằng Ngài kỳ vọng điều đó; nhưng Ngài thực sự kỳ vọng mọi người phải trung thực với chính mình - điều này, tất nhiên, đồng nghĩa với việc phải tìm ra chính mình trước - và Sư Phụ đã đảm bảo rằng họ làm được điều đó.

Việc tạo dựng một môi trường cho sự tự giác ngộ bản tâm đòi hỏi phải xây dựng mối quan hệ với từng đệ tử một. Theo thời gian, Sư Phụ đã trở thành bản thể khác (alter-ego) của tất cả những ai ở lại với Ngài khi Ngài xây dựng tổ chức của mình. Không thể nào hiểu được cảm giác ở trong dòng tâm thức của một vị Thầy và Ngài ở trong dòng tâm thức của bạn cho đến khi bạn tự mình trải nghiệm điều đó. Điều này vượt xa việc chỉ ý thức được hành động hay không hành động theo các quy tắc, duy trì chánh niệm, đạo đức, v.v. Những ràng buộc điều chỉnh bên ngoài chỉ là những cấu trúc nhân tạo và không dẫn đến những nhận thức trực giác có thể vượt lên trên chúng. Nhưng chính những "nhận thức trực giác" này phải được khám phá, và đây là mục tiêu chính của sự tu tập - tức là thổi hồn vào các quy tắc và quy định, đồng thời đóng dấu ấn cá nhân lên chúng. Chúng ta không phải là người máy, cũng không phải là con rối của một kẻ giật dây điều khiển mọi hành động và lời nói của mình.

Tất cả các giới luật và quy tắc tu viện có thể trông như những chiếc áo khoác chật cứng cho đến khi chúng ta chấp nhận chúng không thành kiến. Đúng là chúng không phải là chân lý tối thượng, nhưng tại sao phải bận tâm? Chỉ vì sự chấp trước của chúng ta mà thôi. Chúng ta đứng về phía nào? Các quy tắc dường như ngăn cản chúng ta thực hiện các mong muốn của mình, nhưng đây là một ảo tưởng bởi lẽ không có sự viên mãn

thực sự trong những theo đuổi ấy của chúng ta. Khi lần đầu sống trong môi trường tu viện, chúng ta nghĩ rằng mình đang từ bỏ rất nhiều thứ. Chúng ta quên mất rằng chính bản chất khổ đau của luân hồi đã đưa chúng ta đến cửa thiên.

Nhiệm vụ của Sư Phụ là giúp các đệ tử phát triển một pháp tu cá nhân thể hiện cách tiếp cận riêng của họ đối với giáo pháp. Đó là việc tìm ra con đường nơi bạn có thể dốc sức công phu nhưng đồng thời vẫn an nhiên tự tại. Chính Sư Phụ là tấm gương sống động nhất của điều này. Khái niệm "pháp tu cá nhân" mà những hành giả chân chính phải xây dựng không nên bị nhầm lẫn với những quan điểm "Tân Thời" (New Age) về tu tập. Thời Đại Mới diễn giải giáo pháp để chiều theo ý thích cá nhân - vốn chỉ xoay quanh việc thành công trong thế giới thế tục, thỏa mãn dục vọng, đạt được danh tiếng, được yêu thương và kính trọng, v.v. Tăng Triệu từng nói: "Tôi học Đạo Khổng để biết cách trị thế, tôi học Lão giáo để biết cách sống ở đời, và tôi học Phật giáo để biết cách rời bỏ nó." Vì vậy, mỗi người hãy chọn cho mình một con đường, nhưng nên tránh sự pha trộn hỗn tạp của trào lưu Tân Thời, vốn chỉ là những mảnh vụn giáo lý bị hiểu sai lạc. Đức Phật dạy chúng ta đi ngược dòng các khuynh hướng nghiệp lực, bơi ngược dòng chảy, chứ không xuôi theo những luồng kéo tùy hứng lôi cuốn hết hướng này sang hướng khác. Những kẻ hippie sau một hơi hít dài thường nói: "Cứ xuôi theo

dòng chảy đi, anh bạn." Sự lựa chọn của bạn chính là phao cứu sinh cho đời mình, không có gì khác.

Cho đến khi một người có thể vững bước trong cả hai thế giới (thế tục và đạo pháp), họ cần sự hướng dẫn của một bậc đã làm được điều đó. Sư Phụ đã cung cấp sự hướng dẫn đó cho tất cả những ai đến gần Ngài (kể cả rất nhiều người hippie). Tuy nhiên, người ta không nhất thiết phải sống cùng một vị Thầy, bởi ngay cả những người đã sống cùng cũng chỉ thỉnh thoảng cần trao đổi vài lời. Phần lớn công việc được thực hiện trên tâm địa, vì vậy như câu nói: "Một khi đã hút nhụy từ đóa hoa, nào có cần quay trở lại?" Dù gần hay xa, các đệ tử đều nhận được sự hỗ trợ như nhau từ Sư Phụ. Dù tôi đã gặp Sư Phụ gần như mỗi ngày trong nhiều tháng liền suốt mười năm ở bên Ngài, tôi chỉ trò chuyện với Ngài một hoặc hai lần mỗi vài tháng. Căn phòng của tôi tại Kim Sơn đối diện với phòng Ngài, và Ngài sẽ bước vào nhiều lần mỗi ngày khi tôi đang tọa thiền, thường thổi nhẹ vào tai tôi, hoặc tôi sẽ cùng Ngài đi bộ trên hành lang tầng ba mà không nói một lời. Còn có gì để nói nữa đâu?

Giờ đây, khi Sư Phụ đã rời bỏ thế gian, những ai trong chúng ta mong muốn cảm nhận sự hiện diện của Ngài phải quay về với "Pháp Thân" của Ngài - những lời dạy Ngài để lại. Sư Phụ hiện diện trong những lời dạy của Ngài, và những ai theo đuổi những lời dạy ấy

với sự sùng kính như thể Ngài đang hiện diện trước mặt, thì sẽ đón nhận được lợi lạc. Đức Phật đã dạy Chân Lý này khi Ngài được hỏi về sự diệt độ của chính mình, và điều này cũng đúng với tất cả các bậc chân sư kể từ đó. Bởi vì những lời dạy của một minh sư có sinh khí bắt nguồn từ sự chứng ngộ của các Ngài, nên những bài giảng của các triết gia và học giả, dù có biện tài đến đâu, cũng không thể có tác động tương tự lên người nghe. Trong khi các tác phẩm học thuật thì hữu ích, chúng không thể được xem như "kinh điển" để nương tựa, bởi vì ân điển gia trì và những lời nguyện cầu gắn liền với chúng đều khuyết thiếu. "Chí nguyện" và hoằng nguyện của một bậc chứng ngộ đã thổi hồn vào giáo pháp một sinh khí riêng, và điều này vượt ngoài tầm với của những chúng sinh chưa giác ngộ.

Những tác phẩm triết học và học thuật hay thường dễ tiếp cận hơn kinh điển và cũng không nên bị phớt lờ. Nhiều tác phẩm trong số đó là bản dịch của các bộ kinh và luận giải, hoặc là một tuyển tập kinh điển, và với ân điển gia trì từ vị Thầy của mình, chúng có thể nuôi dưỡng tâm phân biện của chúng ta một cách hiệu quả, dẫn dắt đến trí tuệ nội quán. Trên thực tế, người Tây Tạng có cái được gọi là "khẩu truyền" (reading transmission - lung), trong đó một bộ kinh hoặc luận giải được một vị Thầy đọc cho một đệ tử hoặc một nhóm đệ tử nghe, và việc đọc này, nhờ vào sự chứng ngộ của vị Thầy, được xem như một "sự cho phép" để

ngiên cứu văn bản và thực hành theo đó. Nhiều người Tây Tạng sẽ không nghiên cứu một văn bản nếu không có được một "khẩu truyền". Người ta nói rằng, một khi bạn có được "sự cho phép/khẩu truyền" này, việc học tập của bạn sẽ hiệu quả hơn rất nhiều.

Rất nhiều đệ tử của Sư Phụ không hề hay biết rằng họ đã được nhận "khẩu truyền" mỗi lần lắng nghe những bài giảng hằng ngày của Ngài, bởi vì Người chưa bao giờ chỉ rõ điều đó cho họ. Nhưng tất cả các bộ kinh mà Sư Phụ giảng giải trong suốt nhiều năm ấy, cũng chính là những "sự cho phép" để thực hành theo chúng, và vì thế cần được trân quý và thực hành.

MÓN QUÀ CỦA SƯ PHỤ

Một trong những minh chứng nhiệm màu nhất cho sự giác ngộ của một bậc hiền thánh được thể hiện qua những công trình kiến trúc và các cúng dường vật chất mà Ngài để lại. Sư Phụ đã viên tịch một khoảng thời gian còn tương đối gần so với các bậc cổ đức, nhưng giống như những vị mà đạo tràng và lời dạy của họ vẫn sống mãi qua nhiều thế kỷ, Sư Phụ cũng tiếp tục hiện diện tại Vạn Phật Thành.

Cảm giác được ở trong sự hiện diện của Sư Phụ vẫn hiện hữu cho tất cả những ai viếng thăm các tự viện của Ngài hoặc sống trong cộng đồng của những nơi này. Thông qua sách hoặc các bài giảng được ghi âm của Ngài, người ta có thể thấm nhuần lời dạy của Sư Phụ và đem ra thực hành. Việc làm như vậy không kém phần hiệu quả so với khi Sư Phụ còn tại thế. Bên cạnh những lời dạy và đạo tràng, Sư Phụ còn để lại một Tăng-già: các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni và những cư sĩ đã thọ

giới - những người đại diện cho giáo pháp của Ngài, xứng đáng với sự tôn kính và cúng dường của chúng ta.

Các thời khóa công phu hằng ngày, các khóa thiền định định kỳ, và các khóa tụng kinh xuyên suốt năm cung cấp một cơ hội cho bất cứ ai dành thời gian rời xa những trách nhiệm thường nhật để chuyên tâm vào việc thực hành giáo pháp. Việc tham dự các khóa tu mang đến cho những người không thể ở lại lâu hơn một cái nhìn cô đọng về thực hành thiền định, mà họ có thể mang về nhà và tiếp tục tu tập suốt cả năm. Di sản về "bồ-đề đạo tràng" (bodhimanda) của Sư Phụ là một nơi để tìm cầu giải thoát và mô phỏng theo những gì chúng ta thấy ở các bậc thầy đương thời và quá khứ của Ấn Độ, Trung Hoa, nhiều quốc gia Châu Á, và giờ đây là ở Hoa Kỳ. Sư Phụ đã để lại một bản thiết kế để những người khác có thể noi theo.

Những vấn đề thiết yếu cho tín đồ cũng đã được bao gồm trong kế hoạch của Sư Phụ. Thực phẩm và chỗ ở không phải là ngoại lệ. Những ai mong muốn tham gia cộng đồng với tư cách tình nguyện viên và tu tập giáo pháp sẽ được cung cấp bữa ăn và chỗ ở hằng ngày, cũng như được sử dụng thư viện, các thiền đường rộng rãi, và các xưởng làm việc như xưởng thủ công, xưởng cơ khí, phòng nghệ thuật, thư viện, phòng tập thể dục, sân bóng rổ, v.v., nơi một người có thể đóng góp theo kỹ năng của mình hoặc phát triển những kỹ năng mới,

giữ gìn sức khỏe và thiền định. "Sư Phụ" có nghĩa là "Người Cha đáng kính" và cảm giác như thể Ngài đang chăm lo cho từng cá nhân như chính con của mình.

Nhiều người từng thấy Sư Phụ đã không bước vào Đạo, thế nhưng nhiều người không có cơ hội gặp Ngài, lại bước vào Đạo thông qua sự chuyên tâm với những lời dạy của Ngài. Việc chấp nhận những gì được trao, từ chối nó, hoặc tìm nơi khác là tùy thuộc vào cá nhân mỗi người. Pháp Thân của một bậc Thầy không bao giờ suy tàn, mặc dù, dĩ nhiên, thân xác vật lý của các Ngài sẽ hư hoại. Những ai mong muốn được gần gũi Sư Phụ ngày nay phải tìm đến Pháp Thân của Ngài thông qua sự học hỏi, quán chiếu và thiền định. Những ai làm như vậy ắt sẽ không thất vọng.

Những lời nguyện của Sư Phụ vượt không gian và thời gian, cũng như những lời nguyện của tất cả các bậc Đại Sư. Những bản nguyện Bồ Tát của Ngài cũng vượt ngoài thời gian. Việc tu tập sẽ luôn khó khăn, dù một vị Thầy có hiện diện hay không, nhưng những khó khăn ấy sẽ không phải là không thể vượt qua nếu chúng ta làm tròn bổn phận của mình.

Sư Phụ đã để lại cho tất cả chúng ta một lựa chọn để theo đuổi một con đường của sự thanh tịnh và hạnh phúc. Ngài đã làm tròn bổn phận của mình, và phần còn lại là trách nhiệm của mỗi cá nhân.

NHỮNG MẢNH GHÉP

Sư Phụ đã có một tầm nhìn, và việc hiện thực hóa nó giống như việc lắp ráp những mảnh ghép. Những mảnh ghép ấy chính là các thành viên của Tăng đoàn, bao gồm cả xuất gia lẫn tại gia, và Ngài đã làm việc cùng họ để hiện thực hóa tầm nhìn của mình.

Sư phụ là người không bao giờ dùng sức mạnh cưỡng ép để hành sự hay áp đặt đường lối của mình. Ngài kiên nhẫn chờ đợi nhân duyên chín muồi để thành tựu mục tiêu. Việc của người đệ tử chỉ là khéo hòa hợp vào bức tranh tổng thể khi nó dần hiện ra. Sư phụ không bao giờ yêu cầu đệ tử phải làm điều gì hay mong họ theo một phương pháp tu tập cụ thể. Ngược lại, Ngài nhấn mạnh rằng các đệ tử phải nỗ lực tinh tấn để khám phá vị trí của mình trong giáo pháp và giữ tâm rộng mở đón nhận.

Nếu một đệ tử không muốn thực hiện theo lời Sư phụ dạy, Ngài sẽ tìm người khác và không hề oán giận hay phiền lòng vì điều đó. Ngài kiên nhẫn chờ đợi nhân duyên mới và một lần nữa đề nghị vị đệ tử còn do dự. Trong tâm và trong lòng Sư phụ, mỗi người đều có một vị trí. Tầm nhìn của Ngài dần thành hiện thực khi Ngài biết vận dụng các duyên để hướng dẫn đệ tử đóng tròn vai diễn của mình. Những tổ chức chúng ta có ngày nay - Hội Phật Giáo Pháp Giới, Đại Học Phật Giáo Pháp Giới, cùng các trường mẫu giáo, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm dưỡng lão, chỉ là một vài trong số đó, tất cả đều là kết quả từ sự tiếp nhận của hàng đệ tử đối với sự chỉ dạy của Sư phụ, khi Ngài hiện thực hóa tầm nhìn nội tâm thành những hình tướng bên ngoài.

Nhiều đệ tử đã từ bỏ những hoài bão cá nhân để cho Sư phụ hướng dẫn cuộc đời họ theo một mục đích lớn lao hơn, vì lợi ích cho nhiều người. Họ chính là những người chân thật buông xả, những người đã đặt nền móng vững chắc cho Phật giáo trên đất Mỹ mà không hề tính toán thiệt hơn.

Việc thiết lập một Tăng đoàn bản địa trên đất Mỹ là món quà vĩ đại nhất của Sư phụ và cũng là mục tiêu căn bản nhất của Ngài. Cho đến ngày nay, không một nơi nào khác có thể cung cấp chương trình tu học cho Sa-di, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni quy mô và chính thống

như những gì đang được thực hiện tại Vạn Phật Thành. Như đã đề cập, một minh chứng hùng hồn cho tính chính thống này chính là sau khi Đức Karmapa thứ mười sáu viếng thăm Vạn Phật Thành, Ngài đã nói với các đệ tử Tây Tạng của mình rằng khi ở Mỹ, họ nên thọ giới tại các đạo tràng của Sư phụ. Xuất phát từ vị lãnh đạo của một truyền thống tu viện có lịch sử 1.200 năm, ý nghĩa trọng đại của nhận định này là điều hiển nhiên.

Ngày nay, hai mươi tám năm sau ngày Sư phụ viên tịch, các chương trình truyền giới cho Tăng và Ni vẫn được duy trì, với hàng Ni dẫn đầu với số lượng tham gia đông đảo hơn hẳn hàng Tăng. Tuy số lượng không nhiều,¹ nhưng sự tồn tại của một tổ chức Phật giáo chính thống bao trùm mọi phương diện tu học như kỳ vọng đã trở thành hiện thực, mang đến những phước lành lan tỏa khắp nơi.

Nếu Sư phụ muốn có nhiều đệ tử, Ngài đã có thể có được điều đó, nhưng phải trả giá bằng việc làm suy giảm sự thuần túy của giáo pháp. Mục tiêu của Ngài là tạo cơ hội để thực hành Phật giáo chính thống, không phải để thu hút tín đồ. Ai muốn tu thì tốt, không muốn tu cũng tốt. Chỉ cần hoàn thành bổn phận của mình, Ngài đã hạnh phúc. Sư phụ là một bậc dẫn đường,

¹ Tôi tin là vào năm 2021, đã có khoảng 25 Sa-di-ni mới và một Sa-di nam mới. Số lượng Tỷ-kheo-ni viên mãn giới cụ túc nhiều gấp khoảng bốn lần số lượng Tỷ-kheo.

không phải một kẻ thúc ép. Ngài thiết lập một khuôn khổ cho bất kỳ ai sẵn sàng từ bỏ những lạc thú thế tục, nhưng mỗi người phải tự mình bước vào cửa đạo bằng ý chí tự nguyện và tự chịu trách nhiệm cho chính mình.

Sư phụ thấu hiểu rằng không phải tất cả những ai phát tâm bước vào Con đường Giác ngộ đều sẽ thực hiện điều đó trong hình tướng của người xuất gia. Do đó, Ngài đã tạo ra nhiều cơ hội công quả đa dạng phù hợp cho hàng cư sĩ, nhằm hỗ trợ nguyện vọng theo đuổi con đường Đạo của các đệ tử. Với Sư phụ, việc đệ tử là người tại gia hay xuất gia không thành vấn đề. Ngài chỉ quan tâm đến sự tinh tấn nỗ lực của người đó. Một cư sĩ tại gia chăm chỉ tu tập dưới sự hướng dẫn của Sư phụ hoàn toàn có cơ hội đạt được thành tựu chẳng kém gì các đệ tử xuất gia. Nhờ vậy, ngày nay chúng ta có rất nhiều đệ tử tại gia với sự thâm hiểu Phật pháp sâu sắc.

VÔ ÚY, TINH TẤN, VÀ NHIỆT TÂM

Sự trì trệ là tai họa lớn cho nhiều hành giả. Các thói quen, một khi đã quen thuộc, có thể trở thành những "cỗ quan tài." Khi "hiện trạng" trở thành một lối sống, ta đối diện nguy cơ trì trệ và thoái lui. Đời sống xuất gia cũng có thể biến thành một nghi thức quen thuộc, dễ dẫn đến tự mãn. Kỷ luật mà ta tìm cầu trong việc hành trì Phật pháp, do sự quen thuộc, có thể trở nên một chỗ nương tựa dễ chịu. Nếu ta buông mình theo sự dễ chịu ấy và chỉ sống cho qua ngày, trở thành "ông thầy chỉ biết ăn cơm," thì đó chính là cái giá phải trả bằng sự mất mát con đường tiến tu.

Sư phụ thấu hiểu rõ bản chất con người, và Ngài đã đối trị những môi nguy được đề cập trên đây bằng cách luôn đưa ra những thử thách mới. Sự vận hành của thời khóa hàng ngày trong tu viện không hề thay

đổi, bởi đó chỉ là biểu hiện bên ngoài hay lớp vỏ nơi sự tu tập cá nhân diễn ra. Mọi người tiếp cận thiền định, các nghi lễ, và ngay cả các lớp học, với sự hiểu biết rằng ẩn dưới vẻ bề ngoài, mỗi cá nhân đang chuyển hóa nghiệp lực của chính mình trong khuôn khổ đã được thiết lập. Mỗi nghi lễ đều mới mẻ, mỗi thời thiền định đều mới mẻ, mỗi buổi học đều mới mẻ, nếu - và chỉ nếu - chúng tạo thành nền tảng cho sự quán chiếu nội tâm và được hiểu rằng bản thân chúng không phải là cứu cánh tự thân.

Chúng ta không cần phải sống trong môi trường tu viện hay thậm chí là một hành giả Phật pháp mới có thể nhận ra rằng cuộc sống không chỉ đơn thuần là những gì biểu hiện bên ngoài. Tất cả chúng ta đều có nghiệp riêng cần chuyển hóa và một cách có ý thức hay vô thức, chúng ta đều sẽ cố gắng thực hiện điều đó. Đối với người thường, việc nhận diện sự vận hành của nghiệp và tương tác với môi trường theo cách hóa giải nghiệp chướng và chướng ngại sẽ khó khăn hơn nhiều so với việc thực hành trong một môi trường được kiểm soát chặt chẽ, được thiết kế đặc biệt cho mục đích này. Tuy nhiên, những cư sĩ tại gia có chí hướng vẫn có thể tạo dựng một lối sống hội tụ nhiều lý tưởng của đời sống xuất gia, bao gồm: kỷ luật trong ăn uống, nghỉ ngơi, thời gian tọa thiền, cùng các pháp thực hành như bố thí, từ bi, chánh ngữ, giữ giới. Bằng cách này, chúng ta tạo ra một khuôn khổ hiệu quả để đối diện với các

chương ngại nghiệp lực, đặc biệt là khi có được sự hướng dẫn của một vị Thầy.

Dù là người xuất gia, cư sĩ, thiện nguyện viên, hay người bận rộn với gia đình và kế sinh nhai, Sư phụ đều trực tiếp làm việc với từng đệ tử để thấu suốt bên dưới vẻ bề ngoài và tháo gỡ mạng lưới nghiệp chương đang đè nặng họ. Sư phụ thấy rõ ràng gánh nặng của đệ tử mình; thách thức nằm ở chỗ làm sao để các đệ tử cũng nhìn thấy chúng. Những ai từng làm việc với Ngài hầu như đều cảm nhận được sự khổ tâm của Ngài, khi Ngài nhìn thấy trong chúng tôi những chương ngại mà chính chúng tôi lại không hề nhận ra. Nhiều lần, Ngài nhìn tôi với khuôn mặt đỏ bừng và cổ họng nghẹn lại, như muốn nói: "Điều gì có thể rõ ràng hơn nữa, điều gì đang kéo con lại?"

Việc ở bên một người có thể thấu suốt bản chất của mình đến vậy tạo ra một cảm giác thôi thúc phải tự mình khám phá ra điều mà họ thấy quá rõ ràng. Điều này giống như khi đi bộ đường dài trên núi với một người bạn phát hiện ra một con sư tử núi đằng xa. Chỉ riêng việc anh ấy nhìn thấy nó còn mình thì không, đã khơi dậy một cảm giác cấp bách muốn được nhìn thấy nó.

Điều tinh diệu trong phương pháp tiếp cận của đạo Phật là nó kéo tâm chúng ta ra khỏi những lỗi lầm cụ thể và hướng sự chú ý vào bức tranh tổng thể: chấm dứt luân hồi sinh tử và tà kiến về một cái ngã riêng biệt. Khi tâm

nhìn của chúng ta về Đạo được mở rộng, những phiền não cá nhân trở nên ngày càng ít quan trọng. Chúng ta trở nên quan tâm đến việc nhận biết bản chất của tâm hơn là những biến động hay ô nhiễm tạm thời của nó. Nếu mở rộng góc nhìn, ô nhiễm sẽ ngày càng nhỏ bé và dần trở nên không đáng kể, cho đến khi tan biến trong không gian bao la của tâm giác ngộ.

Sư phụ luôn hướng dẫn đệ tử khám phá kho báu trong chính tự thân, hòa hợp với Chân Lý và buông xả những điều hư vọng. Ngài không ngừng khuyến khích đệ tử nhận ra rằng cái đang nhận biết các trạng thái phiền não, bản thân nó không hề bị phiền não ô nhiễm - và đó chính là bản lai diện mục của chúng ta.

GIỚI HẠN CỦA BẬC THẦY

Sư phụ đã dạy tất cả đệ tử giảng kinh và hướng dẫn thiền định, nhưng rất ít người có được sự vô úy trong phương diện này. Ngài từng nói với Pháp Sư Hằng Thật: "Thầy không biết cách giáo hóa người Mỹ, đó là sứ mệnh của con." Những đệ tử thân cận với Sư phụ khi cố gắng hoằng pháp cho người Mỹ - và những ai vẫn đang tiếp tục - hẳn đều thấu hiểu phần nào cảm nhận của Ngài! Người Mỹ quả thực rất khó giáo hóa.

Nếu tạm gác lại người Mỹ gốc Á và các nhóm sắc tộc khác, có thể tự hỏi liệu Sư phụ có nhận ra rằng Ngài không phải là người duy nhất gặp khó khăn trong việc giáo hóa người Mỹ. Người Mỹ không dễ phục tùng. Họ đề cao tinh thần độc lập. Nhiều bậc đạo sư, cả Phật giáo lẫn Ấn Độ giáo, đều nhận xét rằng người Mỹ rất khó tiếp nhận sự dạy dỗ. Tinh thần "tôi có thể làm được" nơi người Mỹ rất mạnh, đến mức làm lu mờ khả năng

của họ trong việc quy phục trước uy quyền hay rèn luyện tâm, cho dù điều đó có thể giúp họ thấy được một con đường mới mẻ và thù thắng hơn.

Việc nhiệm vụ có vẻ bất khả thi cũng không khiến Sư phụ nao núng trong việc tận lực giáo hóa, nhưng quả thực đã có những đệ tử người Mỹ không thể theo Ngài đến cùng qua nhiều năm tháng. Điều này thật đáng suy ngẫm khi trong số những đệ tử phương Tây thuở ban đầu - những người gần như được thân cận Sư phụ mỗi ngày - có ít nhất một nửa đã rời xa Ngài để theo đuổi cuộc sống thế tục. Như xuyên suốt quyển sách này đã minh chứng, việc ấy không nhất thiết có nghĩa là họ đã không tiếp tục thể hiện lời dạy của Sư phụ trong đời sống.

Người phương Tây có thái độ rằng việc thực hiện mọi thứ theo chủ ý có thể được gác lại khi sự việc không diễn ra như mong đợi, và vào lúc đó, bất cứ cách nào hiệu quả cũng đều chấp nhận được. Đối với Sư phụ, thái độ như vậy là không có nguyên tắc. Luôn có một cách đúng và một cách sai để làm việc, và "bất cứ thứ gì" hiệu quả không bao giờ là cách làm đúng đắn. Sư phụ luôn nhấn mạnh việc phải biết mình đang làm gì trong mỗi khoảnh khắc và muốn thực hiện nó như thế nào. Ngài không bao giờ cho phép mọi người làm việc một cách tùy tiện, bởi hành động phải xuất phát từ chủ ý. Nếu không được thực hiện đúng đắn, chánh niệm sẽ không có chỗ để an trú.

Thái độ "Cứ để mặc cho dòng đời cuốn đi" của phương Tây hoàn toàn đối nghịch với Thiền. Thiền chính là chủ ý và sự nhất tâm. Bị cuốn theo hoàn cảnh không phải là Thiền. Khi rửa bát, chỉ rửa bát; khi quét nhà, chỉ quét nhà: đó mới là Thiền, và những hành động được thực hiện theo cách này mới tương ứng với sự thực hành chánh niệm và nhất tâm.

Người Mỹ đã quen với việc cùng lúc giải quyết nhiều vấn đề và xoay sở các công việc của họ. Dù họ nói rằng mong muốn một cuộc sống bình yên hơn, ít bận rộn hơn, nhưng trên thực tế, họ lại chuộng sự bận rộn ấy. Người Mỹ quen với việc trốn tránh chính mình bằng cách luôn bận rộn. Điều này được minh chứng rõ nhất qua việc những người mới nghỉ hưu thường quay trở lại làm việc. Khi kỷ luật Thiền được áp dụng để giản hóa đời sống, người Mỹ theo bản năng cảm thấy bị đe dọa và bất an. Họ cần những kịch tính và hỗn loạn bên ngoài để che mắt khỏi những kịch tính và hỗn loạn trong nội tâm. Khi Sư phụ cố gắng giới thiệu lối sống thiền định giản dị cho người phương Tây, những gì họ nhìn thấy trong tấm gương tâm thức của mình quá khó để đối diện.

Dù Sư phụ dường như mong muốn các đệ tử phương Tây của mình sáng tạo những phương tiện thiện xảo để đưa Phật pháp thấm nhập vào tâm trí người phương Tây, nhưng hầu hết chỉ bắt chước Ngài -

nếu họ có giảng dạy. Kết quả là cho đến ngày nay, số lượng tín đồ phương Tây trong các đạo tràng của Sư phụ vẫn ít hơn nhiều so với người châu Á.

Mặc dù Sư phụ là người tuân thủ truyền thống, nhưng dường như Ngài kỳ vọng các đệ tử có thể làm tốt hơn chính bản thân mình. Ngay cả khi họ làm vậy, cũng không ai có thể đảm bảo họ sẽ thành công, nhưng ít nhất đó cũng là một nỗ lực đáng giá - cả trong quá khứ lẫn hiện tại.

Vào những ngày đầu tại Kim Sơn, sinh viên các trường cao đẳng và đại học thường đến thăm chúng tôi, và chúng tôi cũng đến các học viện để giao lưu và thuyết giảng. Nhưng hiện nay, những cuộc viếng thăm như vậy trở nên rất hiếm hoi. Một trong những điều Sư phụ luôn nhắc nhở đệ tử phải tránh chính là thái độ rút rề hay nỗi sợ bị mất mặt. Thế nhưng, ngay cả với những lời răn dạy đó, những vị xuất gia mà tác giả từng tiếp xúc dường như đều đổ lỗi cho nỗi sợ bị chê cười là lý do chính khiến họ không dám giảng pháp công chúng. Hơn thế nữa, một số vị còn tâm sự rằng họ thậm chí không dám thuyết giảng ngay trong nội bộ tu viện, cũng bởi nỗi sợ bị các bạn đồng tu chế nhạo.

Một vị Thầy chân chính luôn mong muốn đệ tử khắc dấu ấn riêng của mình lên giáo pháp được truyền thụ, chứ không chỉ đơn thuần tuân theo quy tắc hay cố gắng trở thành bản sao của Ngài. Sư phụ truyền dạy

Chánh pháp và chân lý theo phương thức truyền thống, nhưng Ngài kỳ vọng đệ tử tự tìm ra cách ứng dụng riêng biệt. Ngài không bao giờ muốn bị bắt chước hay sao chép, càng không muốn những nguyên tắc Ngài giảng dạy bị giới hạn trong bất kỳ quan điểm cố định nào. Tất cả những gì Ngài truyền trao và tấm gương của Ngài đều nhằm khơi nguồn cảm hứng để học trò tìm thấy sứ mệnh và mục đích độc đáo của riêng mình. Ngài rất không vui khi thấy đệ tử hành xử chỉ để làm vừa lòng Ngài.

Những đệ tử thời kỳ đầu đã thuyết giảng một cách tự tin và dễ dàng hơn nhiều so với các đệ tử hiện nay, những người không có được cơ hội được Sư phụ trực tiếp rèn giũa. Dù vậy, ngay cả chính Đức Phật cũng từng khuyến khích đệ tử phải vô úy thuyết pháp, thật đáng tiếc khi ngày nay còn ít các vị xuất gia tích cực hoằng dương Chánh pháp. Trừ khi ai đó có đủ định lực để tọa thiền suốt cả ngày, còn không, thuyết giảng chính là một trong những phương cách tốt nhất để lợi mình, lợi người.

Một trong những giáo huấn trọng tâm của Sư phụ dành cho cả hàng tại gia và xuất gia chính là không tranh đấu. Một trong những cách tốt nhất để tránh tranh đấu là tự đặt mình vào áp lực, và không có cách nào tốt hơn là đứng trước công chúng để hoằng dương Chánh pháp.

Việc thành lập Đại học Phật giáo Pháp Giới dĩ nhiên là một ước mơ đã thành hiện thực trên nhiều phương diện, nhưng nó vẫn chưa thể tiếp cận được đông đảo quần chúng như kỳ vọng để thực hiện tâm nguyện của Sư phụ là truyền bá Chánh pháp khắp nước Mỹ. Thời thế đã khác xưa. Ngày xưa, chỉ cần có nơi giảng pháp là người ta sẵn sàng vượt qua mọi hy sinh để đến tham dự. Ngày nay, người ta không còn dễ dàng bị thu hút bởi Chánh pháp, và chúng ta cần suy ngẫm thêm về những phương tiện thiện xảo nào có thể chuyển hóa được họ.

Bầu không khí nghiêm túc trong các tự viện của Sư phụ được cân bằng bởi tinh thần bao dung và khích lệ của Ngài. Sư phụ là một bậc xuất trần, nhưng luôn xem mỗi đệ tử như bảo vật của mình, khiến tất cả những ai thân cận đều cảm thấy được trân quý và che chở. Phẩm chất ấy đã khiến những người theo Ngài không màng tính toán thiệt hơn. Dù chúng tôi có cố gắng đến đâu, kể từ khi Sư phụ viên tịch, chúng tôi vẫn chưa thể thể hiện được sự ám áp đó. Có lẽ chúng tôi cần nỗ lực nhiều hơn nữa ở điểm này.

Sư phụ chẳng bao giờ đòi hỏi điều gì. Có một thời gian ở Kim Sơn, chúng tôi có hàng trăm (có lẽ hàng ngàn) tuýp kem đánh răng và bàn chải được cúng dường chất đầy trong phòng Sư phụ gần chạm trần, nhưng chúng tôi lại không có xà phòng. Tình trạng ấy

kéo dài hàng tháng trời, và vì lý do nào đó, chúng tôi cứ nhận thêm ngày càng nhiều bàn chải và kem đánh răng, nhưng vẫn không có xà phòng. Thế nhưng Sư phụ có đòi xà phòng không? Dĩ nhiên là không. Ngài chỉ hoan hỷ khi thấy mọi người thành tâm cúng dường. Ngài biết rằng tâm bố thí rất cuộc sẽ dẫn dắt người ta đến chỗ thiện định nhiều hơn, và hơn nữa, việc thiếu thốn những nhu yếu phẩm cơ bản dạy cho đệ tử tính nhẫn nại và khả năng tùy duyên sáng tạo. Cho đến giờ tôi vẫn rửa bát bằng cỏ và lá cây — và cách ấy còn hiệu quả hơn cả miếng rửa chén! Chỉ cần thêm một chút tro, bạn có thể tẩy rửa mọi thứ.

Sự quan tâm đến người khác chỉ có thể có giá trị nếu nó là chân thật và không gượng ép. Ngài chưa bao giờ ép buộc bất kỳ ai phải làm việc vì phúc lợi của người khác, mà chỉ chỉ ra rằng thông qua sự phát triển nội tâm, mong muốn làm điều đó sẽ tự nó phát sinh và trở nên không thể cưỡng lại.

CHẤP PHÁP VÔ LẬU

C húng ta đã thảo luận về tầm quan trọng của giới luật đạo đức như một nền tảng cần thiết, có lẽ là quan trọng bậc nhất. Tất cả kinh sách đều bắt đầu từ đây, và Sư phụ không ngừng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hành xử chân chính như nền tảng của con đường đạo.

Thế nhưng, ít được biết đến hơn là lời cảnh báo của Sư phụ về việc phải cảnh giác với "sự chấp trước vào các pháp vô lậu". Tuy nhiên, đây cũng là một phần vi tế trong giáo huấn của Ngài. Vậy nó là gì?

Tầm quan trọng của việc không chấp trước vào các pháp vô lậu đã không được nhiều người dù đã theo học Sư phụ nhiều năm thấu hiểu, dù Ngài giảng dạy điều này hằng ngày. Đó là một giáo lý ẩn tàng. Vậy nó ẩn tàng ở đâu? Nó được ẩn giấu trong những bài giảng của Sư phụ về sự thanh tịnh.

Hãy lấy dục vọng làm ví dụ. Ai cũng biết các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni và nhiều đệ tử tại gia đều thọ giới không tà dâm, và trong hàng xuất gia của Sư phụ, giới luật này tất nhiên được gìn giữ một cách tinh nghiêm. Thế nhưng, Sư phụ vẫn hằng ngày giảng cho hàng xuất gia về sự nguy hiểm của tham dục. Tại sao? Tại sao những tu sĩ dày dạn kinh nghiệm lại cần được cảnh báo về tà hạnh? Cho đến ngày nay, nhiều vị xuất gia vẫn chưa thực sự hiểu rõ Sư phụ đang giảng dạy điều gì, thay vào đó, họ đã biến sự thanh tịnh của đời sống tu viện thành một thứ có khả năng vượt xa bản chất của nó, cụ thể là xem nó như một cánh cửa dẫn đến giác ngộ. Nhưng nó không phải là cánh cửa ấy. Mà điều Sư phụ đã giảng dạy, được ẩn chứa trong những bài giảng về sự thanh tịnh, mới chính là cánh cửa. Vậy bài pháp ấy là gì?

Bài pháp ẩn tàng đó chính là: sự thanh tịnh về thân chưa đủ. Người tu cần phải thấu hiểu sự biểu hiện của năng lượng tính dục ở một tầng mức vi tế hơn - điều không thể diễn đạt bằng lời nhưng có thể nhận biết thông qua sự vận dụng tâm ý (yoga of the mind). Mỗi lần giảng về thanh tịnh cho các tỳ-kheo lão luyện, Sư phụ đều ám chỉ điều này. Tôi may mắn nhận ra điều này từ khá sớm trong quá trình tu tập, và thực tế, Sư phụ từng tuyên bố giữa trai đường rằng trong tất cả đệ tử, tôi là người ít vướng mắc nhất với dục tình. Hằng Quán cũng thấu hiểu điều này, và chúng tôi thường bàn

luận về việc chuyển hóa năng lượng tính dục thông qua sự vận hành tâm ý.

Sư phụ không cần nhắc nhở những người đã không phạm giới đừng phạm giới, mà Ngài muốn họ tự vấn chính mình: dục tình đang biểu hiện như thế nào trong họ khi họ đang sống một đời sống rõ ràng là thanh tịnh?

Khi chúng ta bước vào tu viện và phát nguyện giữ giới thanh tịnh, bản thân chúng ta không hề thanh tịnh hơn một chút nào so với ngày trước đó, cũng như một người nhịn ăn không hề giảm bớt lòng tham đối với thức ăn sau khi bắt đầu nhịn ăn so với ngày hôm trước. Chúng ta chỉ đang tuân theo một quy tắc, nhưng tuân theo quy tắc mới chỉ là bước khởi đầu của việc trì giới, và nếu bám chấp vào nó, sẽ dẫn đến sự sai lệch, hoặc một sự kiêu mạn sẽ làm trì trệ mọi sự phát triển tâm linh.

Điều trở trêu là để bảo vệ đệ tử khỏi sự chấp trước vào thanh tịnh, Sư phụ lại không ngừng giảng dạy về thanh tịnh. Sư phụ là một Thiền sư, Ngài sẽ không chỉ ra tường tận và qua đó làm mất đi sự thể ngộ nội tâm của đệ tử. Ngài cũng không phải là người sẽ nói với đệ tử những điều họ muốn nghe, rằng mọi thứ họ đang làm đều đúng. Ngài chưa từng vỗ về, tán dương ai, nên dĩ nhiên Ngài cũng sẽ không bao giờ giảng dạy thanh tịnh như một đối tượng tự thân để rồi bị biến thành chấp thủ. Ngài muốn mọi người hiểu được năng lượng tính dục

trong khía cạnh vi tế của nó, điều chỉ có thể được thấu hiểu thông qua sự phân tích cách mà tâm thức phóng chiếu. Ngay cả những hành động có vẻ bình thường của một đệ tử sống đời thanh tịnh cũng có thể tràn đầy năng lượng tính dục, và các bậc Thầy cảnh báo đệ tử phải cảnh giác với sự nguy trang của dục vọng - một lời cảnh báo mà những đệ tử sống đời thanh tịnh thường không nhận ra.

Thực tế là dục vọng biểu hiện trong tư tưởng và hành động theo những cách ẩn tàng, cho đến khi chúng ta thực sự đoạn trừ nó. Những người thông minh khi giữ giới nên thiền quán thâm sâu hơn để khám phá cách mà dục vọng có thể ẩn mình trong những hoạt động có vẻ vô hại. Đôi khi, bị che mắt bởi sự thanh tịnh của mình, chúng ta nghĩ rằng mình không còn dục vọng, nhưng sự quán chiếu đúng đắn sẽ tiết lộ rằng trừ khi họ là một vị A-la-hán, nó vẫn đang hoạt động.

Ngoài thiền quán, còn có Du-già, đặc biệt là pháp điều phục hơi thở, để khám phá cách vận hành của năng lượng tính dục và phương pháp khai thác năng lượng ấy nhằm đưa bản thân vào trạng thái thâm sâu hơn nhiều so với việc chỉ đơn thuần sống một đời thanh tịnh. Và còn có "Mật pháp" (Tantra), không nghi ngờ gì nữa, đây là pháp tu bị hiểu lầm nhiều nhất.

Những gì có thể nói về dục vọng cũng có thể áp dụng cho nói dối, sát sinh, trộm cắp, và vân vân - tất cả

đều có những khía cạnh vi tế. Tại sao Đức Phật dạy chẳng nên di chuyển dù chỉ một hòn đá không thuộc về mình từ nơi này sang nơi khác? Trộm cắp, cũng như dục vọng, có cả mặt thô và mặt tế. Sân hận cũng vậy, chẳng hạn, có những cách thức ảnh hưởng vi tế chưa biểu hiện. Còn nói dối thì sao? Nếu một người khoác áo tu hành nhưng trong lòng đầy tham lam và dục vọng, thì việc mặc áo đó có phải là một lời nói dối dù không thốt ra một lời nào hay không?

Nếu chúng ta quán chiếu giáo huấn của một vị Thầy, chúng ta có thể thấu hiểu rằng Ngài không chỉ dạy chúng ta đơn thuần gìn giữ giới luật thanh tịnh, mà còn phải cảnh giác với những sự chấp trước không ô nhiễm (attachments undefiled). Điều sau này được nhấn mạnh xuyên suốt phần cuối của Kinh Lăng Nghiêm, và không có gì ngạc nhiên khi Sư phụ cũng giảng dạy điều đó. Vì sao giáo lý này thường không được chú ý?

TỰ MÃN

Một vị Thầy chân chính hẳn nhiên không bao giờ có ý định biến những lời dạy về thanh tịnh của Ngài thành sự răn dạy suông cho những người đã thuần thực, càng không muốn những kẻ đã thấm nhuần sự thanh tịnh tự đề cao bản thân. Nhưng đây là điều có thể xảy ra nếu chúng ta rơi vào sự tự mãn, thay vì thấu hiểu thông điệp phải vươn tới một tầng mức thanh tịnh vi diệu hơn thông qua thiền định, học tập, và quán chiếu sâu sắc hơn, và dĩ nhiên, cả thông qua việc giảng dạy. Cái giá phải trả cho sự phát triển cá nhân là rất lớn. Hơn thế nữa, sự tự mãn trong thanh tịnh và việc biến nó thành giáo điều sẽ tạo ra rào cản cho những người hữu duyên với Phật pháp nhưng còn e ngại trước những quy tắc đạo đức mà con đường này đòi hỏi.

Các bậc Thầy thì thanh tịnh và có thể giảng dạy về sự thanh tịnh một cách không tạo ra sự chia rẽ với

người khác. Các Ngài chân thật xuyên suốt, và không bám chấp vào bất kỳ hình thức kỷ luật nào. Do đó, nhiều người tìm đến một vị Thầy bất kể lối sống của họ, lắng nghe giáo huấn của Ngài và dần dần thích nghi. Tuy nhiên, điều tương tự không đúng với chúng ta, những người vẫn đang trên con đường tu tập. Trở thành một Phật tử và tuân thủ giới luật không phải là sự thanh tịnh, mà là Con Đường dẫn đến đó. Đối với những Phật tử chưa đạt được mục tiêu, việc thuyết giảng về sự thanh tịnh cho người khác, nếu không được tiếp cận một cách khéo léo, có thể bị xem là đạo đức giả và tạo ra rào cản thay vì cây cầu kết nối.

Việc không nhận ra sự khác biệt giữa đang trên con đường đến thanh tịnh và thực sự đạt được sự thanh tịnh sẽ ngăn cản sự cởi mở với người khác - thứ mà không có nó, ta không thể tạo ảnh hưởng đến họ. Trải qua nhiều chuyến hành trình, tôi nhận thấy rằng khi bước vào một tự viện, người ta thường mặc định rằng tôi chẳng biết gì về Phật giáo. Nếu tôi nhìn một bức bích họa Đức Phật trên tường, tôi sẽ ngay lập tức được "giới thiệu" đó là ai. Các bậc Thầy chưa bao giờ dạy chúng ta nhìn nhận bản thân khác biệt với người khác, hay cho rằng người khác không phải là bình đẳng với ta. Người Mỹ da trắng tỏ ra ít quan tâm đến việc học Pháp tại những tự viện mà thái độ xa cách ngự trị. Đây là một điều đáng tiếc. Những tự viện tuyệt đẹp trên khắp thế giới trở nên vắng vẻ khi những thái độ lạnh

nhật và kiêu mạn còn tồn tại. Lòng nhiệt thành là điều Sư phụ luôn khuyến khích, Ngài nhấn mạnh rằng chúng ta phải thân thiện và chân thành với người khác.

Các bậc Thầy khen ngợi chúng ta vì nhiều lý do, không chỉ vì sự thanh tịnh, nhưng không bao giờ vì bất kỳ lý do nào khác ngoài việc truyền cảm hứng để chúng ta hoàn thiện chính mình: dịch kinh tốt hơn nếu là dịch giả, thực hiện nghi lễ chân thành hơn nếu là người hướng dẫn nghi lễ, phụng sự cộng đồng tốt hơn khi làm công quả, giảng dạy hay hơn nếu là giáo thọ, điều hành các khóa thiền và tụng niệm hiệu quả hơn nếu là thiền chủ, và chuyên tâm vào việc học Pháp và tu tập tinh tấn hơn nếu là một Phật tử trên đạo lộ. Các bậc Thầy không vỗ về an ủi, mà thúc đẩy ta hướng đến việc xem người khác như bản thân chính mình.

Người nhịn ăn dài ngày hay nhiều tuần không phải vì thế mà thoát khỏi lòng tham với thức ăn, cũng như người xuất gia không phải vì thế mà trở nên thanh tịnh. Cả hai đều là nỗ lực hướng đến mục đích, chứ chưa phải là sự thành tựu rốt ráo. Điều này cũng đúng với các cư sĩ tại gia bước vào con đường Chánh pháp. Đạo Phật hay bất kỳ tôn giáo nào khác đều hướng đến sự chuyển hóa nội tâm, không phải là sự phân biệt bên ngoài. Một người nhịn ăn có thể tham muốn thức ăn nhiều như bất kỳ ai, hoặc hơn thế, và một tu sĩ có thể còn bị nhiễm ô như một người bình thường. Điều tương

tự cũng đúng với một Phật tử tại gia. Chúng ta không nên nhầm lẫn hình tướng với kết quả. Một số tu sĩ thì thanh tịnh, một số thì không; ta phải nhìn vào bản chất bên trong. Một số người thế tục thì thanh tịnh, một số thì không, chúng ta phải nhìn thấu qua vẻ bề ngoài.

Bậc Thầy chân chính luôn khuyến khích đệ tử sử dụng phương tiện thiện xảo với thái độ khiêm cung. Khi bản thân chưa đạt được sự thanh tịnh chân thật, ta không thể áp đặt điều ấy lên người khác, mà chỉ nên khuyến khích họ cùng trải nghiệm sự thanh tịnh như chính ta đang làm. Cách tiếp cận hòa mình vào trình độ của người mình muốn hướng dẫn thường đem lại hiệu quả, bởi nó chân thành và thực tế. Mọi người vốn không muốn lắng nghe những kẻ tự đặt mình lên trên, trong khi những bậc thực sự chứng ngộ thì hiểu rõ hơn ai hết- đạo lý chân chính không cần phô trương.

Các tự viện của một vị Thầy thuộc về Phật giáo và dành cho tất cả Phật tử. Đây là thông điệp minh bạch của bậc Đạo sư; xét cho cùng, tự viện vốn là cơ sở tồn tại nhờ sự hộ trì của công chúng. Nếu những tổ chức của vị Thầy ấy tách biệt với các hội đoàn Phật giáo khác và các vị thầy khác, họ khó có thể phát triển bền vững. Việc tham dự một hội nghị mang tính hình thức mỗi năm một lần, hay chỉ mời những người đáp ứng tiêu chí hẹp về giảng dạy, là chưa đủ. Là cư sĩ tại gia thực hành Chánh pháp, chúng ta cũng có thể hoằng

truyền giáo pháp. Đức Phật dạy rằng nếu ta biết một câu kinh, hãy giảng dạy một câu; nếu biết bốn câu, hãy giảng dạy bốn câu; một đoạn, một trang, hay toàn bộ bộ kinh... ta đều nên giảng dạy. Ngài cũng dạy nên tránh thuyết pháp không đúng thời cơ, hay thậm chí thảo luận giáo pháp một cách tùy tiện. Kinh Thánh cũng đề cập đến sức mạnh của "lời nói phải lúc". Tôi từng duy trì một lớp học hàng tuần kéo dài ba giờ, nơi hàng xóm và bạn bè có thể đến nghe đọc tụng kinh văn và thảo luận, sau đó cùng tọa thiền. Chúng tôi thường cùng dùng bữa với thức ăn tự mang theo sau đó. Đó là cách tuyệt vời để truyền bá Chánh pháp, cùng nhau học đạo trong niềm hoan hỷ của tình pháp hữu. Bất kỳ ai cũng có thể làm điều này, bất kể trình độ tu tập đến đâu.

Việc một đệ tử thăm viếng các vị Thầy khác, thỉnh mời họ đến giảng dạy tại tư gia, hay tham dự các sinh hoạt ở nhiều tự viện khác nhau, thoạt nhìn có vẻ như là một sự "bất trung" với bốn sư. Nhưng đây thực chất chỉ là một quan niệm sai lầm và chắc chắn không phải là sự thật. Các bậc Thầy thân thiện với nhiều hội đoàn và vẫn thăm viếng các vị thầy khác, thì đệ tử hoàn toàn có thể làm điều tương tự. Sư phụ đã từng thăm viếng rất nhiều vị Thầy và hội đoàn, điều này được minh chứng qua hàng trăm trang tường niệm được nhận sau khi Ngài viên tịch, và đã được xuất bản thành bộ sách tường niệm ba tập của tổ chức.

Kể từ khi Đức Thích Ca Mâu Ni nhập diệt, thế gian đã được ban phước lành bởi sự xuất hiện của nhiều bậc Đạo sư. Còn minh chứng nào hùng hồn hơn cho sức sống trường tồn của giáo pháp Đức Phật? Nếu may mắn được tiếp nhận giáo huấn từ một trong những vị kế thừa Chánh pháp của Ngài, chúng ta cũng nên nhận rằng những người khác cũng đã đón nhận những lời dạy quý báu từ các vị Thầy và truyền thống khác. Người con Phật cần hòa nhập vào mạng lưới Phật giáo toàn cầu, bằng cách cả nâng đỡ nó lẫn được nó hỗ trợ.

Người con Phật nào mong muốn gìn giữ uy tín trong cộng đồng Phật giáo cần phải sẵn sàng giảng dạy và chia sẻ kho tàng tri thức của mình. Họ cần phải dễ gần, thân thiện, ấm áp và hòa nhã. Họ không nên tạo sự xa cách hay tự tôn vinh bản thân.

ĐỘI NGŨ CỦA SƯ PHỤ

Ngay sau khi đến Mỹ, Sư phụ đã thành lập một "đội ngũ" - một Tăng đoàn, và một nhóm cá nhân đã gia nhập đội ngũ ấy để cùng thực hiện hoài bão của Ngài. Một số người đã rút lui sau vài tháng hoặc vài năm, hoặc vì sự hy sinh cá nhân quá lớn, hoặc vì họ không tin vào hoài bão của Sư phụ hay cách thức thực hiện nó. Dù nhiều người đã rời đi, nhưng số người gia nhập còn đông hơn thế, và Tăng đoàn vẫn không ngừng phát triển trong suốt cuộc đời của Sư phụ.

Hoài bão của Sư phụ, dĩ nhiên, là mang Phật giáo đến phương Tây, nhưng nước Mỹ không phải là Trung Hoa, và nhiều chướng ngại đã không được lường trước. Lớn nhất, có lẽ như đã nêu chi tiết ở trên, chính là thái độ không dễ phục tùng của người Mỹ - một dân tộc không dễ dàng chấp nhận để những tư tưởng áp đặt lên mình, ngay cả khi đó là vì lợi ích của chính họ. Người

Mỹ quan niệm rằng bất cứ điều gì tốt đẹp đến với họ phải là thứ họ có thể kiểm soát và phải xuất phát từ chính bản thân họ.

Các bậc thầy Ấn Độ giáo trước thời Sư phụ và các vị Lạt ma Tây Tạng đương thời đều nhận ra tánh kiêu ngạo của người Mỹ và đã trình bày giáo pháp theo cách chiều theo bản ngã "cái Tôi" lớn mạnh của họ. Họ làm điều này bằng cách thu hút đệ tử qua các hình thức thiền định, làm chủ hơi thở, quán tưởng, điểm đạo, Mật pháp, và duy trì họ với những pháp môn này trong thời gian dài, thường là nhiều năm. Một khi đệ tử đã thực sự gắn bó, họ mới giới thiệu giới luật đạo đức như một điều kiện tất yếu để chính thức trở thành đệ tử.

Sư phụ hoàn toàn không chấp nhận cách tiếp cận này. Các vị thầy đương thời, cả Ấn Độ giáo lẫn Phật giáo, thường mặc vest phương Tây thay vì áo truyền thống và cư xử với phong thái Tây phương. Điều này có vẻ nhỏ nhặt, nhưng nó là biểu tượng cho một lối giảng dạy không còn thuần túy nguyên bản. Tuy nhiên, Sư phụ giảng dạy theo cách mà Đức Phật đã dạy, và không bao giờ thỏa hiệp giáo pháp để thu hút đệ tử. Dù vậy, Ngài cũng chỉ rõ rằng chúng tôi, với tư cách là đệ tử am hiểu văn hóa Mỹ, cần phải có khả năng giảng dạy hiệu quả hơn chính Ngài, và Ngài khuyến khích chúng tôi làm như vậy. Ngài dạy rằng chúng ta không cần phải hy sinh sự trong sáng của giáo pháp, nhưng vẫn có

thể trình bày nó một cách phù hợp hơn với tâm thức người phương Tây.

Mọi người đã thử nghiệm phương pháp này, đáng chú ý nhất là Pháp sư Hằng Thật với âm nhạc và múa rối, và những người khác thông qua việc thuyết giảng theo cách khoa học hơn. Bản thân tác giả cũng đã khám phá việc truyền đạt qua văn chương, nhưng với thành công hạn chế. Người Mỹ muốn biết họ sẽ nhận được gì từ việc này, chứ không phải họ có thể đóng góp những gì. Thái độ này rất khác so với người Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và người dân nhiều quốc gia khác.

Người Á Đông được giáo dục từ tâm thức rằng phải đối đãi khách như Thượng Đế, điều này thể hiện rõ khi chúng ta đến thăm một gia đình châu Á. Nhưng khi đến một gia đình Mỹ, mọi thứ sẽ khác biệt. Bạn có thể phải tự hỏi xin một ly nước trong ngày nóng nực. Nghe có vẻ nhỏ nhặt, nhưng khi thái độ này tràn sang lĩnh vực tôn giáo, bạn sẽ thấy sự bần xỉn về vật chất giữa người phương Tây, và cả sự keo kiệt trong khả năng hy sinh bản thân cho việc tu tập Phật pháp - điều mà không có thì sự thực hành Chánh pháp là bất khả thi.

Điều quan trọng cần nhớ là Sư phụ và các bậc đạo sư khác đang nỗ lực hết mình để truyền bá Chánh pháp. Nhiệm vụ của chúng ta - những người đệ tử - là hỗ trợ công việc của các Ngài bằng cách dốc toàn lực cho sự tu tập của chính mình, nghiên rằng chịu đựng và giữ

vững niềm tin. Chúng ta không thể bận tâm đến việc người khác đang làm gì hay vị thầy khác đang dạy gì, và chắc chắn, nếu thực sự chuyên tâm tu tập, ta sẽ không còn tâm trí đâu để chỉ trích bất kỳ ai. Có truyền thống nào thực sự có lý do chính đáng để bất kính với các bậc chân sư hay truyền thống chân chính khác không? Chính Sư phụ đã đón tiếp những vị khách từ các truyền thống khác, đặc biệt là Tây Tạng, với tình thương thuần khiết, bất chấp những khác biệt trong phương pháp tu tập.

Những ai may mắn được quy y với Sư phụ đều hiểu rằng chúng ta có đủ chướng ngại của riêng mình để tập trung giải quyết, và không có chút năng lượng nào để lãng phí. Chúng ta thật có phúc khi được biết đến Chánh pháp!

TRÁCH NHIỆM CÁ NHÂN

Những ai đã từng được một bậc Thầy chạm đến tâm hồn sẽ luôn cảm nhận được sự hiện diện của Ngài. Nhiều người trong chúng ta biết đến chân lý và chánh niệm là nhờ được vị Thầy nuôi dưỡng bằng những lời dạy chân truyền. Trái tim ta giờ đây không thể nào quay lại với luân hồi. Trách nhiệm của chúng ta là hoàn thành bốn phận của mình: dẫn dắt những người chưa gặp được Chánh pháp và nâng đỡ những người đã có duyên lành ấy.

Nhiều bậc Thầy đã để lại cả một cơ sở hạ tầng toàn cầu để tổ chức các khóa giảng pháp, thiền tập và cả những hoạt động thể tục. Khi Sư phụ mới đến Mỹ, Ngài chỉ có một tầng hầm không cửa sổ để sinh sống. Khi viên tịch, Ngài đã để lại vô vàn tài nguyên để thúc đẩy hoài bão của mình. Những di sản đó bao gồm: vô số ấn phẩm, trung tâm dịch thuật, cơ sở phân phối kinh điển và giáo lý, các thiền đường và giảng đường, trang trại và

nhà ăn, thư viện và cơ sở nghiên cứu, cơ sở lưu trú cho khách thập phương và người cao tuổi, các chương trình cho thiện nguyện viên và sa-di, trường học và đại học, xưởng mộc, phòng nghệ thuật, xưởng cơ khí - nhìn chung là một khối lượng tài nguyên đồ sộ. Trọng tâm của tất cả các nguồn lực ấy vẫn là việc truyền bá Chánh pháp, nuôi dưỡng những người đang nỗ lực tu tập, và thu hút những người còn chưa biết đến đạo.

Kể từ khi Sư phụ viên tịch, căng thẳng toàn cầu đã lên đến đỉnh điểm, và các tổ chức toàn cầu như của chúng ta đang hoạt động trong những điều kiện hết sức khó khăn. "Có những kẻ mềm nhũn khi thấy máu của người khác, nhưng cũng có những người càng thêm dũng mãnh ngay khi chứng kiến chính máu của mình."¹ Sư phụ là hiện thân của sự vô úy và dũng mãnh, và phẩm tính ấy chỉ càng thêm kiên cố khi chướng ngại chất chồng. Chúng ta nên khắc ghi lời dạy bất diệt của Ngài: "Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên."

Khả năng sử dụng những tài nguyên mà bậc Thầy trao tặng sẽ quyết định mức độ chúng ta hiện thực hóa hoài bão của Ngài. Công phu thiền định, giới hạnh tinh nghiêm, sự học hỏi, khả năng giảng dạy, tâm xả ly, hạnh bố thí, cảm nhận sự hiện diện của Thầy và năng lực chia sẻ điều ấy - tất cả chỉ thực sự có giá trị khi đem lại lợi lạc cho tha nhân. Tâm vị tha là điều khó thể hiện

¹ Bộ luận Nhập Bồ Tát Hạnh do Ngài Tịch Thiên trước tác.

trộn vện, dù là xuất gia hay tại gia. Tâm vị tha thường ẩn hiện khó nắm bắt. Hàng xuất gia không hẳn đã dễ dàng thực chứng điều này hơn các cư sĩ tại gia. Tâm vị tha chân thật không phải là hình tướng bên ngoài hay một đời sống kỷ luật, mà chính là kết quả được hun đúc từ nếp sống ấy qua thời gian dài.. Sự hiển dương bản thân khi được cần đến là hành động xuất phát từ nội tâm thâm kín, và tự thâm tâm ta biết rõ khi mình thực sự lắng nghe và khi nào không.

Lòng vị tha của một bậc Thầy là điều không thể nghi ngờ, và những ai từng được gần gũi Thầy đều thấu hiểu thế nào là tâm vị tha chân chính. Đó là bài học tối thắng nhất chúng ta đón nhận được, và cũng là chìa khóa mở ra tất cả pháp môn tu tập. Sự xả ly dẫn đến tâm vị tha, và những ai muốn xứng danh đệ tử của bậc Thầy không thể dung chứa bất kỳ sự tham đắm nào - dù là vật chất, tinh thần, hay cả hai.

Dòng pháp của chúng tôi, Thiên Tông, là dòng truyền thừa của chư Tổ sư, các Ngài đều nhấn mạnh sự xả ly như then chốt dẫn đến tâm vị tha, và từ đó mở ra cánh cửa của lòng từ bi chân thật. Không có tâm vị tha, lòng từ bi đích thực là điều bất khả. Ta có thể cất lời tán thán hay đến đâu, nhưng cho đến khi trái tim được khai mở, những giọt nước mắt chân thành sẽ không thể rơi. Biết được Sư phụ, tôi không khỏi tự hỏi Ngài đã đổ bao nhiêu lệ cho tất cả đệ tử quy y của mình. Ngài đã khóc

trên bao nhiêu pho tượng Phật bằng đất sét, khi đôi tay trần của Ngài nhào nặn nên chúng từ đất lạnh. Đó chẳng phải là một ẩn dụ về cách Ngài uốn nắn từng đệ tử của mình thông qua suốt cuộc đời giảng dạy hay sao?

Chỉ một người có tâm vị tha chân chính mới có thể hòa tan chính mình vào tha nhân - điều mà bao người từng cảm nhận sự hiện diện của Sư phụ đều có thể xác chứng. Một giáo huấn trung tâm của Sư phụ là: hãy chân thật với chính mình. Ngài chưa bao giờ muốn đệ tử cố gắng trở thành bản sao của Ngài. Trái lại, Ngài muốn đệ tử dám phản biện chính Ngài (nếu làm vậy, hãy chắc rằng mình hiểu mình đang làm gì) bằng một tâm thế giác ngộ. Ngài đã cung cấp cả phương tiện lẫn tấm gương sống để thực hiện điều đó. Ngài nhấn mạnh các quy tắc giới luật và đã sống trọn đời theo chúng, nhưng Ngài cũng thấu rõ chúng chỉ là phương tiện quy ước, nhân tạo và vô ích cho đến khi chúng trở thành bản tính tự nhiên. Sư phụ không tạo ra những cỗ máy vô hồn, và một đệ tử chỉ bám chấp vào giới điều mà không thấu hiểu bản chất tạm thời và mục đích của chúng sẽ không nhận được sự ấn chứng của Ngài.

Mọi người trên thế giới này cũng khát khao Chánh pháp như chúng ta, chỉ có điều họ chưa nhận diện được cơn khát ấy như cách chúng ta đã làm. Công việc của chúng ta là giúp họ nhận ra họ đã có sẵn tất cả những tư tưởng đúng đắn, việc còn lại chỉ là sắp xếp

chúng cho có trật tự. Nói cách khác, những ai đã từng được bậc Thầy hướng dẫn nên khích lệ người khác bằng cách đặt mình vào vị trí của họ và nói: "Bạn có đủ khả năng, hãy tiến lên!". Dù là xuất gia hay tại gia, nhưng đặc biệt là hàng xuất gia, người tu tập Phật pháp không bao giờ được để người khác cảm thấy chúng ta là gì khác hơn một người hướng dẫn. Sứ mệnh của chúng ta chỉ đơn thuần là khơi dậy sự nhận biết về khả năng tự thân nơi họ. Hầu hết mọi hoạt động không làm tổn hại người khác đều có thể trở thành pháp môn tu tập. Sư phụ hướng dẫn mọi người, nhưng luôn để họ làm điều họ muốn, không bao giờ áp đặt ý chí của Ngài lên ai. Ngài thường xuất hiện đúng lúc với một lời khuyên đúng thời - như Ngài thường nói: "Mọi thứ đều ổn thôi".

TỔNG KẾT

Nếu chưa từng đặt chân đến Hawaii, bạn sẽ không thể nào thấu hiểu cảm giác được làn gió nhẹ nhiệt đới, vị mặn mòi của đại dương, sự chuyển động của biển cả vĩ đại hơn bất kỳ điều gì khác, sự ấm áp từ con người nơi đây, vẻ nguyên sơ của những bãi cát, sự xanh tươi của rừng nhiệt đới, nỗi choáng ngợp trước những vách núi cheo leo, những cơn mưa thoáng qua bất chợt, những con sóng trùng trùng điệp điệp, và sự ân cần của thiên nhiên ban tặng dồi dào thực phẩm. Muốn hiểu Hawaii, bạn phải tự mình đến đó - thế nhưng, biết đâu bạn sẽ chẳng bao giờ đi nếu không nghe lời kể từ những người đã từng đặt chân tới.

Tôi viết những dòng này không nhằm thực hiện điều bất khả: truyền đạt trải nghiệm được ở bên một bậc giác ngộ. Đây chỉ là cảm nang hướng dẫn, tựa như sách chỉ dẫn về Hawaii, có thể khích lệ bạn bước trên con

đường dẫn đến giác ngộ. Nó không thể thay thế việc được thân cận bậc minh sư, cũng như sách hướng dẫn du lịch chẳng thể thay thế chuyến hành trình thực tế. Nhưng biết đâu, nó có thể giúp bạn biến giấc mơ của mình thành hiện thực. Đó là niềm hy vọng chân thành của tôi.

Như đã đề cập, việc được ở bên một bậc giác ngộ sẽ ít có lợi ích nếu ta chưa chuẩn bị sẵn sàng. Con đường chuẩn bị cùng những chướng ngại có thể xuất hiện đã được phác thảo ở trên. Dù Hòa thượng Tuyên Hóa - vị Thầy mà cuốn sách này kính dâng - đã rời bỏ thế gian hơn hai thập kỷ, Pháp thân của Ngài vẫn sống động trong các tự viện. Điều này cũng đúng với nhiều bậc thầy đã viên tịch. Việc đến bất kỳ tự viện nào, làm công quả, học tập và tham gia các hoạt động, theo thời gian sẽ chuẩn bị cho hành giả sẵn sàng đón nhận sự chỉ dạy từ một bậc minh sư. Khi thời điểm chín muồi, vị Thầy sẽ xuất hiện mà không cần ta tìm kiếm. Có thể Ngài sẽ hiện ra nơi bạn đang ở, hoặc bạn sẽ phải vượt nửa vòng trái đất, nhưng khi bạn thực sự sẵn sàng, vị Thầy ắt đang chờ đợi.

Bất kỳ ai cho rằng vị thầy của mình là bậc thầy duy nhất, ắt hẳn phải nghĩ như vậy vì điều đó cho họ sức mạnh để tiếp tục, như một đứa trẻ còn bám váy mẹ. Nhưng khi trưởng thành về mặt tâm linh, ta nhận ra rằng trong bất kỳ thời điểm nào cũng có nhiều bậc thầy,

và chắc chắn sẽ có một vị có nhân duyên với ta. Trải nghiệm của tác giả với vị thầy của mình chỉ thuộc về riêng tôi, và độc giả cũng sẽ cảm nhận mỗi liên hệ đặc biệt với thầy của chính mình, như bao người khác trên Đạo lộ.

Hòa thượng Tuyên Hóa, cũng như Đức Phật, là một ngọn đuốc rọi sáng vô số tâm hồn khi nhục thân của Ngài còn tại thế, và Pháp thân của Ngài vẫn đang tiếp tục sứ mệnh ấy thông qua lời dạy sẽ còn mãi với thời gian. Những lời dạy ấy sẽ không bao giờ ngừng vang vọng với những ai biết lắng nghe, và cũng sẽ không ngừng dẫn lối. Liệu chúng ta có đang thực sự lắng nghe? Chân lý không phụ thuộc vào sự diễn giải, và Chân lý cũng không bao giờ nên là nguyên nhân của sự chia rẽ. Đức Phật và chư vị giác ngộ đời sau đã truyền bá Chân lý thông qua thông điệp của các Ngài. Đáng tiếc thay, thông điệp ấy đã bị nhiều người đánh mất vì thành kiến với bản thân của vị Thầy, hơn là với thông điệp của Ngài, và từ đó, họ tự tách mình ra khỏi cả hai.

Sư phụ là một bậc Thầy Phật giáo. Ngài hoàng dương giáo pháp, không phải bản thân mình. Những ai bám chấp vào con người của Ngài thì làm vậy với cái giá phải trả là hiểu lầm thông điệp của Ngài, và của cả Đức Phật. Bởi lẽ, chính Đức Phật đã dạy: "Chớ vội tin vào lời Ta nói, hãy dùng sự quán sát và lý trí để tự

mình thâm nghiệm tính chân thực của những lời ấy. Chỉ khi ấy, mới nên tin theo." Sư phụ, cũng như mọi chúng sinh, không gì khác hơn là sự hiển lộ của ngôn từ - nhưng trong trường hợp của Ngài, đó là ngôn từ giác ngộ. Dẫu cho lời của bậc Thầy có thâm nhuần trí tuệ giác ngộ đến đâu, chúng cũng ít có ý nghĩa với ta nếu không được tự mình quán chiếu và suy xét để chứng nghiệm tính đúng đắn. Nếu ta chỉ đơn thuần chấp nhận lời Thầy qua niềm tin mù quáng, thì ta không tôn trọng chính Ngài hay thông điệp của Ngài, cũng như không tôn trọng Đức Phật và giáo pháp của Ngài. Tuy nhiên, nếu thông qua sự quán chiếu và lý trí, ta thấu hiểu được ý nghĩa sâu sắc và thiết thực trong lời dạy của Thầy, thì khi ấy, ta mới thực sự tôn kính cả con người và thông điệp của Ngài.

Nhiều người cố giật mở cánh cửa giải thoát bằng nỗ lực tự thân, bởi ý tưởng "tự lực" nghe thật hấp dẫn. Với họ, tự lực có nghĩa là không cúng dường tự viện, không hộ trì tăng chúng, không in ấn kinh sách...; người "tự lực" không trì giới, không khổ hạnh, không theo thời khóa thiền định... Thế nhưng, cái gọi là 'tự lực' theo cách hiểu ấy, thực chất chỉ là sự ích kỷ được che đậy bằng một danh từ đẹp đẽ.

"Buông xuống tất cả" chính là khởi điểm để kiến tạo một nền tảng cho "tự lực" đích thực phát huy tác dụng. Bất cứ nơi đâu còn tồn tại sự chấp trước, chính là

nơi chúng ta phải nhắm đến và tách rời bản thân khỏi chúng. Nếu còn nắm giữ, ta không thể tiến bước. Điều này chẳng liên quan đến giàu hay nghèo, no đủ hay thiếu thốn, xuất gia hay tại gia, học rộng hay không, nam hay nữ, đã lập gia đình hay độc thân, thiên tư mẫn tiệp hay chậm hiểu, hay bất kỳ "hình tướng" nào khác mà ta và người đời dùng để gán cho mình. Mỗi người tự biết mình phải buông bỏ điều gì để tiến lên, nhưng mấy ai làm được chỉ vì sợ hãi cho sự tồn tại của "cái tôi" quen thuộc. Thế nhưng, hãy cứ để "cái tôi" ấy tự lo liệu lấy số phận của nó, và bước một bước khỏi đầu sào trăm trượng.¹

Thói quen trói buộc ta trong vùng an toàn, và nỗi sợ ngăn cản ta rời xa cái tôi mà ta đã dày công vun đắp. Tầm nhìn của ta luôn rõ ràng khi nhìn về quá khứ, vậy tại sao không dùng nó để kiến tạo tương lai tốt đẹp hơn? Buông bỏ bản ngã không có nghĩa là phải thay đổi nghề nghiệp, đời sống cá nhân... nhưng đôi khi điều ấy vẫn có thể xảy ra.

Sự buông xả và không chấp trước có thể vận hành trong bất kỳ khuôn khổ nào. Thực tế, nó phải bắt đầu từ chính khuôn khổ quen thuộc của ta, cho đến khi khuôn khổ ấy tự tan rã từ bên trong khi ta đã sẵn sàng. Nếu buông xả và không chấp trước được thực hành như một

¹ "Đầu sào trăm trượng" trong ẩn dụ được dùng như một tỷ dụ về việc dốc toàn lực cho sự thúc đẩy cuối cùng để đạt đến giác ngộ.

cử chỉ phủ nhận tất cả, nó chắc chắn sẽ thất bại, bởi mọi sự ép buộc đều không thể trường tồn. Sự buông xả chân thật sẽ khởi lên như một hệ quả tự nhiên của sự thể ngộ, chứ không phải điều ta áp đặt lên chính mình.

Bất cứ nơi đâu và khi nào ta muốn bắt đầu hành trình tâm linh, đó chính là thời điểm và địa điểm đúng đắn. Khi tính hời hợt của những mối quan hệ và trải nghiệm vô vị thôi thúc ý chí làm lại từ đầu, hãy kháng cự mọi thay đổi và suy ngẫm trong khuôn khổ hiện tại. Nếu có một căn phòng nhỏ hay góc tủ để lui vào, đó chính là núi thiêng của ta - nơi ta sẽ tìm thấy thứ ánh sáng giúp ta thấy được sự trống rỗng của vạn pháp. Hãy thường xuyên lui tới nơi ấy và lắng yên, quan sát từ góc tĩnh lặng của tâm thức, lắng nghe bằng tai nghe của nội tâm. Hãy tĩnh lặng hoàn toàn - trong sự tĩnh lặng viên mãn, không gì xảy ra. Đừng bao giờ rời bỏ chính mình vì không có gì khác ngoài ta. Vậy thì có gì để được, có gì để mất?

MỤC LỤC

LỜI TỰA.....	11
LỜI NÓI ĐẦU.....	13
ĐẾN NÚI VÀNG	17
SƯ PHỤ XUẤT HIỆN	30
GIÁC NGỘ LÀ ĐIỀU CÓ THỂ	42
ĐẠP NÁT BẢN NGÃ.....	54
CHỌN MỘT VỊ THẦY	57
TÓM TẮT CHƯƠNG MỘT	65
CHƯƠNG HAI: HÀNH TRÌNH DÀI.....	68
KIỆN NHẪN TRÊN ĐƯỜNG ĐẠO	71
KHÔNG KỶ VỌNG	75
BUÔNG XẢ	79
CHÌA KHÓA.....	85
ĐỪNG BAO GIỜ NÓI "KHÔNG"	88
ĐỨC KARMAPA ĐỜI THỨ 16 VIẾNG THĂM.....	100
VẤN ĐỀ DÀNH CHO BẬC THẦY.....	108
CHÂN LÝ VÀ CHÁNH NIỆM	117
CÁI BẦY	123

THAM ÁI VÀ CHẤP TRƯỚC	131
TRÂN QUÝ CHÍNH MÌNH	142
TỌA THIỀN	146
ĐẠO LÀM ĐỆ TỬ	151
ĐỜI SỐNG GIẢN DỊ	157
XÂY DỰNG NỀN TẢNG	164
MÓN QUÀ CỦA SƯ PHỤ	175
NHỮNG MẢNH GHÉP	178
VÔ ÚY, TINH TẤN, VÀ NHIỆT TÂM	182
GIỚI HẠN CỦA BẬC THẦY	186
CHẤP PHÁP VÔ LẬU	193
TỰ MÃN	198
ĐỘI NGŨ CỦA SƯ PHỤ	204
TRÁCH NHIỆM CÁ NHÂN	208
TỔNG KẾT	213
MỤC LỤC	219